

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÀ RỊA-VŨNG TÀU



BARIA VUNGTAU
UNIVERSITY
CAP SAINT JACQUES

THÁI BẢO TRÂN

**NGOẠI GIAO VĂN HOÁ CỦA ẤN ĐỘ ĐỐI VỚI
ĐÔNG NAM Á THỜI KỲ THỦ TƯỚNG MODI**

LUẬN VĂN THẠC SĨ

Bà Rịa-Vũng Tàu, tháng 9 năm 2023

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÀ RỊA-VŨNG TÀU



BARIA VUNGTAU
UNIVERSITY
CAP SAINT JACQUES

THÁI BẢO TRÂN

**NGOẠI GIAO VĂN HOÁ CỦA ẤN ĐỘ ĐỐI VỚI
ĐÔNG NAM Á THỜI KỲ THỦ TƯỚNG MODI**

LUẬN VĂN THẠC SĨ

Ngành: Đông phương học

Mã số ngành: 8310608

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

PGS.TS Trần Nam Tiến

Bà Rịa-Vũng Tàu, tháng 9 năm 2023

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận văn là trung thực, khách quan.

Tôi cũng xin cam đoan rằng các thông tin trích dẫn trong luận văn đều được chỉ rõ nguồn gốc.

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 10 tháng 9 năm 2023

Tác giả

Thái Bảo Trân

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành luận văn “**Ngoại giao văn hoá của Ấn Độ đối với Đông Nam Á thời kỳ thủ tướng Modi**”, tôi đã nhận được sự giúp đỡ của rất nhiều người. Những dòng đầu luận văn, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn của mình.

Lời đầu tiên, tôi xin chân thành cảm ơn Thầy hướng dẫn khoa học cho tôi, PGS.TS Trần Nam Tiến đã tận tình chỉ bảo, giúp đỡ, hướng dẫn để tôi có thể hoàn thành luận văn này.

Tôi xin gửi lời cảm ơn đến quý Thầy Cô đã giảng dạy, truyền đạt kiến thức quý báu cho tôi trong quá trình học tập tại khoa.

Cuối cùng, tôi xin chân thành cảm ơn gia đình đã luôn tạo điều kiện, ủng hộ và hỗ trợ cho những khó khăn, đồng nghiệp và bạn bè đã luôn đồng viên tinh thần trong quá trình tôi thực hiện luận văn của mình.

Tác giả

Thái Bảo Trân

LỜI CAM ĐOAN	i
LỜI CẢM ƠN	ii
MỤC LỤC	iii
DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	v
DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU	vii
MỞ ĐẦU	viii
NỘI DUNG	1
Chương 1. Cơ sở hình thành chính sách ngoại giao văn hoá Ấn Độ đối với Đông Nam Á	1
1.1 Cơ sở lý luận	1
1.1.1 Những khái niệm liên quan tới ngoại giao văn hoá.....	1
1.1.1.1 Về khái niệm “ngoại giao” và “văn hoá”	1
1.1.1.2 Định nghĩa “ngoại giao văn hoá”	2
1.1.2 Một số lý thuyết liên quan đến “Ngoại giao văn hoá”	5
1.1.2.1 Khái niệm “Sức mạnh mềm”	5
1.1.2.2 Vai trò của sức mạnh mềm trong chính sách đối ngoại	13
1.1.2.3 Sức mạnh mềm của Ấn Độ	17
1.1.3 Giao lưu và tiếp biến văn hoá.....	31
1.2 Cơ sở thực tiễn	33
1.2.1 Bối cảnh thế giới	33
1.2.2 Bối cảnh Ấn Độ	38
1.2.3 Vai trò của Ấn Độ trong khu vực và trên thế giới	41
1.3 Cơ sở lịch sử	43
Tiểu kết	49
Chương 2. Nội dung và quá trình triển khai ngoại giao văn hoá của Ấn Độ đối với Đông Nam Á thời kỳ thủ tướng Modi	50
2.1 Chính sách ngoại giao văn hoá của Ấn Độ thời kỳ thủ tướng Modi	50
2.2 Mục tiêu và nội dung chính trong chính sách ngoại giao văn hoá Ấn Độ	52
2.2.1 Mục tiêu trong chính sách ngoại giao văn hoá Ấn Độ	52

2.2.2 Nội dung chính trong chính sách ngoại giao văn hoá Ấn Độ	53
2.3 Quá trình thực hiện ngoại giao văn hoá của Ấn Độ đối với Đông Nam Á thời kỳ thủ tướng Modi (từ năm 2014 – nay)	57
2.3.1. Mục tiêu	57
2.3.2 Nội dung triển khai	59
2.3.2.1 Chiến lược xuất khẩu sản phẩm Bollywood	59
2.3.2.2 Chiến lược phổ biến Yoga	62
2.3.2.3 Di sản Phật giáo	65
2.3.2.4 Phát triển loại hình du lịch về Đất Phật	67
2.3.2.5 Thực hiện các chuyến công du chính thức nước ngoài	68
Tiểu kết	70
Chương 3. Nhận xét về ngoại giao văn hoá của Ấn Độ đối với Đông Nam Á thời kỳ Thủ tướng Modi	71
3.1 Những thành tựu và thách thức	71
3.1.1 Thành tựu của quá trình triển khai ngoại giao văn hoá của Ấn Độ thời kỳ thủ tướng Modi	71
3.1.1.1 Thành tựu	71
3.1.1.2 Cơ sở để đạt được thành tựu.....	73
3.1.2 Những thách thức đối với ngoại giao văn hoá của Ấn Độ.....	77
3.1.2.1 Thách thức	77
3.1.2.2 Nguyên nhân	77
3.2 Những gợi mở đối với Việt Nam.....	80
Tiểu kết	85
KẾT LUẬN	86
TÀI LIỆU THAM KHẢO	90

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

STT	TỪ VIẾT TẮT	TÊN TIẾNG ANH	TÊN TIẾNG VIỆT
1	AC	ASEAN Community	Cộng đồng ASEAN
2	AEC	ASEAN Economic Community	Cộng đồng Kinh tế ASEAN
3	ASCC	ASEAN Socio - Cultural Community	Cộng đồng Văn hóa - Xã hội ASEAN
4	APSC	ASEAN Political Security Community	Cộng đồng Chính trị - An ninh ASEAN
5	ICCR	India Council for Cultural Relations	Hội đồng Quan hệ văn hóa Ấn Độ
6	IDC	International Data Corporation	Trung tâm dữ liệu quốc tế
7	IMF	International Monetary Fund	Quỹ Tiền tệ Quốc tế
8	ITEC	Indian Technical and Economic Cooperation Programme	Chương trình của Ấn Độ về Hợp tác Kinh tế và Kỹ thuật
9	MEA	Ministry of External Affairs	Bộ Ngoại giao Ấn Độ
10	MOIA	Ministry of Overseas Indian Affairs	Bộ Các vấn đề người Ấn Độ ở nước ngoài
11	NASSCOM	The National Association of Software and Services Companies	Hiệp hội quốc gia các công ty về phần mềm và dịch vụ công nghệ thông tin Ấn Độ
12	PDD	Public Diplomacy Division	Bộ phận Ngoại giao công chúng
13	WB	World Bank	Ngân hàng Thế giới
14	WBF	World Buddhist Forum	Diễn đàn Phật giáo Thế giới

15	WFB	The World Fellowship of Buddhists	Tổ chức Liên hữu Phật giáo Thế giới
16	WTO	World Trade Organization	Tổ chức Thương mại Thế giới

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Bảng 1.1. Thống kê sức mạnh mềm nổi bật qua các giai đoạn.....32
Bảng 1.2 So sánh giữa sức mạnh cứng và sức mạnh mềm của các quốc gia.....34
Bảng 1.3 Tăng trưởng GDP của Ấn Độ (2000 – 2015).....65

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong thời đại Toàn cầu hóa hiện nay, xu thế chung của các quốc gia là sử dụng Sức mạnh mềm (Soft Power), trong đó chú trọng đến sức mạnh văn hóa nhằm đạt được những mục tiêu cơ bản của chính sách đối ngoại, tạo dựng hình ảnh tốt đẹp về quốc gia, từ quảng bá các giá trị văn hoá, ngôn ngữ tiến tới nâng tầm ảnh hưởng về chính trị, kinh tế... của quốc gia trong khu vực và trên thế giới. Có thể nói, “ngoại giao văn hoá” đang được coi là một trong những công cụ quan trọng để tạo dựng Sức mạnh mềm – một trong ba trụ cột chủ yếu của nền ngoại giao (cùng với ngoại giao kinh tế và ngoại giao chính trị) của mỗi quốc gia. Ngoại giao văn hoá đặc biệt có thể tạo được sức ảnh hưởng đối với các quốc gia khác.

Ngược dòng lịch sử, quan hệ văn hóa giữa Ấn Độ và Đông Nam Á thể hiện sự tương tác kéo dài với những bằng chứng cho thấy đây thực chất là mối “quan hệ một chiều”, và “ảnh hưởng một chiều” từ phía Ấn Độ và hầu như không có những “ảnh hưởng ngược lại”. George Coedès, một nhà nghiên cứu hàng đầu về lịch sử Đông Nam Á và người đã đặt nền tảng cho ngành khoa học này, từ những nghiên cứu và nhận thức khoa học đầu tiên đã khẳng định: Các quốc gia ở Đông Nam Á có những đặc điểm chung không phải là thuộc địa Ấn Độ dùng để di cư, mà là những xã hội bản địa đã tiếp nhận các yếu tố Ấn hóa. Quá trình Ấn hóa đã diễn ra suốt nhiều thế kỷ nhờ vào sự trao đổi có lợi giữa người bản địa và người Ấn, và cũng nhờ vào việc thành lập các vương quốc đầu tiên Ấn hóa trong khu vực. Sự kết hợp văn hóa tinh tế này đã tạo nên mối quan hệ độc đáo và bền vững, với việc hòa nhập và chuyển đổi các yếu tố văn hóa Ấn Độ vào bản sắc của các xã hội Đông Nam Á từ đó hình thành nên những mô hình nhà nước bị Ấn Độ hóa.

Vào thời cổ đại, đã có những trao đổi và buôn bán tích cực diễn ra giữa cư dân Đông Nam Á và người Ấn Độ, tạo điều kiện thuận lợi cho việc chia sẻ kiến thức và văn hóa lẫn nhau. Sự tương tác này cho phép người Ấn Độ biết đến các vùng đất ở Đông Nam Á ngay từ thiên niên kỷ thứ nhất trước Công nguyên, thể hiện rõ trong nhiều câu chuyện sử thi và tài liệu lịch sử. Bên cạnh đó, việc mở ra các tuyến thương

mai đường biển giữa Đông và Tây đã củng cố thêm mối liên hệ giữa Ấn Độ và Đông Nam Á. Sau khi Ấn Độ giành được độc lập (1947), quốc gia này, bên cạnh việc đầu tư phát triển vị thế thông qua Phong trào Không liên kết, cũng tích cực đẩy mạnh quan hệ với các quốc gia Đông Nam Á gắn với thời kỳ Chiến tranh Lạnh.

Từ đầu thế kỷ XXI, Ấn Độ đã quyết định sử dụng ngoại giao văn hóa như một trong những yếu tố cơ bản để xây dựng sức mạnh mềm (soft power), mà đã từng thành công trong cuộc đấu tranh cho tự do và độc lập, trong quá trình cải cách và phát triển đất nước sau khi Chiến tranh Lạnh kết thúc. Đặc biệt trong thời kỳ cầm quyền của Thủ tướng Narendra Modi, Ngoại giao văn hóa đã được sử dụng một cách thành công để thúc đẩy sự phát triển của quốc gia và tăng cường ảnh hưởng của Ấn Độ trong khu vực và trên toàn thế giới. Vậy tác động của văn hóa Ấn Độ đối với Đông Nam Á là tích cực hay tiêu cực? Nó thể hiện như thế nào?

Mỗi quốc gia khi thực hiện bất cứ một chính sách ngoại giao nào đều hướng tới một chủ thể cụ thể nào đó. Đối với Ấn Độ, Đông Nam Á là khu vực có vai trò quan trọng hiện nay. Đông Nam Á là khu vực có vị trí địa lý trọng yếu, là cửa ngõ liên kết nhiều châu lục trên thế giới. Từ khi lên cầm quyền, Thủ tướng Modi đã xác định tầm quan trọng của khu vực này đối với Ấn Độ và tập trung vào việc mở rộng quan hệ ngoại giao của Ấn Độ với các nước trong khu vực Đông Nam Á. “Chính sách hướng Đông” (Look East Policy) của Ấn Độ xác định Đông Nam Á có vị trí quan trọng trong mục tiêu thúc đẩy lợi ích chính trị, kinh tế và an ninh đối với nước này. Việc thủ tướng Modi đẩy mạnh sự liên kết văn hoá giữa các nước cũng là một thể loại nghiên cứu hữu ích. Tác giả có thể tìm hiểu về cách những hoạt động liên kết văn hoá giữa hai khu vực đã được thực hiện trong thời kỳ này và cách nó đã ảnh hưởng đến mối quan hệ giữa cả hai.

Như vậy, việc nghiên cứu về ngoại giao văn hóa của Ấn Độ đối với khu vực Đông Nam Á dưới thời cầm quyền của Thủ tướng Modi giúp học viên có thể hiểu về tầm quan trọng của việc quản lý ngoại giao văn hoá trong việc xây dựng mối quan hệ giữa Ấn Độ và Đông Nam Á, tìm hiểu về các hoạt động văn hoá đã được thực hiện giữa hai chủ thể này và cách nó đã giúp tăng cường mối quan hệ giữa hai nước. Ngoại giao văn hoá có thể giúp giảm sự cạnh tranh và tăng sự hiểu biết giữa hai khu vực, góp

phần tạo nên một môi trường hòa bình cho sự phát triển kinh tế và hợp tác quốc tế. Ngoài ra, việc xây dựng quan hệ hữu nghị là nguyện vọng thiết thực của nhân dân Ấn Độ và các quốc gia Đông Nam Á, đó là tiền đề và động lực quan trọng để đưa quan hệ Ấn Độ - Đông Nam Á tiếp tục phát triển ngày càng tốt đẹp, vì lợi ích chung của nhân dân Ấn Độ và các nước thuộc khu vực Đông Nam Á.

Do đó, việc nghiên cứu các hoạt động ngoại giao văn hoá của Ấn Độ đối với khu vực Đông Nam Á nhằm nhận thức đầy đủ hơn tầm quan trọng của khu vực Đông Nam Á đối với Ấn Độ, quá trình hoạch định và triển khai ngoại giao văn hóa của Ấn Độ đối với các quốc gia khu vực Đông Nam Á. Trên cơ sở đó, nghiên cứu cũng hướng đến chỉ ra được những đặc điểm, những tác động.

Từ những nhận thức nêu trên, chúng tôi quyết định chọn đề tài **“Ngoại giao văn hoá của Ấn Độ đối với Đông Nam Á thời kỳ Thủ tướng Modi”** làm đề tài nghiên cứu cho luận văn thạc sĩ Đông phương học của mình.

2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

Nghiên cứu về giao lưu và tiếp biến văn hóa giữa Ấn Độ - Đông Nam Á đã thu hút sự quan tâm đặc biệt của nhiều học giả không chỉ ở Việt Nam mà còn ở cả nước ngoài. Trong thời gian gần đây, tại Việt Nam cũng đã có nhiều công trình nghiên cứu, sách và bài viết khoa học về đối tượng nghiên cứu này, được công bố và phổ biến trong giới khoa học, cũng như được xã hội hóa.

❖ *Những nghiên cứu về ngoại giao văn hóa của Ấn Độ*

Đầu tiên có thể kể công trình *“Ngoại giao văn hoá trong quan hệ quốc tế đương đại”* (2015) vốn là luận án tiến sĩ quan hệ quốc tế của Nguyễn Hải Anh. Trong đó, luận án đã trình bày một số vấn đề lý luận về ngoại giao văn hoá như “quyền lực mềm”, “giao lưu và tiếp biến văn hoá”, “ngoại giao văn hóa”... (Chương 1). Luận án đi sâu nghiên cứu, phân tích các chính sách và hoạt động thực tiễn ngoại giao văn hoá trên cơ sở nghiên cứu một số quốc gia thời kỳ sau Chiến tranh lạnh (Chương 2). Và luận án cũng dành chương 3 để trình bày về thực trạng ngoại giao văn hoá của Việt Nam và đưa ra một số kinh nghiệm.

Bài viết *“Ngoại giao văn hóa đối với sự phát triển của Ấn Độ hiện nay”* (2018), của tác giả Lê Văn Toàn cho biết “ngoại giao văn hóa” được chính quyền Thủ tướng Narendra Modi sử dụng rất thành công trong quá trình Ấn Độ phát triển đất nước và

nâng tầm ảnh hưởng đối với khu vực và thế giới. Nhờ triển khai thành công ngoại giao văn hóa, Ấn Độ đã trở thành một nước lớn, một quốc gia dẫn dắt, là quốc gia đưa ra các quy tắc và thiết lập các chương trình nghị sự trên trường quốc tế.

Tác giả Nguyễn Thị Mỹ Hạnh có bài viết “Văn hóa ngoại giao Ấn Độ - Sự định hình bản sắc trong thế giới đa cực” trong sách *Giá trị Ấn Độ ở châu Á* (2016) đã khẳng định rõ văn hóa ngoại giao Ấn Độ chính là bản sắc riêng của quốc gia này, được xem là sức hợp phần cấu thành Sức mạnh mềm giúp Ấn Độ thực hiện các sứ mệnh như đảm bảo hòa bình, ổn định ở khu vực Đông Nam Á trong một thế giới đa cực hiện nay. Trong đó, Thủ tướng Narendra Modi sau khi lên cầm quyền đã khôi phục lại các giá trị văn hóa truyền thống của Ấn Độ và quảng bá mạnh mẽ ra thế giới nhằm hồi sinh hình ảnh quốc tế của Ấn Độ, điển hình là Phật giáo, Yoga...

Bài viết “*Ngoại giao văn hóa của Ấn Độ trong những năm đầu thế kỉ XXI nhìn từ góc độ sức mạnh mềm*” của tác giả Hồ Ngọc Diễm Thanh khẳng định trong quan hệ quốc tế, sức mạnh của mỗi quốc gia được định đoạt bởi nhiều yếu tố, trong đó vai trò của văn hóa. Từ nhận thức đó, bài viết tập trung nghiên cứu về cơ sở lý luận và cách tiếp cận về ngoại giao văn hóa, đồng thời đề cập đến các hoạt động chủ yếu của ngoại giao văn hóa Ấn Độ trong những năm đầu thế kỷ XXI. Bài viết gợi mở một số cách tiếp cận trong việc nhận diện về ngoại giao văn hóa của Ấn Độ, cả góc độ lý thuyết và thực tiễn.

Ở nước ngoài, đáng chú ý có tập sách “*Indian Cultural Diplomacy: Celebrating Pluralism in a Globalised World*” (2019) của tác giả Paramjit Sahay. Cuốn sách là một cửa sổ về ngoại giao văn hóa của Ấn Độ, được đặt trong bối cảnh quốc tế mới, gồm 15 chương với 8 phần cung cấp một bức tranh toàn cảnh về khái niệm ngoại giao văn hóa; mối quan hệ của nó với ngoại giao công chúng và quyền lực mềm; vị trí của nó trong cấu trúc ngoại giao và tính trung tâm ngày càng tăng của nó. Cuốn sách cũng cung cấp một nghiên cứu chuyên sâu về nguồn gốc và sự phát triển của ngoại giao văn hóa Ấn Độ trong những năm qua. Cuốn sách thực sự là nguồn tài liệu tham khảo hữu ích cho học viên trong việc nhận diện và các cơ chế vận hành của ngoại giao văn hóa Ấn Độ.

Bài viết “*Tools of India’s Cultural Diplomacy: An Overview*” (2019) của tác giả Sreshtha Chakraborty đã tìm cách hiệu cách tiếp cận của Ấn Độ đối với ngoại giao

văn hóa, truy tìm nguồn gốc và sự phát triển của nó kể từ khi Ấn Độ giành độc lập. Bài viết này nghiên cứu vai trò của ICCR và các công cụ của nó trong việc thúc đẩy ngoại giao văn hóa, cụ thể là năm công cụ khác nhau của ngoại giao văn hóa của Ấn Độ và sẽ phân tích hiệu quả của những công cụ này trong việc thúc đẩy ngoại giao văn hóa của Ấn Độ. Bài viết cung cấp bức tranh toàn cảnh về các công cụ của ngoại giao văn hóa của Ấn Độ.

Mới nhất có bài viết “*Cultural Diplomacy of India*” (2023) của tác giả Bhavna Dahiya. Bài viết đã lý giải bản chất của sức mạnh mềm trong lĩnh vực ngoại giao của Ấn Độ, được thúc đẩy thông qua các hình thức truyền thông, văn hóa và thực tiễn, dẫn đến ảnh hưởng mong muốn trong chính sách đối ngoại. Do các tác động của nó thường diễn ra dần dần và tinh tế, sức mạnh mềm không phải là nguồn ảnh hưởng duy nhất hoặc thậm chí là quan trọng nhất. Ba yếu tố góp phần đáng kể vào sức mạnh mềm của một quốc gia: di sản, các nguyên tắc chính trị của quốc gia đó, chẳng hạn như dân chủ và nhân quyền (khi quốc gia đó tôn trọng chúng), và các chiến lược của quốc gia đó, được coi là phù hợp vì chúng được thiết kế có tính đến lợi ích của người khác.

❖ *Những nghiên cứu về ngoại giao văn hoá của Ấn Độ đối với khu vực Đông Nam Á*

Tập sách “*Cultural and Civilisational Links Between India and Southeast Asia: Historical and Contemporary Dimensions*” (2018) của tác giả Shyam Saran phục dựng lại mối liên hệ văn hóa của Ấn Độ với Đông Nam Á, đặc biệt liên quan đến các khía cạnh lịch sử và đương đại. Cuốn sách phục dựng lại các liên kết thương mại và hàng hải cổ đại, Đế chế Chola và Đông Nam Á, trao đổi tôn giáo (di sản Ấn Độ giáo, Phật giáo và Hồi giáo), ngôn ngữ, chữ viết và văn hóa dân gian, nghệ thuật biểu diễn, hội họa và điêu khắc, kiến trúc, vai trò của cộng đồng người Ấn Độ, tương tác văn hóa đương đại, v.v. Cuốn sách được xem là nền tảng quan trọng cho mối quan hệ, hợp tác văn hóa giữa Ấn Độ và các nước Đông Nam Á.

Bài viết “*India’s Cultural Diplomacy in Southeast Asia: A New Thrust*” (2009) trong kỷ yếu *Indian Footprints in Vietnam - Southeast Asia Acculturation* của tác giả Paramjit S. Hai đã khẳng định ngoại giao văn hóa là một công cụ quan trọng của chính sách đối ngoại nhằm thúc đẩy liên kết quốc tế giữa các dân tộc và các quốc gia. Trong quá khứ, có một mối liên hệ nội tại giữa văn hóa và thương mại. Trong một số

trường hợp, văn hóa đi trước thương mại; trong khi trong các trường hợp khác, nó diễn ra theo chiều ngược lại. Về mặt lịch sử, dấu ấn văn hóa Ấn Độ ở Đông Nam Á diễn ra khá sớm và hiện nay là động lực thúc đẩy sự phát triển quan hệ của Ấn Độ và các quốc gia Đông Nam Á trong bối cảnh quốc tế mới.

Tập sách “*Cultural Diplomacy in South-East-Asia: India's Look East Policy*” (2012) của các tác giả Santishree Dhulipudi Pandit, Rimli Basu gắn với thời kỳ đỉnh cao của Chính sách Hướng Đông [viết tắt là LEP] do Ấn Độ hình thành. Mặc dù Ấn Độ đã hình thành ý thức hệ về Chính sách Hướng Đông từ năm 1991, nhưng không đạt được nhiều thành tựu thông qua nó. Cuốn sách này lập luận rằng trong thủ tục và thực thi chính sách đối ngoại của hầu hết các nước Đông Nam Á, Phật giáo đã đóng vai trò như một 'văn hóa' hơn là một tôn giáo. Động lực của Đông Nam Á biến đổi thông qua tăng trưởng kinh tế và tài chính to lớn, dẫn đến sự chú ý chính trị toàn cầu.

Tập sách “*Modi's Cultural Diplomacy and Soft Power: Issues and Challenges*” (2016) của các tác giả Bibhuti Bhusan Biswas, Satish Kumar khái quát năng lực của Thủ tướng Modi trong quá trình lên cầm quyền thể hiện rõ nhất ở việc kết hợp hai phạm trù ngoại giao văn hóa và Quyền lực mềm trong việc xây một chính sách đối ngoại mới cho Ấn Độ. Tập sách trên cơ sở nghiên cứu mối quan hệ giữa Ấn Độ với nhiều nước Đông Nam Á, tác giả đã đưa ra những vấn đề đặt ra và thách thức cho việc triển khai ngoại giao văn hóa để tạo dựng Sức mạnh mềm của Ấn Độ

Tập sách “*Asean And India: The Way Forward*” (2022) của các tác giả Hernaikh Singh, Moe Thuzar, Tommy Koh nói rõ Ấn Độ trở thành Đối tác Đối thoại Chuyên ngành của Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) vào năm 1992. Năm 1995, Ấn Độ trở thành Đối tác Đối thoại đầy đủ. Năm 2002, ASEAN và Ấn Độ tổ chức Hội nghị cấp cao đầu tiên tại Phnôm Pênh, Campuchia. Kể từ đó, một Hội nghị Thượng đỉnh song phương đã được tổ chức hàng năm. Mối quan hệ của Ấn Độ với Đông Nam Á đã có từ hàng nghìn năm trước. Có nhiều mối liên kết văn hóa, tôn giáo và giao lưu nhân dân giữa Ấn Độ và 10 quốc gia thành viên ASEAN. Quan hệ thương mại và đầu tư cũng đã phát triển kể từ khi Ấn Độ mở cửa nền kinh tế vào đầu những năm 1990. Quan hệ tốt nhưng chưa tối ưu. ASEAN và Ấn Độ: Con đường phía trước hy vọng sẽ truyền cảm hứng cho các nhà hoạch định chính sách của cả hai bên hiểu được mối quan hệ nhiều mặt và khám phá các cách để nâng quan hệ song phương lên

một tầm cao mới. Trong đó, chương 13 và 14 của tập sách đề cập khá sinh động về các ngoại giao văn hóa giữa Ấn Độ và các nước Đông Nam Á qua các giai đoạn lịch sử, cập nhật cả giai đoạn đại dịch Covid-19 vừa qua.

Đáng chú ý và cũng là tập sách mới nhất là cuốn “*Cultural Dimensions of India’s Look-Act East Policy: A Study of Southeast Asia*” (2023) của tác giả Sarita Dash. Nội dung tập sách nỗ lực truy tìm những tương tác văn hóa giữa Nam và Đông Nam Á từ thời tiền sử, đồng thời xem xét kỹ lưỡng các sáng kiến ngoại giao văn hóa hiện tại trong Chính sách Hướng Đông- Hành động phía Đông của Ấn Độ. Tập sách nhắc nhở sự cần thiết phải xem văn hóa như một quá trình hai chiều và sự cần thiết phải xác định lại cách hiểu về văn hóa trong bối cảnh Thời đại Không gian, tác giả nhấn mạnh việc Ấn Độ nhận ra tiềm năng đa văn hóa độc đáo của mình để mở rộng triển vọng và các thông số của ngoại giao văn hóa cho phù hợp với Trật tự Thế giới đang mở ra trong khu vực.

Nhìn tổng quan tình hình nghiên cứu, các công trình nghiên cứu về ngoại giao văn hóa của Ấn Độ nói chung và ngoại giao văn hóa của Ấn Độ đối với khu vực Đông Nam Á có nhiều nhưng chưa đi sâu gắn với khu vực Đông Nam Á trên các lĩnh vực cụ thể. Đặc biệt, nghiên cứu các hoạt động ngoại giao văn hóa đối với khu vực Đông Nam Á ở Việt Nam vẫn chưa được chú trọng nên hầu như chưa có công trình chuyên sâu nào.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1 Mục đích nghiên cứu

Mục tiêu tổng quát: Luận văn tập trung trình bày về hoạt động ngoại giao văn hóa của Ấn Độ đối với Đông Nam Á thời kỳ cầm quyền Thủ tướng Narendra Modi.

Mục tiêu cụ thể: Luận văn đi sâu phân tích những nhân tố tác động, quá trình hình thành và triển khai các chính sách về ngoại giao văn hóa của chính quyền Thủ tướng Modi đối với khu vực Đông Nam Á, từ đó bước đầu đưa ra những nhận xét và dự báo của học viên về nghiên cứu trên.

3.2 Nhiệm vụ nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu tổng quan về các lý thuyết liên quan đến “ngoại giao văn hoá” gắn với trường hợp Ấn Độ.

Luận văn cũng đi sâu trình bày và phân tích ngoại giao văn hóa trong chính

sách đối ngoại của Ấn Độ và quá trình triển khai chính sách này đối với khu vực Đông Nam Á thời kỳ cầm quyền của Thủ tướng Modi (2014-nay)

Luận văn đưa ra các nhận xét về kết quả, tác động và bước đầu dự báo về ngoại giao văn hoá của Ấn Độ trong thời gian tiếp theo.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1 Đối tượng nghiên cứu

Ngoại giao văn hoá của Ấn Độ đối với các nước Đông Nam Á thời kỳ cầm quyền của Thủ tướng Narendra Modi.

4.2 Phạm vi nghiên cứu

Về không gian: Ấn Độ và khu vực Đông Nam Á.

Về thời gian: Thời kỳ cầm quyền của Thủ tướng Modi, cụ thể từ năm 2014 cho đến nay.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Khung lý thuyết: Lý thuyết về “Sức mạnh mềm” của Joseph Nye và “Tiếp biến văn hóa”.

Về phương pháp nghiên cứu, học viên sử dụng các phương pháp nghiên cứu trong nhóm định tính, chủ yếu là phương pháp lịch sử và phương pháp logic. Cụ thể, phương pháp lịch sử được dùng để phục dựng lại quá trình Ấn Độ triển khai các hoạt động ngoại giao văn hóa đối với khu vực Đông Nam Á từ trong lịch sử cho đến thời kỳ cầm quyền của Thủ tướng Modi. Phương pháp logic được sử dụng để quan sát biến động của vấn đề theo sự vận động của thời gian, đi sâu phân tích, tổng hợp để tìm ra bản chất và quy luật của các hoạt động ngoại giao văn hóa của Ấn Độ đối với khu vực Đông Nam Á thời kỳ cầm quyền của Thủ tướng Modi.

Bên cạnh đó, học viên còn sử dụng các phương pháp nghiên cứu phổ biến của khoa học xã hội, cụ thể là các phương pháp: thống kê, phân tích, tổng hợp... nhằm giải quyết tốt các nội dung khoa học do đề tài đặt ra.

6. Những đóng góp mới của đề tài

Về ý nghĩa khoa học: Luận văn góp phần bổ sung thêm việc nghiên cứu về ngoại giao văn hóa trên cả cơ sở lý luận và thực tiễn, cụ thể làm rõ được hoạt động ngoại giao văn hóa của Ấn Độ đối với khu vực Đông Nam Á thời kỳ cầm quyền của Thủ tướng Modi (2014-nay).

Về ý nghĩa thực tiễn: Luận văn có thể được sử dụng như tài liệu tham khảo phục vụ cho việc giảng dạy và nghiên cứu về Lịch sử, Quan hệ quốc tế, Đông phương học... Ở chừng mực nhất định, nghiên cứu còn có giá trị (chừng mực) tham khảo cho việc hoạch định chính sách của Việt Nam trong quá trình phát triển quan hệ với Ấn Độ.

7. Bố cục đề tài

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo và Phụ lục, luận văn được cấu trúc thành ba chương:

Chương 1: Cơ sở hình thành chính sách ngoại giao văn hoá của Ấn Độ đối với Đông Nam Á thời kỳ Thủ tướng Modi

Chương 2: Nội dung và quá trình triển khai ngoại giao văn hoá của Ấn Độ đối với Đông Nam Á thời kỳ Thủ tướng Modi

Chương 3: Nhận xét về ngoại giao văn hóa của Ấn Độ với Đông Nam Á thời kỳ Thủ tướng Modi

Chương 1. CƠ SỞ HÌNH THÀNH CHÍNH SÁCH NGOẠI GIAO VĂN HÓA CỦA ÁN ĐỘ ĐỐI VỚI ĐÔNG NAM Á THỜI KỲ THỦ TƯỚNG MODI

1.1 Cơ sở lý luận

1.1.1 Những khái niệm liên quan tới ngoại giao văn hoá

1.1.1.1 Về khái niệm “Ngoại giao” và “văn hoá”

Xét thuật ngữ, ngoại giao văn hoá được hợp thành từ hai từ là “ngoại giao” (Diplomacy) và “văn hoá” (Culture).

Trên thực tế, ngoại giao vừa là “một phạm trù thực hành vừa là một phạm trù phân tích” nghĩa là các định nghĩa đương đại về ngoại giao rất rộng và khác biệt theo ranh giới nhận thức luận và phương pháp luận.

Theo từ điển Oxford, “*Ngoại giao là một nghệ, hoạt động hay kỹ năng quản lý quan hệ quốc tế, tiêu biểu cho những người đại diện của một đất nước tại nước ngoài*”, “*Ngoại giao là nghệ thuật giao thiệp với mọi người một cách nhạy cảm và khéo léo*”, còn văn hoá bao gồm “*các loại hình nghệ thuật và những hình thức thể hiện khác của thành tựu tri thức của con người nói chung*”, “*những ý tưởng, phong tục tập quán và hành vi xã hội của một nhóm hoặc cộng đồng*”¹. Theo Từ điển tiếng Việt do Hoàng Phê chủ biên, ngoại giao là “*sự giao thiệp với nước ngoài để bảo vệ quyền lợi cả quốc gia mình và để góp phần giải quyết những vấn đề quốc tế chung*”². Trong khi đó, Từ điển Britannica online cho rằng ngoại giao: “*bao gồm các phương pháp đã được thiết lập để gây ảnh hưởng đến các quyết định và hành vi của các chính phủ và người dân nước ngoài thông qua đối thoại, đàm phán và các biện pháp khác mà không cần đến chiến tranh hoặc bạo lực*”³.

Các hoạt động ngoại giao hiện đại là sản phẩm của hệ thống nhà nước châu Âu thời kỳ hậu Phục hưng. Về mặt lịch sử, ngoại giao có nghĩa là tiến hành các mối quan hệ chính thức (thường là song phương) giữa các quốc gia có chủ quyền. Tuy nhiên, đến thế kỷ 20, các thông lệ ngoại giao tiên phong ở châu Âu đã được áp dụng trên toàn thế giới và ngoại giao đã mở rộng để bao gồm các cuộc họp thượng đỉnh và các hội

¹ Từ điển Oxford Online: <https://en.oxforddictionaries.com/definition/diplomacy>.

² Hoàng Phê (chủ biên) (2003), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng, tr. 683.

³ Từ điển Britannica Online: <https://www.britannica.com/topic/diplomacy>

ngệ quốc tế khác, ngoại giao nghị viện, các hoạt động quốc tế của các thực thể siêu quốc gia và địa phương, ngoại giao không chính thức của các thành phần phi chính phủ, và công việc của các công chức quốc tế.

Về định nghĩa, theo định nghĩa của Từ điển Britannica online, “văn hóa bao gồm ngôn ngữ, ý tưởng, niềm tin, phong tục, mật mã, thể chế, công cụ, kỹ thuật, tác phẩm nghệ thuật, nghi lễ và nghi lễ, cùng các yếu tố khác”, trong đó, “Sự tồn tại và sử dụng văn hóa phụ thuộc vào khả năng của riêng con người”⁴. Trong khi đó, UNESCO đưa ra định nghĩa về văn hóa là: là một tổng hợp các đặc điểm tinh thần, thể chất, tri thức và tình cảm đặc trưng cho một xã hội hoặc một nhóm xã hội, bao hàm không chỉ nghệ thuật và văn học mà còn cả lối sống, cách thức cùng chung sống, các hệ thống giá trị, truyền thống và tín ngưỡng. Những đặc trưng của các yếu tố cấu thành đó giúp ta phân biệt được một xã hội (hoặc một nhóm xã hội) với các xã hội (hoặc nhóm xã hội) khác.⁵ Hiện nay, giới nghiên cứu có xu hướng chia văn hóa thành ba phần: văn hóa tinh thần, văn hóa vật chất và văn hóa xã hội; hoặc văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể.

1.1.1.2. Định nghĩa “Ngoại giao văn hoá”

Trên thực tế, nhiều học giả đã đưa ra những định nghĩa mang tính tổng thể và chức năng về phạm trù “ngoại giao văn hoá”.

Theo học giả Milton Cummings (Đại học John Hopkins), ngoại giao văn hoá được coi là “sự chia sẻ về ý tưởng, thông tin, nghệ thuật và những khía cạnh khác của văn hoá giữa các quốc gia và người dân của các quốc gia này nhằm thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau”⁶. Juliet Sablowsky (Đại học Georgetown) cho rằng, “về bản chất, các hoạt động ngoại giao văn hóa liên quan đến các khoản đầu tư dài hạn vào quan hệ của chúng ta (Hoa Kỳ) với người dân ở các quốc gia khác...”⁷. Và nếu coi “văn hóa của một quốc gia là tổng thể những thành tựu của quốc gia đó, là sự thể hiện cá tính riêng của quốc gia đó; cách suy nghĩ và hành động của mình”, thì “các chương trình

⁴ Từ điển Britannica Online: <https://www.britannica.com/topic/culture>

⁵ UNESCO (2001), “Tuyên bố toàn cầu về đa dạng văn hóa”, UNESCO, 2/11/2001.

⁶ Milton Cummings (2009), Cultural Diplomacy and the United States Government: A Survey, Cultural Diplomacy Research Series, Center for Arts and Culture, Washington D.C, <https://www.americansforthearts.org/sites/default/files/MCCpaper.pdf>

⁷ Juliet Sablosk (2003), Recent Trends in Department of State Support for Cultural Diplomacy: 1993 – 2002, The Center for Arts and Culture, Washington D.C

quan hệ văn hóa với nước ngoài của nó là phương pháp làm cho những điều này được người nước ngoài biết đến”⁸.

Nhiều học giả cũng đưa ra nhiều cách tiếp cận khác nhau về khái niệm “ngoại giao văn hoá”. Cụ thể, “ngoại giao văn hoá” “là sự giao lưu những tư tưởng, trao đổi thông tin, nghệ thuật, lối sống, hệ giá trị, truyền thống và tín ngưỡng và các phương diện khác của văn hoá nhằm thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau giữa các quốc gia và dân tộc”⁹. Trong đó, ngoại giao văn hoá được xem là lĩnh vực đặc biệt của hoạt động ngoại giao, liên quan đến sử dụng văn hoá như là đối tượng và phương tiện nhằm đạt được những mục tiêu cơ bản của chính sách đối ngoại của quốc gia, tạo hình ảnh tốt đẹp của đất nước, quảng bá văn hoá và ngôn ngữ quốc gia trên thế giới¹⁰. Về nội hàm, “ngoại giao văn hoá” là tổng thể các hoạt động được triển khai bằng và trên cơ sở trao đổi, giao lưu các giá trị, tư tưởng, truyền thống, phong tục, bản sắc và các loại hình khác của văn hoá, nhằm mục tiêu tăng cường mối quan hệ, đẩy mạnh hợp tác văn hoá-xã hội hoặc thúc đẩy các lợi ích quốc gia, ngoại giao văn hoá có thể được triển khai bởi khu vực nhà nước, khu vực tư nhân và xã hội dân sự¹¹.

Xét về cấu trúc, “ngoại giao văn hoá” được xem là hình thức ngoại giao do Nhà nước đóng vai trò chủ đạo, điều phối, với sự tham gia của nhiều chủ thể phi nhà nước khác, thể hiện sự quảng bá, giao lưu các giá trị văn hoá, văn học, nghệ thuật, phong tục, tập quán, tín ngưỡng và các phương diện khác của một quốc gia với một hoặc nhiều quốc gia khác trên thế giới nhằm đạt được những mục tiêu chính sách đối ngoại của đất nước.¹² Tuy nhiên, chủ thể của ngoại giao văn hoá chưa được xác định rõ ràng, do đó nó không được định nghĩa một cách chính xác, điều này có thể mở rộng trong khu vực tư nhân và xã hội dân sự. Trong khi đó, phần lớn các học giả Trung Quốc ủng hộ quan điểm hạn chế ngoại giao văn hoá trong khung “ngoại giao nhà nước”. Phần lớn các học giả Trung Quốc cho rằng, một khi ngoại giao là một thuật ngữ chung cho

⁸ Ruth Emily McMurry and Muna Lee (1947), *The Cultural Approach: Another Way in International Relations*, Chapel Hill: University of North Carolina Press, pp. 2-3.

⁹ Cummings, Milton (2003) *Cultural Diplomacy and The United States Government; a Survey*, Center for Arts and Culture, USA

¹⁰ Trần Trọng Toàn (2008), “Góp thêm một số ý kiến về xây dựng chính sách ngoại giao văn hoá Việt Nam”, trong *Ngoại giao văn hoá “vì một bản sắc Việt Nam trên trường quốc tế”*, Nxb Thế giới, Hà Nội, tr.111-128.

¹¹ Institute for Cultural Diplomacy (2013), *Cultural Diplomacy Dictionary*, Germany.

¹² Nguyễn Hải Anh (2015), *Ngoại giao văn hoá trong quan hệ quốc tế đương đại*, Luận án tiến sĩ Quan hệ quốc tế, Học viện Ngoại giao.

chính sách đối ngoại và các hoạt động ngoại giao của một quốc gia có chủ quyền, thì chủ thể của ngoại giao văn hóa phải là các nhà nước, các quốc gia. Và đây chính là sự khác biệt giữa “ngoại giao văn hoá” và “giao lưu văn hoá”, bởi chủ thể không phải là các cá nhân mà chính là nhà nước.

Với cách tiếp cận này, thì quan hệ giữa các xã hội dân sự sẽ không được xem là “ngoại giao văn hóa” vì chủ thể tiến hành nó là các cá nhân – phi quốc gia, không nhân danh nhà nước có chủ quyền, có tư cách pháp nhân. Điều này được Mạnh Hiểu Tứ (孟晓驷) - Thứ trưởng phụ trách Ngoại giao văn hóa của Trung Quốc nói rõ: “*Hàm nghĩa cụ thể của ngoại giao văn hóa là các hoạt động ngoại giao được thực hiện bởi quốc gia có chủ quyền, nhằm duy trì lợi ích văn hóa của đất nước và thực hiện chiến lược văn hóa đối ngoại với mục đích nhất định. Các hoạt động này được thực hiện dưới sự hướng dẫn của một chính sách văn hóa đối ngoại cụ thể và triển khai bằng mọi phương tiện hòa bình, bao gồm cả phương tiện văn hóa*”, trong đó “*Ngoại giao văn hóa như là cách thức và kế hoạch tổ chức hoạt động xoay quanh việc tạo ra quan hệ ngoại giao của một quốc gia để đạt được các mục tiêu nhất định. Phương thức này sử dụng văn hóa làm công cụ truyền thông hoặc phương tiện, nhằm thúc đẩy các hoạt động quốc tế hoặc quan hệ giữa các quốc gia trong một khung thời gian được định sẵn và tập trung vào các đối tượng đã xác định trước.*”¹³. Trên cơ sở cách tiếp cận này, “ngoại giao văn hoá” được xem là góp phần gia tăng sức mạnh mềm của một quốc gia trên trường quốc tế để đạt quyền lực mềm. Và thực tế, quyền lực mềm của quốc gia chỉ phát huy hiệu quả khi nó được truyền bá ra thế giới bên ngoài thông qua con đường ngoại giao văn hóa, và đó là phương thức truyền tải sức mạnh mềm của quốc gia ra ngoài cương giới lãnh thổ.

Ở Việt Nam, nhận thức về “ngoại giao văn hóa” vẫn còn khá mới. Do đó, có sự khác biệt giữa các nhà học giả, các nhà hoạch định chính sách về định nghĩa về ngoại giao văn hóa. Đáng chú ý, dù có nhiều khác biệt, hầu hết các chính khách, học giả đều thống nhất khi cho rằng: “Ngoại giao văn hóa” (Cultural Diplomacy) là một trong những trụ cột quan trọng của ngoại giao Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh, cùng với ngoại giao chính trị, ngoại giao kinh tế tạo nên một mặt trận chung, đưa lại thành quả

¹³ 孟晓驷 (2005), “锦上添花: 文化外交的使命”, 人民日报, 2005年11月11日, 第七版.

chung của nền ngoại giao Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế hiện nay.

Ông Nguyễn Khánh - nguyên Phó Thủ tướng Chính phủ cho rằng: “Ngoại giao văn hóa” phải được xem là một trong những trụ cột của ngoại giao nói chung chứ không thuộc về phạm trù văn hóa đối ngoại. Nhìn tổng thể, đó là việc thực hiện chính sách đối ngoại để đạt được mục tiêu chính trị bằng công cụ văn hóa, biện pháp văn hóa, qua đó tạo áp lực đối với các chủ thể quan hệ quốc tế, các đối tác để thực hiện có kết quả các chính sách liên quan đến các lĩnh vực chính trị, kinh tế và văn hóa của quốc gia.¹⁴ Giáo sư Vũ Khiêu cho rằng ngoại giao văn hóa là ngoại giao giữa các nước chung quanh những vấn đề mang nội dung văn hoá nhằm đạt được những thoả thuận có lợi cho cả hai phía...¹⁵ Tuy nhiên, nhận thức tương đối đầy đủ về ngoại giao văn hóa được đưa ra bởi Vụ Văn hoá đối ngoại và UNESCO của Bộ Ngoại giao. Cụ thể, “Ngoại giao văn hóa” là một hoạt động đối ngoại được nhà nước tổ chức, ủng hộ và bảo trợ, được triển khai trong một thời gian nhất định, nhằm đạt được những mục tiêu chính trị, đối ngoại, được xác định bằng các hình thức văn hóa như: nghệ thuật, lịch sử, tư tưởng, truyền thống, ẩm thực, phim, ấn phẩm, văn học... Đối tượng hướng tới của Ngoại giao văn hóa là chính phủ và nhân dân các quốc gia khác. Không nhằm lợi nhuận, ngoại giao văn hóa quảng bá hình ảnh và nâng cao vị thế của đất nước, dân tộc. Mục tiêu của ngoại giao văn hóa là góp phần đảm bảo an ninh quốc gia, phục vụ phát triển kinh tế, nâng cao vị thế, hình ảnh quốc gia trên trường quốc tế và phục vụ cộng đồng người Việt ở nước ngoài. Cùng với ngoại giao chính trị, ngoại giao kinh tế, ngoại giao văn hóa là một trong ba trụ cột của Ngoại giao Việt Nam.¹⁶

1.1.2. Một số lý thuyết liên quan đến “Ngoại giao văn hoá”

1.1.2.1 Khái niệm “Sức mạnh mềm” (Soft Power)

Lần đầu tiên, “Sức mạnh mềm” (soft power) được nhắc đến như là một thuật ngữ trong nghiên cứu chính trị quốc tế vào năm 1973 trong tập sách *Power and Wealth: The Political Economy of International Power* của Klaus Knorr (Đại học

¹⁴ Nguyễn Khánh (2008), “Ngoại giao văn hóa và Văn hóa Ngoại giao”, trong *Ngoại giao văn hóa “vì một bản sắc Việt Nam trên trường quốc tế”*, Sđd, tr. 42-47.

¹⁵ Vũ Khiêu (2008), “Ngoại giao văn hóa dưới góc nhìn Văn hóa”, trong *Ngoại giao văn hóa “Vì một bản sắc Việt nam trên trường quốc tế”*, Sđd, tr. 283-290.

¹⁶ Phạm Sanh Châu (2008), “Ngoại giao văn hóa Việt Nam những khởi đầu thuận lợi để hướng tới tương lai”, trong *Ngoại giao văn hóa “vì một bản sắc Việt Nam trên trường quốc tế”*, Sđd, tr. 15-26.

Princeton). Sau đó, khái niệm “Sức mạnh mềm” đã được học giả Joseph S. Nye (Trưởng Quản trị công John F.Kennedy, Đại học Harvard) nghiên cứu và tổng kết thành một luận thuyết nổi tiếng công bố vào đầu thập niên cuối cùng của thế kỷ XX.

Trong cuốn sách *Bound to Lead: The Changing Nature of American Power* (1990), Joseph Nye cho rằng: “Sức mạnh mềm là khả năng đạt được những mục tiêu mong muốn bằng cách hấp dẫn và thuyết phục, thay vì áp đặt hay ép buộc. Nó bắt nguồn từ sức hấp dẫn của văn hóa, tư tưởng chính trị và các chính sách của một quốc gia¹⁷. Từ nhận thức nêu trên, một quốc gia được đánh giá là thành công trong việc xây dựng “Quyền lực mềm” dựa trên sức hấp dẫn của văn hoá, quan điểm chính trị và chính sách ngoại giao đủ sức lôi cuốn, hấp dẫn các quốc gia khác, và lôi kéo để họ đồng hành với mình. Thực tế này cho thấy sự khác biệt với “Sức mạnh cứng” vốn bao gồm các yếu tố như tiềm lực kinh tế, quân sự, khoa học kỹ thuật và nguồn tài nguyên cơ bản, đây là những yếu tố vật chất chi phối trong các quan hệ quốc tế từ cổ đại đến nay.

Năm 1999, học giả Joseph Nye tiếp tục đưa ra cách tiếp cận cụ thể hơn về khái niệm “Sức mạnh mềm” trong bài viết *Redefining the National Interest* công bố trên tạp chí *Foreign Affairs*. Trong đó, Joseph Nye cho rằng “Sức mạnh mềm/Quyền lực mềm” là khả năng quốc gia nào đó có được thông qua sự hấp dẫn bởi văn hoá và ý thức hệ của một quốc gia. Nó cho phép quốc gia đó đạt được những kết quả mong muốn thông qua sức hấp dẫn, thay vì sử dụng bạo lực. Sức mạnh mềm thể hiện khả năng thuyết phục người khác để họ tán thành hoặc đồng ý với quy tắc và chế độ hành vi mà quốc gia có Sức mạnh mềm mong muốn. Nếu một quốc gia có thể làm cho lập trường của mình hấp dẫn trong mắt các quốc gia khác, hoặc động viên họ tìm kiếm một cách tồn tại có lợi cho tất cả bên trong các tổ chức quốc tế, thì quốc gia đó không cần phải tỏ ra quá phô trương về sức mạnh tài nguyên kinh tế và quân sự truyền thống của mình...¹⁸ Tiếp theo đó, trong bài viết *Why military power is no longer enough* công bố trong năm 2002, Joseph Nye nói rõ Sức mạnh mềm/Quyền lực mềm chính là “khả năng” buộc người khác làm theo ý muốn của bạn. Joseph Nye nói rõ: “Một quốc

¹⁷ Joseph S. Nye (1991), *Bound to Lead: The Changing Nature of American Power*, New York: Basic Books, p. 154.

¹⁸ Joseph S. Nye Jr. (1999), “Redefining the National Interest”, *Foreign Affairs*, Vol. 78, No. 4, pp. 22-35.

gia có thể đạt được những kết quả mà nó mong muốn trong thế giới chính trị bởi vì những quốc gia khác cũng khao khát đạt được sự thịnh vượng và sự phát triển của họ. Sức mạnh mềm đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng các liên minh và hợp tác trong giới chính trị quốc tế, bởi nó hấp dẫn và thuyết phục hơn là ép buộc hoặc sử dụng các biện pháp đe dọa kinh tế hay quân sự”¹⁹.

Sau đó, trong năm 2004, trong tập sách *Soft Power: The Means to Success in World Politics*, ông tiếp tục khẳng định: “Sức mạnh mềm là một loại năng lực, cho phép đạt được mục tiêu bằng cách hấp dẫn người khác tham gia, không cần áp đặt hay dụ dỗ. Sức hấp dẫn này xuất phát từ các giá trị về văn hóa, chính trị và chính sách ngoại giao của một quốc gia.”²⁰. Có thể nói, ông đã giải thích rõ hơn về nội dung của Sức mạnh mềm/Quyền lực mềm và đưa ra nhiều ví dụ về Sức mạnh mềm của Hoa Kỳ, các quốc gia điển hình ở châu Âu và châu Á,... Trong đó, Joseph S. Nye nói rõ ba nguồn lực chủ yếu của Sức mạnh mềm/Quyền lực mềm của quốc gia đó là: văn hoá, các giá trị chính trị và các chính sách đối ngoại của quốc gia.

Bên cạnh Joseph S. Nye, nhiều học giả, nhà nghiên cứu ở Việt Nam và thế giới cũng đưa ra các cách tiếp cận, các khái niệm khác nhau về Sức mạnh mềm/Quyền lực mềm.

Học giả Phạm Thái Việt trong bài viết “Chuyển hóa văn hóa thành sức mạnh” (2011) đã nêu các điều kiện và cơ chế chung của quá trình chuyển hóa văn hóa của một quốc gia hình thành quyền lực mềm trên trường quốc tế, luận chứng về lợi thế tương đối của việc sử dụng sức mạnh văn hóa trong quan hệ quốc tế hiện nay. Đáng chú ý, Trong đó, Phạm Thái Việt đã diễn giải một cách trực quan hơn khái niệm Sức mạnh mềm của Joseph Nye, cụ thể: “Sức mạnh mềm là khả năng của chủ thể (A) làm cho chủ thể (B) can tâm và tình nguyện làm cái điều mà A muốn để B làm, nghĩ điều A muốn B nghĩ và sau đó, hành động như A mong muốn”²¹.

Tiếp đó, học giả Joshua Kurlantzich trong bài viết “*The Decline of American Soft Power*” (2005) đã đưa ra cách tiếp cận của mình về khái niệm Sức mạnh mềm, cụ thể: “Sức mạnh mềm là khả năng một quốc gia thuyết phục và gây ảnh hưởng đối với

¹⁹ Joseph S. Nye (2002), “Why Military Power Is No Longer Enough”, *The Guardian*, March 31 2002, <http://www.theguardian.com/world/2002/mar/31/1>

²⁰ Joseph S. Nye (2004), *Soft Power: The Means to Success in World Politics*, New York: Public Affairs, p. 2.

²¹ Phạm Thái Việt (2011), “Chuyển hóa văn hóa thành sức mạnh”, Tạp chí *Nghiên cứu Quốc tế*, số 4(87).

*nước khác không phải bằng đe dọa hay cưỡng ép mà bằng sức hấp dẫn của xã hội, giá trị, văn hóa và thể chế của chính quốc gia đó. Sức hấp dẫn này có thể được truyền đạt bằng nhiều phương tiện như văn hóa đại chúng, ngoại giao nhân dân và cá nhân, cách nhà lãnh đạo quốc gia tham gia vào các tổ chức đa quốc gia và diễn đàn quốc tế, hoạt động kinh tế quốc ngoại và lực hấp dẫn của một nền kinh tế mạnh”²². Học giả Steven Lukes trong cuốn sách *Power and the battle for hearts and minds* cho rằng quan niệm của Joseph S. Nye về sức mạnh mềm rất gần với nội dung của những gì ông gọi là “Chiều thứ ba của quyền lực”. Đó là thứ quyền lực để hình thành, ảnh hưởng hoặc xác định những niềm tin và mong muốn cho đối tượng khác, qua đó đảm bảo sự tuân thủ của họ.²³*

Năm 2008, Đại học Johns Hopkins đã tổ chức hội thảo khoa học về Sức mạnh mềm/Quyền lực mềm nhằm thảo luận để đưa ra các góc nhìn, cách tiếp cận khác nhau về nội hàm Sức mạnh mềm. Hội thảo thu hút sự tham gia nhiều học giả, nhà khoa học đến từ các trường đại học nổi tiếng ở Hoa Kỳ, cùng thảo luận và đưa ra rất nhiều ý kiến khác nhau. Thông qua thảo luận, phần lớn các đại biểu tham gia hội thảo cho rằng: Sức mạnh mềm/ Quyền lực mềm là loại sức mạnh phi quân sự, không dùng sức mạnh để đối đầu, mà chủ yếu là sự thuyết phục, là sức mạnh của sự quyến rũ khiến những người khác theo mình, và làm theo những gì chủ thể có sức mạnh mềm có, từ đó làm mục tiêu được hợp pháp. Và quyền lực mềm có được sẽ thông qua sự hấp dẫn của văn hoá và các giá trị mà quốc gia đạt được lợi ích trong chính sách đối ngoại chứ không phải bằng vũ lực hay các đòn bẩy, mua chuộc kinh tế. Các đại biểu đồng thuận khi cho rằng đạt được quyền lực mềm, cụ thể là các mục tiêu chính sách đối ngoại cụ thể dựa trên các biện pháp phi quân sự thể hiện được Sức mạnh mềm. Ở chiều kích khác, các nhà nghiên cứu quan tâm nhiều đến việc nghiên cứu sức mạnh quốc gia trên cả hai phương diện: nghiên cứu định tính và nghiên cứu định lượng. Dựa trên thuyết cân bằng sức mạnh của chủ nghĩa tân hiện thực, việc tính toán sức mạnh trong hệ thống quốc tế cho phép phỏng đoán các hành vi tiếp theo của mỗi quốc gia tham dự hệ thống. Người ta dự đoán về hiện thực hợp tác hay xung đột, đỉnh điểm là chiến

²² Joshua Kurlantzick (2005), “The Decline of American Soft Power”, *Current History*, Vol. 104(686), pp. 419-424.

²³ S. Lukes (2007), “Power and the Battle for Hearts and Minds: On the Bluntness of Soft Power”. In *Power in World Politics*, edited by F. Berenskoetter and M.J. Williams, London: Routledge, pp. 83-97.

tranh giữa các nước trong quan hệ quốc tế. Và do đó, Sức mạnh mềm sẽ thay thế cho Sức mạnh cứng, đại diện cụ thể là sức mạnh quân sự đã từng là chỗ dựa quan trọng cho lý thuyết này, dẫn đến làn sóng chạy đua vũ trang và chạy đua hạt nhân rầm rộ ở nửa sau thế kỷ XX.

Về nội hàm của phạm trù Sức mạnh mềm, Joseph Nye đi sâu nghiên cứu sâu vào những yếu tố vô hình của sức mạnh tổng hợp và lý thuyết "sức mạnh mềm" của riêng họ. Theo nghiên cứu, có thể phân biệt một cách cơ bản giữa sức mạnh ứng xử (tức là khả năng đạt được những gì mình muốn) và sức mạnh về nguồn lực (tức là việc sở hữu các tài nguyên thường đi kèm với khả năng đạt được mục tiêu). Sức mạnh ứng xử có thể chia thành hai loại: sức mạnh cứng và sức mạnh mềm. Sức mạnh cứng là khả năng ép buộc người khác phải làm những việc mà họ không mong muốn. Trên thực tế, Khi sở hữu sức mạnh quân sự hoặc kinh tế vượt trội, người chủ sở hữu có khả năng ép buộc các chủ thể khác phải tuân thủ ý muốn của mình. Dù việc buộc phải tuân thủ không được mong muốn, nhưng để tránh rơi vào tình huống khó khăn hơn, ví dụ như chịu sự trừng phạt về thể chất (quân sự) hoặc chịu sự cắt giảm hay mất điều kiện vật chất (kinh tế), các chủ thể phải làm theo ý muốn của người sở hữu sức mạnh. Sức mạnh mềm, ngược lại, là khả năng khiến người khác tự nguyện làm những điều mình muốn, vì bản thân họ cũng khao khát như vậy. Đây là một năng lực lôi cuốn mà không cần áp đặt. Một chủ thể có sức mạnh mềm khi thuyết phục người khác đi theo mình, trở thành hình mẫu mà họ muốn noi theo, hoặc đồng ý hành động dựa trên những quy chuẩn/thể chế mà chủ thể đưa ra. Những điều này tạo ra tác động đúng theo ý muốn của chủ thể đến các đối tượng khác.

Như vậy, theo Joseph Nye, Quyền lực mềm bao gồm: khả năng thu hút bằng văn hóa, những tiêu chuẩn giá trị; khả năng định hướng những thị hiếu và ưu tiên đối với các chủ thể khác; khả năng xây dựng các chương trình, thành lập các tổ chức hoặc tiêu chuẩn được các đối tượng khác chấp nhận, làm theo. Quyền lực mềm lệ thuộc rất nhiều vào năng lực thuyết phục của loại thông tin miễn phí mà một tác nhân tìm cách lưu truyền. Nếu một quốc gia có thể làm cho ý nghĩ và hành vi trở nên hợp pháp trong mắt của những người khác, và thiết lập được các thể chế quốc tế, có thể khuyến khích những người khác xác định quyền lợi của mình theo những cách thức tương hợp – thì quốc gia ấy không phải chi tiêu nhiều nguồn lực kinh tế hay quân sự một cách tốn

kém, do có được Quyền lực mềm – được xem là sức mạnh của năng lực thuyết phục, sự tin cậy và tính hấp dẫn của hệ giá trị.

Trên thực tế, J. Nye đã phân tích về lịch sử của quyền lực, chú trọng quyền lực mềm. Theo Nye, trong thế kỷ XVIII ở châu Âu, lãnh thổ nông nghiệp và dân số đã tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của các đội quân bộ binh, và Pháp đã tận dụng ưu thế này để trở thành một cường quốc quyền lực. Tiếp theo, vào thế kỷ XIX, sự phát triển công nghiệp đã cung cấp nguồn lực cho Anh, và sau đó Đức đã nổi lên và giành quyền lực dựa trên sản xuất công nghiệp. Giữa thế kỷ XX, khoa học, đặc biệt là vật lý hạt nhân, đã góp phần vào quyền lực của Hoa Kỳ và Liên Xô. Tuy nhiên, trong thời đại toàn cầu hiện nay, chúng ta đang chứng kiến sự hình thành một cấu trúc mới về quyền lực. Hiện nay, sức hấp dẫn của văn hóa và ý tưởng là mạnh mẽ. Ai sở hữu những thứ này, người đó có quyền lực. Các ngôi sao âm nhạc, điện ảnh... có sức ảnh hưởng quan trọng đối với người hâm mộ của họ.

Bảng 1.1. Thống kê sức mạnh mềm trong lịch sử

Giai đoạn	Nước dẫn đầu	Các nguồn chính
Thế kỷ XVI	Tây Ban Nha	Vàng, thuộc địa, lính đánh thuê, vương triều
Thế kỷ XVII	Hà Lan	Mậu dịch, thị trường vốn, hải quân
Thế kỷ XVIII	Pháp	Dân số, công nghiệp nông thôn, quản lý công nghiệp, quân đội, văn hoá
Thế kỷ XIX	Anh	Công nghiệp, sức ngưng tụ chính trị, tiền tệ - tín dụng, hải quân, các vị trí đảo để phòng thủ, chuẩn mực tự do
Thế kỷ XX	Hoa Kỳ	Quy mô kinh tế, lực lượng quân sự và các đồng minh, chuẩn mực tự do, vị thế dẫn đầu trong khoa học – kỹ thuật, văn hoá có tính phổ cập, cơ chế quốc tế tự do.
Thế kỷ XXI	Hoa Kỳ	Vị thế dẫn đầu trong khoa học – kỹ thuật, trung tâm truyền bá xuyên quốc gia, quân sự và quy mô.

Nguồn: ²⁴

Sau khi phân tích sự thăng trầm của các cường quốc trong 500 năm qua, J.Nye nhận thấy rằng, trong kỷ nguyên thông tin và toàn cầu hoá, nhận thức về sức mạnh đang thay đổi. Vai trò của sức mạnh mềm ngày một lớn và do đó cần phải tận dụng chúng trong sự kết hợp với sức mạnh cứng truyền thống.

Tuy giữa mối liên hệ giữa sức mạnh cứng và sức mạnh có quan hệ, nhưng lại có những tuyến phát triển của riêng mình. J.Nye cho rằng, Samuel P.Huntington đã có lý khi nói rằng, hiệu quả về vật chất (quyền lực cứng) làm cho một nền văn hoá hoặc một ý thức hệ nào đó (sức mạnh mềm) trở nên hấp dẫn; và rằng, sự thất bại về quân sự và sự đổ vỡ về kinh tế sẽ dẫn đến sự hoài nghi và khủng hoảng về bản sắc văn hoá. Tuy nhiên, qua phân tích có thể thấy sự nhầm lẫn của Samuel P.Huntington khi cho rằng sức mạnh mềm chỉ có thể tồn tại khi có sự mâu thuẫn của sức mạnh cứng.

²⁴ Joseph S. Nye (2002), *The paradox of American power*, New York: Oxford University Press.

Bảng 1.2 So sánh tương quan sức mạnh cứng và sức mạnh mềm

	Sức mạnh cứng			Sức mạnh mềm			
Quốc gia	Tài nguyên	Quốc phòng	Kinh tế	Khoa học - công nghệ	Lực ngưng tụ	Mức độ phổ biến của văn hoá	Quá trình tham dự vào hệ thống quốc tế
Hoa Kỳ	Mạnh	Mạnh	Mạnh	Mạnh	Mạnh	Mạnh	Mạnh
Nga	Mạnh	Mạnh	Vừa	Vừa	Yếu	Vừa	Vừa
Âu châu	Mạnh	Vừa	Mạnh	Mạnh	Yếu	Mạnh	Mạnh
Nhật	Vừa	Yếu	Mạnh	Mạnh	Mạnh	Vừa	Vừa
Trung Quốc	Mạnh	Vừa	Vừa	Yếu	Mạnh	Vừa	Vừa

Nguồn: ²⁵

Thông qua bản trên, những nguồn được xem là sức mạnh cứng bao gồm tài nguyên cơ bản, lực lượng quân sự và lực lượng kinh tế. Sức mạnh mềm đánh giá các nguồn lực như lực lượng khoa học – công nghệ, khả năng huy động và tập trung sức mạnh của quốc gia, tính phổ biến của văn hóa và mức độ tham gia vào cơ cấu quốc tế. Ông Nye đã giới thiệu việc tích hợp văn hoá vào cấu trúc sức mạnh tổng hợp và coi đó là một yếu tố quan trọng, góp phần thay đổi quan điểm truyền thống của mọi người về sức mạnh.

Tóm lại, hầu hết mọi học giả trên thế giới đều công nhận cách tiếp cận về sức mạnh mềm của Joseph Nye khi cho đó là năng lực đạt được thứ mình mong muốn thông qua sự hấp dẫn thay vì ép buộc bằng vũ lực; và sức mạnh mềm của một quốc gia xuất phát từ văn hóa quốc gia (nếu nền văn hóa đó có sức hút đối với các quốc gia khác), hệ giá trị quốc gia (nếu các tư tưởng chính trị đó được nhân dân trong nước và thế giới thấy hấp dẫn), chính sách quốc gia.

²⁵ Joseph S. Nye (2002), The paradox of American power, Sđd.

Sức mạnh mềm giúp lý giải việc vì sao các quốc gia đang cố gắng sử dụng ngoại giao văn hoá, trong đó có Ấn Độ. Gia tăng sức mạnh mềm chính là mục đích lớn của ngoại giao văn hoá, điều đó càng chứng tỏ văn hoá đang trở thành lĩnh vực quan hệ quốc tế quan trọng. Từ đó, đòi hỏi văn hoá phải trở thành mục đích và phương tiện trong quan hệ quốc tế hiện nay. Sáng kiến sử dụng quyền lực mềm trong chính sách ngoại giao đã được chính phủ Modi khởi xướng. Một số khía cạnh quan trọng của quyền lực mềm được chính phủ Modi sử dụng là liên kết với di sản cổ đại và văn hóa dân tộc. Chính phủ Modi đặc biệt nghiêm túc trong việc thúc đẩy quyền lực mềm. Chính phủ của Modi vẫn đang ở giai đoạn mới của việc biến Ấn Độ thành một quốc gia thể hiện quyền lực mềm, nhưng so với các chính phủ trước đây, Modi đã chắc chắn thành công hơn trong việc thể chế hóa và phát triển một chiến lược quyền lực mềm nhất quán và chiến lược hơn. Quyền lực mềm đã trở thành một trong những nguyên tắc cốt lõi của lý thuyết của Modi, và hầu hết các chuyến thăm quốc gia của ông là một chủ đề quan trọng.

Chính phủ Modi đã hiệu quả sử dụng văn hóa và liên kết văn minh để thúc đẩy lợi ích quốc gia trong khu vực Ấn Độ Dương và các vùng lân cận. Đối với ngoại giao lợi ích quốc gia của Ấn Độ, Modi đã sử dụng một số tài sản quyền lực mềm như Phật giáo, liên kết văn hóa, viện trợ kinh tế, cộng đồng người Ấn và Yoga. Chính phủ Modi đã thành công trong việc cải thiện quan hệ với gần như tất cả các quốc gia quan trọng trên thế giới. Có một mô hình nổi bật từ các chuyến thăm và các sáng kiến của Modi trong những năm qua. Modi hiểu giá trị của thương mại và sự phát triển kinh tế trong việc phát triển của một quốc gia. Dưới thời Modi, chính sách ngoại giao của Ấn Độ đã có các kết quả hỗn hợp. Được công nhận là nhờ Thủ tướng Modi, cách Ấn Độ giao tiếp với các quốc gia khác và cách nâng cao quan hệ đã tăng sự tự tin và năng lực của quốc gia. Điều đó cho thấy cách chính phủ Modi đang cố gắng khẳng định quyền lực mềm của Ấn Độ để phục vụ các mục tiêu chiến lược lớn. Sử dụng quyền lực mềm để bổ sung cho ngoại giao truyền thống của Ấn Độ, nâng cao hình ảnh quốc tế, cải thiện quan hệ với các quốc gia khác và thúc đẩy phát triển kinh tế và đầu tư nước ngoài.

Trong bài nghiên cứu, tác giả đã đưa ra kết quả, chính phủ Modi đã khởi đầu một sáng kiến sử dụng quyền lực mềm trong chính sách ngoại giao. Việc sử dụng quyền lực mềm trong chính sách ngoại giao chưa được thực hiện dưới chính quyền

Modi, nhưng chắc chắn mạnh mẽ hơn khi nói đến việc khởi đầu và triển khai. Trong khi các chính quyền trước đây đã sử dụng quyền lực mềm để hỗ trợ chính sách ngoại giao, nhưng những nỗ lực của họ đã tương đối không tập trung, thiếu thiết kế và mâu thuẫn. Trái lại, chính phủ Modi đang tiến hành các biện pháp để phát triển một cách tiếp cận hài hòa, chiến lược và tổ chức đối với việc sử dụng quyền lực mềm, từ đó tăng cường hiệu quả của chính sách ngoại giao.

Quyền lực mềm được chính phủ Modi sử dụng chủ yếu là di sản cổ đại và văn hóa, cộng đồng người Ấn, viện trợ kinh tế và Bollywood. Chính phủ Modi đặc biệt nghiêm túc trong việc thúc đẩy quyền lực mềm. Thông qua các chuyến thăm của các nhà lãnh đạo quốc gia và chính phủ, thu hút người Ấn hải ngoại và nhấn mạnh các mối liên hệ văn hóa của Ấn Độ thông qua các sự kiện lớn trên đất nước ngoại, cũng như ngoại giao, ý tưởng phát triển quyền lực mềm đã đạt được thành công tốt. Trong báo cáo của mình, Ủy ban đứng đầu cũng đã đề xuất ICCR, cơ quan chính phủ chịu trách nhiệm cho việc thể hiện quyền lực mềm của Ấn Độ. Đồng thời, cần nhớ rằng chính phủ Modi đang sử dụng sự quyền rũ của mình như một nguồn quyền lực mềm quan trọng để có sự ảnh hưởng của nhiều quốc gia.

Chính phủ Modi vẫn đang ở giai đoạn mới của việc biến Ấn Độ thành một quốc gia thể hiện quyền lực mềm, nhưng chính phủ Modi đã thành công hơn trong việc thể chế hóa và phát triển một cách tiếp cận mềm mại và chiến lược hơn đối với quyền lực mềm so với các chính phủ trước đây. Dưới thời chính phủ Modi, Ấn Độ đã thành công trong việc cải thiện quan hệ với gần như tất cả các quốc gia quan trọng trên thế giới. Chính phủ đã thể hiện quyết tâm bảo vệ lợi ích của Ấn Độ bất cứ khi nào cần thiết. Thủ tướng Modi tin rằng ông sẽ không để những cảm xúc cá nhân và xung đột tự thân làm trở ngại trong việc theo đuổi lợi ích của Ấn Độ. Về cách Ấn Độ giao tiếp với các quốc gia khác và nâng cao quan hệ, ông Modi đã tăng sự tự tin của quốc gia và trao cho nó quyền lực hơn."

1.1.2.2 Vai trò của sức mạnh mềm trong chính sách đối ngoại

Qua những phân tích về nội dung khái niệm của sức mạnh mềm, có thể nhận thức về vai trò của sức mạnh mềm liên quan đến chính sách đối ngoại như sau:

Thứ nhất, mặc dù sức mạnh mềm là một khái niệm tương đối mới, nhưng việc sử dụng nó để ảnh hưởng và phát triển đã được các quốc gia thừa nhận và quan tâm từ

lâu. Từ xa xưa, ở phương Tây, các đế quốc thực dân như Anh, Pháp, Hà Lan với thuộc địa của mình trải dài trên toàn thế giới đã đem những nét văn hóa đặc biệt của mình trở nên phổ biến và cuốn hút. Một ví dụ tiêu biểu cho điều này chính là việc nước Anh được biết tới nhiều hơn, được tìm hiểu nhiều hơn chỉ vì tiếng Anh là thứ tiếng được nhiều người nói nhất và đây chính là kết quả của hàng trăm năm đế quốc Anh mở rộng thuộc địa trên toàn thế giới, đem tiếng Anh trở thành ngôn ngữ chính của hàng chục quốc gia. Còn ở phương Đông, từ xa xưa, các nhà mưu lược ở Trung Quốc đã nhận thức khá sâu sắc đạo lý “binh pháp không đánh mà khuất phục lòng người”, tức không thể chỉ dựa vào vũ lực để trị vì thiên hạ. Qua đó, có thể thấy rằng nội dung cơ bản của khái niệm quyền lực mềm không còn xa lạ đối với Trung Quốc.

Hiện tại, các quốc gia hay sử dụng “sức mạnh mềm” của mình để đạt được những lợi ích của mình. Đây là một chiêu bài hết sức đúng đắn trong mối quan hệ chính trị hiện đại ngày nay, khi xu thế toàn cầu hoá diễn ra ngày một mạnh mẽ và trở thành xu thế khách quan tạo nên cơ hội và thách thức cho mọi quốc gia đang phát triển thì chính sự mềm mỏng lại là một sự cứng rắn mới. Có thể nói, chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ đã có những thay đổi rõ rệt kể từ sau vụ khủng bố ngày 11/9, đặc biệt là trong nhiệm kỳ của Tổng thống Barack Obama. Thay vì việc chỉ dùng sức mạnh cứng để làm chủ tình hình như trước đây, các chính sách dưới thời Obama đã mềm mỏng và nhất quán hơn nhiều, đặc biệt là với mục tiêu “quay trở lại” Châu Á đã khiến cho Mỹ ngày càng chú trọng hơn nữa đến việc sử dụng sức mạnh mềm trong quan hệ quốc tế. Bên cạnh sự phát triển mạnh mẽ của các lĩnh vực truyền thông văn hóa cũng như giáo dục, tạo nên nguồn sức mạnh mềm cơ bản nhằm giúp phổ biến và phát huy hình ảnh của nước Mỹ ra toàn thế giới, thì chính sách đối ngoại của Mỹ cũng có những điểm sáng vô cùng quan trọng. Mỹ tích cực thúc đẩy hợp tác song phương cũng như đa phương với các quốc gia khu vực châu Á – Thái Bình Dương trên nhiều lĩnh vực như kinh tế, chính trị, an ninh, quân sự và cùng nhau giải quyết những ảnh hưởng của các vấn đề toàn cầu đang là mối đe dọa to lớn cho toàn thế giới. Điều này cho thấy Mỹ đang ngày một chứng tỏ cho thế giới thấy rằng mình không chỉ là một siêu cường về kinh tế và quân sự mà còn là một nước lớn có trách nhiệm đến hòa bình, thịnh vượng và phát triển chung của thế giới. Tất cả những việc trên đã giúp Mỹ dần lấy lại hình ảnh đẹp của mình trên thế giới.

Thứ hai, trong những năm gần đây, các quốc gia trên thế giới, đặc biệt là những cường quốc lớn, ngày càng chú trọng đến vai trò của sức mạnh mềm trong việc tăng cường sức mạnh tổng hợp của quốc gia. Điều này đã được khẳng định trong “Báo cáo chính trị” tại Đại hội XVII Đảng Cộng sản Trung Quốc “*quyền lực mềm là bộ phận cấu thành quan trọng của sức mạnh tổng hợp quốc gia... quyền lực mềm còn là động lực tạo sức cạnh tranh của đất nước*”²⁶. Theo Ray S. Cline, nhân tố cấu thành sức mạnh tổng hợp quốc gia bao gồm lãnh thổ, tài nguyên thiên nhiên, dân số, kinh tế, giao thông, thông tin liên lạc, chất lượng của chính phủ, sức mạnh quân sự, quan hệ đối ngoại, văn hoá, khoa học công nghệ. Khi toàn cầu hóa về nhiều phương diện từ cuối thế kỷ XX đến thập niên đầu thế kỷ XXI lan rộng khắp thế giới, Trung Quốc đã từng bước có những điều chỉnh nhằm phù hợp với xu thế của thời đại. Họ khẳng định quyền lực mềm của nước này ngày càng trở nên quan trọng, ví dụ: văn hóa, giáo dục, tâm lý và chất lượng dân số, trình độ khoa học kỹ thuật, tính ưu việt và tính tiên tiến của văn hóa dân tộc, nguồn tài nguyên nhân tài và chiến lược nhân tài của quốc gia, khả năng tập hợp của chính phủ, năng lực đoàn kết và ổn định xã hội, sự phát triển bền vững của kinh tế và xã hội.

Trong thời đại toàn cầu hóa, muốn giữ gìn chủ quyền quốc gia, tăng cường sức mạnh quốc gia, chỉ dựa vào sức mạnh kinh tế và quốc phòng thì không đủ, còn cần phải có sức mạnh chính trị, văn hóa và đạo lý. Trên thực tế, trong những năm gần đây, Trung Quốc đã và đang tăng cường sức mạnh tổng hợp quốc gia thông qua một số hình thức triển khai sức mạnh mềm trong quan hệ quốc tế. Họ đặc biệt chú trọng dùng các biện pháp kinh tế (thông qua viện trợ, đầu tư, mở mang thương mại), văn hóa, giáo dục và khoa học công nghệ để xây dựng và mở rộng ảnh hưởng của mình ở nhiều nơi trên thế giới. Như vậy, công thức sức mạnh tổng hợp của từng quốc gia không chỉ được tính bằng sức mạnh cứng, mà còn được thể hiện qua sức mạnh mềm.

Thứ ba, Sức mạnh mềm đóng góp một vai trò quan trọng trong việc xác định vị thế và ảnh hưởng của các quốc gia đối với những quốc gia khác. Hiện nay, hầu hết các nước có nền kinh tế phát triển hàng đầu vẫn ưu tiên sử dụng sức mạnh mềm. Theo

²⁶ Bài phát biểu của Chủ tịch Hồ Cẩm Đào tại Đại hội Đại biểu Hội Liên hiệp văn học nghệ thuật Trung Quốc lần thứ VIII, Đại hội Đại biểu toàn quốc Hiệp hội nhà văn Trung Quốc lần thứ VII, ngày 10/11/2006, *Nhân dân Nhật báo ngày 11/11/2006*, tr.1, dẫn theo: “Phát huy sức mạnh quốc gia, lợi thế quốc gia trong bối cảnh quốc tế mới – một số vấn đề lý luận và kinh nghiệm thế giới”. Đề tài cấp Bộ của Viện Kinh tế và Chính trị thế giới.

Theo Joseph Nye, "sức mạnh mềm" đại diện cho một loại sức mạnh hấp dẫn, tác động gián tiếp đến hành vi của các quốc gia khác. Những lợi ích của "sức mạnh mềm" không thể nhìn thấy ngay lập tức, nhưng nó lại mang đến những tác động ngoài mong đợi trong dài hạn.

Hoa Kỳ sở hữu một sức mạnh toàn diện và vượt trội, đã đạt được vị trí thống trị với tầm ảnh hưởng sâu rộng đối với trật tự quốc tế và nhiều quốc gia trên thế giới. Xem từ góc độ sức mạnh mềm, Hoa Kỳ đã khá thành công trong việc xây dựng quyền lực này để duy trì vị thế siêu cường trong thế giới, đặc biệt là trong quan hệ với các quốc gia khác. Đặc biệt, giá trị, văn hóa và giáo dục của Hoa Kỳ được đón nhận bởi các quốc gia khác, vì vậy chính sách ngoại giao của Hoa Kỳ cũng tự nhiên được đón nhận bởi những quốc gia này. Hollywood, Coca Cola, McDonald's... đã xuất hiện trong những năm 1990 của thế kỷ XIX và đóng vai trò quan trọng trong xu hướng toàn cầu hóa. Có thể khẳng định rằng hiện nay, văn hóa Mỹ đã hiện diện tại hầu hết các quốc gia trên thế giới, trở thành một phần không thể thiếu và không thể cưỡng lại trong cuộc sống của những quốc gia này. Ngoài ra, Ấn Độ là một trong những nước châu Á có những tiềm lực ấn tượng về sức mạnh mềm. Nghệ thuật, thời trang và ẩm thực của nền văn hóa lâu đời của Ấn Độ có sức thu hút mạnh mẽ đến thế giới. Như vậy, hiện nay, sức mạnh mềm đang là nhân tố cơ bản để nâng cao sức cạnh tranh quốc gia cũng như để mở rộng phạm vi ảnh hưởng của một nước trong khu vực và trên thế giới.

Tóm lại, sức mạnh mềm không phải là một khái niệm mới chỉ từ khi Giáo sư Joseph S. Nye đưa ra học thuyết. Thực tế đã chứng minh rằng sức mạnh mềm luôn có vai trò quan trọng và đã được sử dụng trong suốt lịch sử quan hệ quốc gia. Đặc biệt, sau khi được nêu tên như một luận thuyết và được nhiều người đón nhận, các quốc gia ngày càng nhận ra tầm quan trọng của sức mạnh mềm trong đối ngoại. Cuối thế kỷ XX và những năm đầu thế kỷ XXI chứng kiến sự nổi lên của sức mạnh mềm trong nền chính trị quốc tế.

1.1.2.3 Sức mạnh mềm của Ấn Độ

❖ Quan điểm của Ấn Độ

Khái niệm về sức mạnh mềm không phải là mới ở Ấn Độ. Các sự kiện diễn ra

ở quốc gia này trong những thập kỷ trước đã cho thấy việc dùng vũ lực có những hạn chế lớn, thay vào đó nên sử dụng sức mạnh mềm như một công cụ vô cùng quan trọng trong chính sách đối ngoại.

Nhằm đạt những mục tiêu chính trị và cải tạo xã hội, Mohandas Gandhi đã đề xướng Thuyết đấu tranh bất bạo động. Bằng phương pháp bất bạo động và bất hợp tác, Mahatma Gandhi đã lãnh đạo thành công phong trào đấu tranh giành độc lập cho Ấn Độ từ thực dân Anh. Đây là một cuộc hòa giải lớn bậc nhất trong lịch sử và dường như chưa hề có bất cứ một tiền lệ hay kiểu mẫu nào trước đó. Một cuộc đấu tranh bằng phương pháp hòa giải không hề có tiếng súng hay vũ lực. Trong nhiều năm qua, tư tưởng bất bạo động của Gandhi đã là ngọn đuốc soi đường cho nhiều nhà lãnh đạo thế giới như Mục sư Martin Luther King, Nelson Mandela, Stephen Biko, Lech Walesa... trong công cuộc đấu tranh chiến thắng độc tài và áp lực.

Jawaharlal Nehru là một thành viên quan trọng sáng lập ra Phong trào Không liên kết. Ông chủ trương giải quyết các vấn đề tranh chấp quốc tế thông qua đàm phán hoà bình. Hoà bình đối với Nehru là huỷ bỏ các khối quân sự xâm lược, không dùng bạo lực trong quan hệ quốc tế, huỷ bỏ chiến tranh hạt nhân, tiến tới giải trừ quân bị, xoá bỏ chủ nghĩa thực dân, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, bảo đảm cuộc sống yên lành cho mọi dân tộc và mọi người trên Trái đất. Chính sách hòa bình không liên kết, chống đế quốc của ông đã mang lại uy tín lớn lao cho đất nước Ấn Độ, đồng thời góp phần làm dịu tình hình căng thẳng trên thế giới, củng cố hòa bình và hợp tác giữa các nước.

Như vậy, với Thuyết đấu tranh bất bạo động và chủ trương không liên kết, Thánh Gandhi và Cựu Thủ tướng Nehru đã tạo dựng được vai trò quốc tế cho Ấn Độ dựa trên những uy tín đạo đức và sự hỗ trợ cho các nước chậm phát triển. Ấn Độ luôn cố gắng theo đuổi vai trò lãnh đạo dựa vào sức mạnh mềm lý tưởng cùng các hoạt động đối ngoại.

Bên cạnh quan điểm Mohandas Gandhi và Jawaharlal Nehru ở thời kỳ sau khi độc lập thì vào những năm đầu thế kỷ XXI còn có nhiều quan điểm về sức mạnh mềm của các chính khách khác. Vasantha R. Raghavan – Cố vấn của Nhóm chính sách Delhi khẳng định *“Trong một môi trường của những mối liên kết đa phương và sự thay đổi tự nhiên của quyền lực, công cụ hiệu quả của ngoại giao không chỉ bao gồm*

“quyền lực cứng” với sử dụng quân đội hay kinh tế đe dọa hoặc cưỡng ép người khác thay đổi hoặc củng cố vị trí của mình, mà còn là “quyền lực mềm”, khả năng đạt được kết quả như mong đợi thông qua thu phục hơn là cưỡng ép hay dụ dỗ”²⁷. Quyền lực cứng (hard power) là khả năng ép buộc chủ thể khác thực hiện điều mình muốn, còn chủ thể kia không muốn bằng lực lượng quân sự hay bằng trừng phạt kinh tế như bao vây, cấm vận,...²⁸ Trong bối cảnh xu thế hòa bình hợp tác và xu thế toàn cầu hóa trở thành những dòng chảy chính trong quan hệ quốc tế, việc sử dụng quyền lực cứng ngày càng không còn là lựa chọn tối ưu của các quốc gia. Ngày nay, quyền lực mềm được quan tâm và nhấn mạnh hơn, không chỉ vì nó phù hợp với xu thế thời đại mà còn bởi tính chất linh hoạt và ít tốn kém hơn khi sử dụng công cụ này để đạt được mục tiêu. Nhật Bản với đất đai chật hẹp, tài nguyên không có, thiên nhiên khắc nghiệt (động đất, sóng thần) nhưng với ý chí mãnh liệt, tinh thần kỷ luật, tính cộng đồng cao, lòng trung thành, ý thức tôn trọng truyền thống, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc đã vươn lên thành một trong những nước mạnh về kinh tế và có ảnh hưởng lớn trên thế giới nhờ biết sử dụng thành công sức mạnh mềm của mình. Rõ ràng, Vasantha R. Raghavan quan niệm sức mạnh mềm là khả năng đạt được kết quả như mong đợi thông qua thu phục như Joseph S. Nye đã từng định nghĩa và ông nhấn mạnh trong thời đại hiện nay cần phải chú trọng đến việc sử dụng sức mạnh mềm bên cạnh sức mạnh cứng như Mỹ là điển hình của sự kết hợp sức mạnh cứng và mềm.

Sunil Khilnani, Giáo sư Chính trị học - Viện trưởng Viện nghiên cứu Nam Á thuộc trường Đại học Johns Hopkins cũng đã nói về tầm ảnh hưởng của sức mạnh mềm trong một bài phát biểu “*Sức mạnh mềm là một loại sức mạnh có sức thuyết phục mạnh mẽ nhất, hợp pháp và hợp đạo đức nhất trong bất cứ một loại sức mạnh nào*”²⁹. Tính thuyết phục, một đặc điểm quan trọng của quyền lực mềm có thể được gia tăng bằng sự tương đồng, đặc biệt tương đồng về nền tảng giá trị. Quyền lực mềm của một quốc gia phát triển phần lớn từ các giá trị thể hiện trong văn hoá, chính sách đối nội và chính sách đối ngoại, cách xử lý các vấn đề quốc tế của quốc gia đó. Nếu một quốc

²⁷ V.R. Raghavan (2007), “*Soft Power in the Asia Pacific*”, Paper presented at a Seminar on ‘After the Unipolar Moment: Asia and Regional Global Order’.

²⁸ Hoàng Khắc Nam (2011), *Quyền lực trong quan hệ quốc tế Lịch sử và vấn đề*, Nhà xuất bản Văn hóa – Thông tin.

²⁹ Yashwant Sinha, Sunil Khilnani (2004), “*What it Takes to be a World Power*”.

gia có thể thực hiện những giá trị mà đa số các quốc gia khác đều chấp nhận, hoặc ngược lại có thể thuyết phục các quốc gia khác chấp nhận giá trị của mình thì quốc gia đó sẽ ít phải bỏ nhiều công sức để giành được vị trí lãnh đạo³⁰. Ngoài ra, một chính sách nhà nước có tính hợp pháp, hợp đạo đức và đầy đủ thẩm quyền là một nguồn quyền lực mềm rất quan trọng để thuyết phục và xây dựng sự tin cậy của người khác đối với chính phủ nói riêng và quốc gia đó nói chung, giúp quốc gia được cộng đồng nhìn nhận là đáng tin cậy, trung thực, và tôn trọng các mối quan tâm của nước khác. Trong trường hợp cụ thể, cộng đồng sẽ dễ dàng chấp nhận và ủng hộ những hành động của quốc gia xuất phát từ một chính sách đã được công nhận hợp pháp, hợp đạo đức và có thẩm quyền.

Cựu Bộ trưởng Ngoại giao Shashi Tharoor cho rằng “*quyền lực mềm là một mũi tên trong ống tên an ninh của đất nước, chứ không phải là liều thuốc chữa bệnh. Chúng ta phải chấp nhận rằng những người cho rằng quyền lực mềm có thể giải quyết một thách thức quân sự là sai lầm*”³¹. Rõ ràng, bản chất của sức mạnh mềm là sự tác động thông qua yếu tố tâm lý và quy trình tâm lý này đòi hỏi phải mất nhiều thời gian mới có thể đạt được những hiệu quả như mong muốn. Khi các quốc gia triển khai chính sách mở rộng ảnh hưởng quốc gia thông qua sức mạnh mềm thì hiệu quả không thể thấy được trong một sớm một chiều mà đòi hỏi mất nhiều thời gian, thậm chí là hàng thập kỷ để đạt mục tiêu. Chính vì vậy, trong quan hệ quốc tế, thực chất sức mạnh mềm thường được kết hợp triển khai với sức mạnh cứng. Sự kết hợp đó được gọi là sức mạnh thông minh, trong đó sức mạnh cứng sẽ giúp sức mạnh mềm hấp dẫn hơn và đạt hiệu quả nhanh hơn. Đồng thời, ông Tharoor cũng trả lời phóng viên BBC về cách thức để phát triển sức mạnh mềm của Ấn Độ vào tối 15 tháng 8 năm 2007 như sau “*Ấn Độ cần phải tập trung làm giàu các giá trị văn hóa, giá trị xã hội, hệ tư tưởng chính trị và chính sách đối ngoại*”³²

Cựu Thủ tướng Manmohan Singh cho rằng sức mạnh mềm có một vai trò quan trọng trong chính sách ngoại giao của nhiều cường quốc trên thế giới³³. Với các quốc

³⁰ Đào Minh Hồng – Lê Hồng Hiệp (chủ biên) (2013), *Sổ tay Thuật ngữ Quan hệ Quốc tế*, Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

³¹ Jakub Zajączkowski, Jivanta SchÖtli, Manish Thapa (2014), *Ấn Độ trong thế giới đương đại: chính trị, kinh tế và quan hệ quốc tế*, Đinh Xuân Hà dịch, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

³² The Economic Times (2007), “*India should aim to be a soft power instead of superpower*”.

³³ The Economic Times (2008), “*Bollywood can be an important tool of diplomacy: PM*”.

gia dân tộc, sức mạnh mềm là một công cụ quan trọng trong việc thực thi chính sách đối ngoại và đảm bảo được chính sách đó thu hút, cũng như đạt được sự đồng lòng nhất trí của cộng đồng quốc tế. Trong những thập niên gần đây, Trung Quốc được mệnh danh là “con rồng” châu Á, đang muốn vươn mình ra thế giới, trở thành một trong những nước có tầm ảnh hưởng nhất thế giới. Do đó, Trung Quốc không thể bỏ qua sức mạnh mềm trong các chiến lược đối ngoại của quốc gia. Trong chiến lược sức mạnh mềm của Trung Quốc, về lý luận dựa vào những chuẩn mực trong chính sách đối ngoại của Trung Quốc như hòa bình, cùng có lợi cùng thắng, đặc biệt trong quan hệ với các nước láng giềng lại càng cụ thể hơn như coi láng giềng là bạn, thân thiện với láng giềng, yên ổn với láng giềng và làm giàu cùng láng giềng, ... đây là cơ sở và xuất phát điểm trong quan hệ với đối ngoại của Trung Quốc và cũng là căn cứ luận đề Trung Quốc phát triển sức mạnh mềm. Ngoài ra, Cựu Thủ tướng Manmohan Singh khẳng định *“Theo một cách nào đó, sức mạnh mềm có thể được xem như là một công cụ kiến tạo quan trọng trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ.... Sức mạnh mềm là cách để Ấn Độ nâng tầm ảnh hưởng và khẳng định vai trò quan trọng của mình trên thế giới”*³⁴Trong những năm gần đây, chính phủ Ấn Độ ngày càng quan tâm hơn đến những chính sách cũng như hoạt động tuyên truyền đối ngoại nhằm bổ sung sức mạnh mềm của mình cũng như đối phó với sự trỗi dậy của Trung Quốc.

❖ *Sức mạnh mềm của Ấn Độ*

Theo Cựu Ngoại trưởng Yashwant Sinha trong một bài phát biểu từng nói về sức mạnh mềm của Ấn Độ, đó là nền văn hóa, tôn giáo và triết học ưu việt, có ảnh hưởng sâu rộng và lâu đời từ thời cổ đại³⁵. Kinh Vệ Đà³⁶ không chỉ là kho tàng của văn hóa Ấn Độ mà còn cho cả nhân loại. Ảnh hưởng của Vệ Đà vượt ra ngoài Ấn Độ,

³⁴ The Economic Times (2008), *“Bollywood can be an important tool of diplomacy: PM”*.

³⁵ Yashwant Sinha, Sunil Khilnani (2004), *“What it Takes to be a World Power”*.

³⁶ Kinh Vệ Đà hay Phệ-đà (tiếng Phạn: वेद; tiếng Anh: Veda) là trung tâm của đạo Bà La Môn và là cội nguồn của nền văn minh Ấn Độ. Veda có nghĩa là "tri thức". Kinh là tập hợp bốn cuốn kinh cổ Ấn Độ bao gồm Rig Veda, Sama Veda, Yayur Veda và Atharva Veda. Kinh có nguồn gốc lâu đời nhất, khoảng 1500 TCN tới 1200 TCN và thời đại của Vệ Đà kéo dài mãi đến năm 800 sau CN. Nội dung kinh Vệ Đà rất phong phú chủ yếu ngợi ca các vị thần như thần núi, thần lửa, thần sông... những chiêm nghiệm về cuộc sống và vũ trụ trình bày dưới dạng thơ ca, triết học... Kinh Vệ Đà thậm chí còn có các câu thần chú ma thuật, phù chú trấn yểm ma quỷ, các ý niệm về luân hồi, nghiệp chướng... làm nền tảng cho các đạo phát sinh sau này. Kinh Vệ Đà được xem là kiến thức khai mở trực tiếp từ thần linh.

vượt ra ngoài thời gian xa xưa trước công nguyên. Ngoài ra, Phật giáo³⁷ là một trong những học thuyết Triết học - tôn giáo lớn nhất trên thế giới, tồn tại rất lâu đời với hệ thống giáo lý đồ sộ và số lượng phật tử đông đảo được phân bố rộng khắp. Sự lan rộng của đạo Phật ở hầu hết Châu Á đã diễn ra một cách an hòa và theo nhiều cách khác nhau. Bên cạnh đó, nghệ thuật kiến trúc của những công trình kiến trúc đồ sộ như ngôi đền tháp Borobudur (Indonesia), đền Angkor Wat (Campuchia), Thánh địa Mỹ Sơn (Việt Nam)... đều mang ảnh hưởng lớn của phong cách Ấn Độ. Không chỉ vậy, tiếng Sanskrit không những đóng vai trò ngôn ngữ trong truyền giáo mà còn đóng vai trò ngôn ngữ văn học ở các quốc gia Đông Nam Á. Ví dụ như từ thế kỷ VII đến thế kỷ XIII, Mã Lai (tên gọi trước đây của Malaysia) và Indonesia lấy tiếng Sanskrit làm ngôn ngữ thơ ca.

Tiến sĩ C. Raja Mohan – Thành viên Ủy ban An ninh Quốc gia Ấn Độ phân tích về sức mạnh mềm của Ấn Độ trong bối cảnh toàn cầu hóa. Ông cho rằng, ngày nay Ấn Độ đã đạt được nhiều mức độ khác nhau của sức mạnh mềm, từ yoga, ẩm thực, âm nhạc, điện ảnh cho đến thời trang, võ đạo, văn học Ấn Độ đều thu hút được nhiều sự quan tâm, chú ý của thế giới

Về Yoga: Từ khi bắt đầu xuất hiện cho đến nay, Yoga³⁸ luôn là một phần quan trọng trong các tôn giáo phương Đông, đặc biệt là trong Ấn Độ giáo, đạo Jaina và Phật giáo ngày nay. Không những thế, Yoga đã được dạy nhiều nơi trên thế giới và là sự lựa chọn của nhiều người ở mọi lứa tuổi. Nhiều người tập luyện Yoga không chỉ để rèn luyện sức khỏe mà còn muốn tìm đến sự bình an trong tâm hồn.

Về ẩm thực: Ẩm thực Ấn Độ rất đa dạng về thành phần, hương vị và cách chế biến. Không chỉ vậy các món ăn Ấn còn rất đặc trưng bởi sự kết hợp của các loại gia vị. Vì vậy, ẩm thực Ấn đã có sức ảnh hưởng đáng kể đến các nền ẩm thực trên toàn thế giới, trong đó có Việt Nam. Không có gì đáng ngạc nhiên khi món "Gà Tikka Masala"³⁹ trở thành món ăn chính của người Anh và được bình chọn là món ăn được

³⁷ Đạo Phật là một trong những tôn giáo lớn của thế giới, được ra đời vào khoảng thế kỷ VI trước công nguyên, ở vùng phía Tây Bắc Ấn do thái tử Tất Đạt Đa sáng lập, hiệu là Sakia MuNita (Thích Ca Mâu Ni).

³⁸ Nó có nguồn gốc ở Ấn Độ, có lịch sử lâu đời hơn 5000 năm, là một trong 6 trường phái triết lý nổi tiếng của Ấn Độ. Yoga - được phiên âm Du-già ở đây - là một danh từ nam tính được diễn sinh từ gốc động từ √yuj tiếng Phạn.

³⁹ Gà Tikka Masala là một món ăn bắt nguồn từ chicken tikka với một loại nước sốt. Nước sốt thì được làm bằng sữa chua, có nhiều gia vị và có màu cam từ màu cà chua. Gà Tikka Masala được ướp với gia vị và sữa chua ít nhất 2 tiếng, rồi trộn cả gà và nước ướp với hành đã được sào trước rồi nướng trong lò khoảng 15 phút

ura chuộng nhất ở Vương quốc Anh vào năm 2001. Món này thường được bán tại các quán ăn Ấn Độ ở Châu Âu và Bắc Mỹ. Bánh Masala Dosa⁴⁰ - một món ăn chủ yếu tại các tiểu bang miền Nam Ấn Độ như Karnataka, Tamil Nadu, Andhra Pradesh và Kerala. Món này được sử dụng chủ yếu cho bữa sáng và được bày bán phổ biến trong hầu hết các cửa hàng ăn đường phố ở một số nước như Malaysia, Singapore và Sri Lanka. Đáng chú ý hơn cả là cà ri⁴¹ - một món ăn nổi tiếng ở các quốc gia thuộc khu vực châu Á – Thái Bình Dương và một số quốc gia khác như Trinidad, Mauritian hoặc Fiji. Tùy theo khẩu vị của mỗi nước mà sẽ có những biến đổi sao cho phù hợp; tuy nhiên, đặc điểm chung của chúng là sự hợp nhất của việc pha trộn phức tạp các loại gia vị, có thể kèm các loại thảo mộc, thường bao gồm cả các loại ớt cay dạng tươi hoặc khô. Ngoài ra, các nước Phương Tây, đặc biệt là các nước nói tiếng Anh, có rất nhiều nhà hàng Ấn Độ. Giới chính trị gia, thương nhân và những người thành đạt của xã hội ở châu Âu thường chọn một số nhà hàng Ấn sang trọng để dùng bữa với gia đình. Nhiều nhà hàng Ấn trưng bày các bức tranh của những họa sĩ Ấn và thường thì những vị khách khi đến đây sẽ được thiết đãi bằng âm nhạc và các điệu múa truyền thống Ấn.

Trong lĩnh vực âm nhạc: Nhạc Ấn bao gồm thể loại nhạc pop và nhạc cổ điển đang rất phổ biến ở Châu Âu, Mỹ và các câu lạc bộ đêm ở một số nước châu Phi, Trung Đông. Các dòng nhạc như dòng nhạc dùng đàn sita của Ravi Shanker, âm nhạc của Zakir Hussain với nhạc cụ chính là bộ gõ, dòng nhạc Bhangra⁴² rất nổi tiếng ở nhiều nơi trên thế giới như Mỹ và Châu Âu. Lượng người dân không phải là người Ấn

cho thịt chín. Thật ra không có một nguyên liệu tiêu chuẩn cho Gà Tikka Masala. Tuy nhiên các nguyên liệu cơ bản trong món gà này bao gồm cà chua, yogurt, nước dừa hoặc kem tươi và bột garam masala, một loại gia vị hơi giống cà ri. Ngoài ra gà tikka có thể có màu đỏ tươi do cho nhiều bột ớt paprika hoặc màu vàng đậm khi cho nhiều bột nghệ.

⁴⁰ Món bánh có xuất xứ ban đầu từ Udipi và thường được thực hiện bằng cách nhồi masala khoai tây vào trong vỏ bánh. Vỏ bánh mỏng tạo thành một lớp bọc xung quanh masala ăn kèm với tương ớt và sambhar. Có rất nhiều biến thể của Masala Dosa ở những nơi khác nhau như Dosa nấm, Dosa súp lơ trắng, Peas masala dosa, Paneer masala dosa, gà masala dosa, hành tây masala dosa (với hành tây chiên), đậu nành masala dosa, Mysore masala dosa (tương ớt đỏ được áp dụng ở bề mặt bên trong của sên),...

⁴¹ Chỉ một loạt các món ăn hầm cay hoặc ngọt có thành phần chính là bột cà ri, nổi tiếng nhất trong Ẩm thực Ấn Độ, Thái, và Nam Á. Những món ăn gọi là "cà ri" có thể chứa thịt, gia cầm, cá, sò ốc hoặc chỉ đơn thuần là kết hợp với các loại rau quả. Chúng có thể thay thế được hoàn toàn cho việc ăn chay, đặc biệt là cho những ai mà theo các tôn giáo với quy định cấm ăn thịt hoặc hải sản. Món cà ri có thể là có nước hoặc khô. Món cà ri có nước thì sẽ chứa một lượng đáng kể nước sốt hoặc nước chám từ sữa chua, sữa dừa, bột đậu nghiền (dal), hoặc nước hầm xương. Món cà ri khô thì được nấu với rất ít chất lỏng để có thể bay hơi dễ dàng, để lại các thành phần nguyên liệu được bao phủ trong hỗn hợp gia vị.

⁴² Dòng nhạc Bhangra là dòng nhạc được kết hợp với những điệu nhảy ở Punjabi cùng ca từ xuất phát từ khúc hát dân gian mang âm hưởng trữ tình phương Tây.

tham gia các buổi biểu diễn của nghệ sĩ điện ảnh và các buổi hòa nhạc Ấn có xu hướng tăng. Tương tự, tại các trường dạy nhạc và múa do các nghệ sĩ Ấn mở ra cho cộng đồng người Ấn, trẻ em và thanh thiếu niên người nước ngoài tham gia sinh hoạt cũng tăng lên đáng kể.

Trong lĩnh vực điện ảnh: Vào những năm 1950 của thế kỷ XX, điện ảnh Ấn Độ bắt đầu thu hút người hâm mộ trên toàn thế giới, đặc biệt là ở Châu Phi, Trung Đông và Đông Âu. Năm 1957, phim Mẹ Ấn Độ (Mother India) đã trở thành một thành công vang dội trên trường quốc tế, một trong những phim đầu tiên không được sản xuất ở Mỹ hay Châu Âu. Một đội ngũ diễn viên nổi tiếng được hoan nghênh trên toàn cầu: nam diễn viên kiêm đạo diễn Raj Kapoor đã bị đám đông hâm mộ bao vây ở đường phố của Moscow và Bắc Kinh hay các diễn viên khác như Shammi Kapoor, Dev Anand, Dilip Kumar, Guru Dutt và Satyajit Ray,... Đáng chú ý là vụ việc ba tài xế xe tải người Ấn bị bắt cóc ở miền nam Iraq vào năm 2003, một tù trưởng bộ lạc nói ông sẽ sẵn sàng thu xếp để phóng thích cho họ, nếu ông nhận một cuộc gọi điện thoại từ Asha Parekh – nữ diễn viên Ấn Độ được yêu thích từ những năm 1960.

Trong lĩnh vực thời trang: Từ những năm 50 và 60, dạng áo khoác Nehru (Nehru Jacket)⁴³ và Sherwani⁴⁴ đã trở nên khá phổ biến ở châu Âu và Mỹ. Khăn choàng Pashmina⁴⁵ cùng với áo sơ mi thêu dài tay của Ấn dành cho nam cũng đang dần trở nên phổ biến. Bên cạnh đó, việc nhiều du khách châu Âu đến thăm Ấn Độ đã mang về cho mình vài bộ quần áo văn phòng, tơ lụa và quần áo thêu tinh tế đã giúp các nhà thiết kế thời trang Ấn mạnh dạn mở các cửa hàng quần áo ở Paris (Pháp), London (Anh), New York (Mỹ), Dubai và Abu Dhabi (Các Tiểu Vương quốc Ả Rập Thống nhất). Một vài nhà thiết kế người Ấn gốc Do Thái ở châu Âu đã phổ biến rộng rãi các thiết kế của mình, một trong số đó là thương hiệu “The house of Mexx”. Ngoài ra, có nhiều nhân vật nổi tiếng của Hollywood mặc trang phục của các nhà thiết kế Ấn tại lễ

⁴³ Nehru Jacket là kiểu áo khoác ngoài có hông dài dành cho nam và nữ giới, với cổ áo đứng và được mô hình hóa trên kiểu trang phục Achkan của Nam Á. Tuy nhiên không giống với Achkan là dài tới gối người mặc, Nehru Jacket ngắn hơn trong hầu hết các chi tiết khác ngoài cổ áo, giống như một kiểu áo vest. Nehru Jacket được mặc đầu tiên bởi Jawaharla Nehru, thủ tướng của Ấn Độ từ năm 1947 đến 1964.

⁴⁴ Sherwani là một loại áo khoác dài đến gối, được trang trí vô cùng sang trọng, lộng lẫy, và tinh tế. Đây là trang phục dành cho những dịp đặc biệt của đàn ông Ấn Độ, đặc biệt là trong hôn lễ.

⁴⁵ Pashmina là một loại vải được làm từ chất liệu sợi dạng len, vải pashmina cao cấp thường được làm từ lông của một giống dê bán địa – dê Pashmina, loài dê đặc biệt chỉ có ở dãy Himalaya. Loại vải này được sử dụng phổ biến trong ngành dệt may, làm khăn choàng. Khăn choàng Pashmina có rất nhiều loại hoa văn đẹp, với chất dày, ấm.

cưới của mình hay tại buổi trao giải Oscar hoặc tại nhiều sự kiện khác.

Trong lĩnh vực văn học: Những tiểu thuyết gia người Anh gốc Ấn thường qua mặt những tiểu thuyết gia người Anh để đoạt giải thưởng Man Booker⁴⁶ danh giá như Salman Rushdie, Arundhati Roy, Kiran Desai, Aravind Adiga. Đáng chú ý là vào năm 1993, từ 25 tác phẩm giành giải Booker đầu tiên, ban giám khảo đã chọn tiểu thuyết *Midnight's Children* của nhà văn Salman Rushdie (giải Booker 1981) là tiểu thuyết hay nhất trong 25 năm của giải Booker, tác phẩm này được trao Giải Booker of Bookers (Booker of Bookers Prize); và vào năm 2008 một giải thưởng tương tự được trao cho tác phẩm hay nhất trong 40 năm của giải Booker, giải lần này có tên Booker hay nhất (The Best of the Booker) và *Midnight's Children* của Salman Rushdie một lần nữa lại là tác phẩm chiến thắng. Họ là bốn nhân vật nổi tiếng, là bốn niềm tự hào của Ấn Độ, những con người đã giành giải thưởng Pulitzer⁴⁷ danh giá như Gobind Behari Lal, Jhumpa Lahiri, Geeta Anand, Siddhartha Mukherjee. Nổi bật nhất là Siddhartha Mukherjee - chủ nhân của giải thưởng Pulitzer năm 2011 cho cuốn sách "The Emperor of All Maladies: A Biography of Cancer" (Hoàng đế của tất cả các chứng bệnh: Tiểu sử của bệnh ung thư). Năm 2010, cuốn sách này cũng được tạp chí Times lựa chọn là một trong mười cuốn sách hay nhất thuộc thể loại phi tiểu thuyết. Đặc biệt là Rabindranath Tagore, người châu Á đầu tiên đoạt Giải Nobel Văn học năm 1913.

Cựu Bộ trưởng Ngoại giao Shashi Tharoor cho rằng “*quyền lực mềm là một mũi tên trong ống tên an ninh của đất nước, chứ không phải là liều thuốc chữa bệnh. Chúng ta phải chấp nhận rằng những người cho rằng quyền lực mềm có thể giải quyết một thách thức quân sự là sai lầm*”⁴⁸. Rõ ràng, bản chất của sức mạnh mềm là sự tác động thông qua yếu tố tâm lý và quy trình tâm lý này đòi hỏi phải mất nhiều thời gian mới có thể đạt được những hiệu quả như mong muốn. Khi các quốc gia triển khai chính sách mở rộng ảnh hưởng quốc gia thông qua sức mạnh mềm thì hiệu quả không

⁴⁶ Giải Man Booker (tiếng Anh: Man Booker Prize), tên đầy đủ là Giải thưởng văn học Man Booker (Man Booker Prize for Fiction), đôi khi còn được gọi tắt là Giải Booker (Booker Prize) là một giải thưởng văn học được trao hàng năm cho một tiểu thuyết dài được coi là hay nhất được viết bằng tiếng Anh và có tác giả là công dân quốc gia thuộc Khối Thịnh vượng chung Anh hay công dân Cộng hòa Ireland.

⁴⁷ Giải Pulitzer là một trong những giải thưởng danh giá nhất của Mỹ, trao cho nhiều lĩnh vực, đặc biệt là báo chí và văn học. Giải thưởng ra đời theo di chúc năm 1904 của ông trùm báo chí Joseph Pulitzer.

⁴⁸ Jakub Zajączkowski, Jivanta SchÖtli, Manish Thapa (2014), *Ấn Độ trong thế giới đương đại: chính trị, kinh tế và quan hệ quốc tế*, Đinh Xuân Hà dịch, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

thể thấy được trong một sớm một chiều mà đòi hỏi mất nhiều thời gian, thậm chí là hàng thập kỷ để đạt mục tiêu. Chính vì vậy, trong quan hệ quốc tế, thực chất sức mạnh mềm thường được kết hợp triển khai với sức mạnh cứng. Sự kết hợp đó được gọi là sức mạnh thông minh, trong đó sức mạnh cứng sẽ giúp sức mạnh mềm hấp dẫn hơn và đạt hiệu quả nhanh hơn. Đồng thời, ông Tharoor cũng trả lời phóng viên BBC về cách thức để phát triển sức mạnh mềm của Ấn Độ vào tối 15 tháng 8 năm 2007 như sau “*Ấn Độ cần phải tập trung làm giàu các giá trị văn hóa, giá trị xã hội, hệ tư tưởng chính trị và chính sách đối ngoại*”⁴⁹

Với những nỗ lực nhằm nâng cao sức mạnh mềm Ấn Độ của Thủ tướng Narendra Modi, Liên Hợp Quốc đã đồng ý và tuyên bố lấy ngày 21/6 là Ngày Yoga Quốc tế theo lời đề xuất của ông. Đồng thời, Phật giáo có thể tiếp tục là một yếu tố quan trọng trong tổng thể sức mạnh mềm mà chính quyền Modi đang sử dụng để giành lấy trái tim của người dân trong khu vực châu Á, mà cụ thể là Nam Á và Đông Nam Á. Ngoài ngoại giao Yoga và ngoại giao Phật giáo, Thủ tướng Narendra Modi nhận định rằng muốn nâng cao sức mạnh mềm của Ấn Độ không chỉ chú trọng đến Yoga mà còn phải tập trung vào những giá trị dân chủ⁵⁰. Thật vậy, nền dân chủ đa văn hóa đã trở thành một nhân tố quan trọng cho sức mạnh mềm của Ấn Độ. Ấn Độ là một điển hình cho sự phát triển thành công của nền dân chủ đa văn hóa – dựa trên chủ nghĩa liên bang, chủ nghĩa hợp hiến, quyền công dân và chính trị cho mỗi cá nhân (Điều 16 Hiến pháp Ấn Độ, bên cạnh những điều luật khác), cũng như những nhóm tôn giáo, ngôn ngữ và dân tộc thiểu số (Điều 29 Hiến pháp)⁵¹

Khác với chính sách của Thủ tướng Narendra Modi, Cựu Thủ tướng Manmohan Singh cho rằng để nâng tầm ảnh hưởng và khẳng định vai trò quan trọng của mình trên thế giới, Ấn Độ cần phải đặc biệt chú trọng đến ngành công nghiệp phim ảnh, nhất là Bollywood⁵². Khi nhắc đến kinh đô điện ảnh thế giới Hollywood, không thể bỏ qua Bollywood - nền điện ảnh của Ấn Độ đang dần khẳng định vị thế của mình. Vào năm 2009, bộ phim Slumdog Millionaire (Triệu phú khu ổ chuột) đã được đề cử

⁴⁹ The Economic Times (2007), “*India should aim to be a soft power instead of superpower*”.

⁵⁰ C. Raja Mohan (2014), “*Modi’s Diplomacy: Yoga, Democracy and India’s Soft Power*”, *The Indian Express*

⁵¹ Jakub Zajączkowski, Jivanta SchÖtli, Manish Thapa (2014), *Ấn Độ trong thế giới đương đại: chính trị, kinh tế và quan hệ quốc tế*, Đinh Xuân Hà dịch, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

⁵² The Economic Times (2008), “*Bollywood can be an important tool of diplomacy: PM*”.

mười giải Oscar và giành được tám giải, số lượng giải thưởng cao nhất trong các bộ phim tham dự năm đó. Bộ phim cũng giành được năm giải lựa chọn của Nhà phê bình (Critics' Choice Awards), bốn giải Quả cầu vàng và bảy giải BAFTA. “Slumdog Millionaire” đã làm nên điều kì diệu cho điện ảnh Ấn Độ và là niềm tự hào của người Châu Á nói chung. Chính nhờ sự thành công của Bollywood, nhiều người biết đến và hiểu rõ hơn về nét văn hóa truyền thống của Ấn Độ. Khi xem các thể loại phim Bollywood, khán giả thường gặp phải các nghi lễ và lễ hội lớn ở Ấn Độ. Đặc biệt, ca hát và nhảy múa là những yếu tố không thể thiếu trong các bộ phim. Điều nhảy Bollywood cực kỳ đẹp mắt khiến nhiều người thích thú khi được trình diễn qua các bộ phim. Nền công nghiệp điện ảnh Ấn Độ cũng hỗ trợ cho nền âm nhạc lớn khi các bài hát trong phim chiếm hơn 70% thị phần âm nhạc của quốc gia này. Nhiều ngôi sao nổi tiếng Bollywood như Aishwarya Rai, Amitabh Bachchan, Shah Rukh Khan, Madhuri Dixit-Nene... đã được dựng tượng sáp tại Bảo tàng Madame Tussauds ở thủ đô London (Anh).

❖ *Đặc trưng của sức mạnh mềm của Ấn Độ*

Sức mạnh mềm của Ấn Độ có những đặc điểm riêng, khác với các cường quốc trong thế giới đa cực đang hình thành như Mỹ, Trung Quốc, Nga, Nhật Bản và Liên minh Châu Âu (EU). Đặc trưng sức mạnh mềm của Ấn Độ được thể hiện qua năm yếu tố sau.

Thứ nhất, bản sắc văn hóa Ấn. Có thể nói rằng có rất ít quốc gia trong cộng đồng quốc tế có những đặc điểm văn hoá độc đáo như văn hóa Ấn Độ. Trong nền văn hóa đó, tư duy Ấn Độ là một sự biểu hiện rõ ràng về những đặc trưng đặc biệt đó. Điều này không làm cho Ấn Độ trở nên xa lạ với nhân loại, mà ngược lại, làm cho nhân loại đa dạng, phong phú và đầy đủ hơn. Văn hóa Ấn Độ có những đặc điểm sau đây và những đặc điểm này cùng nhau tạo nên bản sắc văn hóa của Ấn Độ:

Một là, truyền thống lâu đời và sự phát triển liên tục. Ấn Độ là một quốc gia với nền văn hóa cổ nhất và tinh tú nhất trên thế giới. Những cuộc khai quật do các nhà khảo cổ nổi tiếng thực hiện vào đầu thế kỷ XX tại lưu vực sông Ấn đã chứng minh rằng từ năm 3000 trước Công nguyên đã xuất hiện một nền văn minh Dravidian tuyệt vời ở khu vực này. Nền văn minh cổ đại của Ấn Độ khác biệt so với các nền văn minh

cổ đại khác ở châu Âu vì những truyền thống của nó vẫn tồn tại cho đến ngày nay. Phép màu của văn hóa Ấn Độ là tính vĩnh cửu của những giá trị vừa có mặt tinh thần, vừa nhân văn. Có thể nói rằng Trung Quốc và Ấn Độ, trong thực tế, có những truyền thống văn hóa liên tục nhất trên thế giới. Những phản ánh về nền văn minh này được lưu dấu từ Kinh Vệ Đà vào khoảng thế kỷ hai trước Công nguyên mà không có bất kỳ gián đoạn đáng kể đến tận ngày nay. Tôn giáo và triết học đã xuất hiện, thống trị và ảnh hưởng mạnh mẽ đến toàn bộ cuộc sống văn hóa của Ấn Độ. Mối liên kết giữa tôn giáo và triết học tạo nên cốt lõi tinh thần của văn hóa Ấn Độ. Có thể nói rằng tôn giáo, triết học và nghệ thuật là ba thành phần của văn hóa vĩ đại ở Ấn Độ.

Hai là, thống nhất trong đa dạng. Về địa hình, các bang phía bắc và đông bắc Ấn Độ nằm một phần trên dãy Himalaya. Phần còn lại ở phía bắc, trung và đông Ấn gồm đồng bằng Ấn - Hằng phì nhiêu. Ở phía tây, biên giới phía đông nam Pakistan là Sa mạc Thar. Miền nam Bán đảo Ấn Độ gồm toàn bộ cao nguyên Deccan, được bao bọc bởi hai dãy núi ven biển, Ghat Tây và Ghat Đông. Về khí hậu, giữa các vùng, các khu vực địa lý có sự khác biệt rõ rệt. Khí hậu ôn đới phía Bắc Ấn Độ, khí hậu nhiệt đới phía Nam Ấn Độ và khí hậu đại dương phía Đông và Tây Ấn Độ. Như vậy, các vùng địa lý, khí hậu khác nhau đã tạo nên sự đa dạng giữa các vùng văn hóa, đặc biệt là sự khác nhau rõ rệt giữa miền Bắc và miền Nam Ấn.

Ba là, tính tâm linh bao trùm và tư duy sâu sắc. Nhiều nhà nghiên cứu đã gọi Ấn Độ là "xứ sở tôn giáo" vì nó là nơi sinh ra của nhiều tôn giáo và có sự hiện diện song song của hầu hết các tôn giáo lớn trên thế giới. Ấn Độ là một quốc gia sùng đạo, và tôn giáo ảnh hưởng đến hầu hết các khía cạnh trong xã hội, đó cũng là một phần quan trọng của văn hóa và văn minh của nước này. Tôn giáo bắt nguồn từ cuộc sống và đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến tâm hồn người dân Ấn Độ, đan xen sâu trong huyết thống của họ. Do đó, người Ấn Độ có xu hướng suy tưởng và chiêm nghiệm hơn là tranh luận, đặc biệt là tư duy huyền thoại và sử thi của Ấn Độ phát triển mạnh mẽ. Ví dụ, theo tư duy huyền thoại của người Ấn Độ, sông Hằng được coi là con gái của dãy núi Himalaya, bởi vì nó bắt nguồn từ dãy núi Himalaya và các khối băng vĩnh cửu của Himalaya là nguồn nước vô tận của sông Hằng. Chính sự cảm hứng từ tôn giáo và hiểu biết sâu sắc về thế giới tinh thần đã tạo nên phong cách và hướng đi đặc biệt cho các tác phẩm văn học ở Ấn Độ. Có thể nói rằng, từ xa xưa, hiếm có tác phẩm văn học

nào ở đất nước này không chứa đựng cảm hứng từ tôn giáo hoặc miêu tả các vấn đề liên quan đến tôn giáo. Thậm chí đến ngày nay, việc hòa trộn chính trị với tôn giáo để tạo ra sức mạnh tinh thần mạnh mẽ trong phát triển kinh tế và xã hội vẫn được coi là xu hướng chính thống ở Ấn Độ. Điều này bởi vì người dân Ấn Độ theo đuổi nhiều tôn giáo và có lòng sùng kính sâu sắc.

Bốn là, tinh thần khoan dung và hòa giải là bản sắc của văn hóa Ấn Độ. Nền văn hóa này hướng tới hòa bình, nhân ái và bao dung. Nguồn gốc của tư tưởng này xuất phát từ tư tưởng Ahimsa (không gây hại, không làm tổn thương những sinh linh khác) trong Phật giáo. Vua Ashoka đã biến nó thành tư tưởng chủ đạo và truyền thống của nền chính trị Ấn Độ. Tư tưởng đó đã được Harsba tiếp nối và sau đó Mahatma Gandhi vận dụng vào cuộc đấu tranh chống chế độ thực dân. Ấn Độ là một đất nước điển hình trong việc truyền bá văn hóa của mình ra nước ngoài, và điều đó chỉ diễn ra thông qua con đường hòa bình. Người Ấn Độ hình dung đất nước mình là một khối toàn vẹn, vượt qua mọi giới hạn và khác biệt địa phương.

Thứ hai, sự ổn định về chính trị bởi một nền dân chủ thật sự.

Sau khi giành được độc lập, một trong những thành tựu chính trị lớn nhất của Ấn Độ là đã kiên quyết trong việc bảo vệ các giá trị dân tộc dân chủ. Là nước có nhiều sự khác biệt sâu sắc, Ấn Độ có 22 ngôn ngữ chính được hiến pháp công nhận và hàng ngàn các ngôn ngữ khác nhau; có 4 nhóm tôn giáo chính: Ấn giáo (Hindu), Hồi giáo (Islam), Thiên Chúa giáo, và đạo Sikh, ngoài ra còn Phật giáo, đạo Jaina cùng những giáo phái khác do nhiều đạo sư sáng lập. Tuy nhiên, Ấn Độ vẫn giải quyết được những dị biệt giữa các ngôn ngữ chính và các sắc độ tôn giáo khác nhau. Bên cạnh đó, những khác biệt chính trị phần lớn được giải quyết trong khuôn khổ của hiến pháp, các chính phủ lên rồi xuống theo quy luật của bầu cử và nghị viện. Như vậy, Ấn Độ không bị phân hóa là nhờ có bộ máy dân chủ hoạt động hữu hiệu.

Thứ ba, quan điểm trung lập và bất bạo động trong các vấn đề quốc tế. Tư tưởng hòa bình, hợp tác để phát triển, chống chiến tranh và bất bạo lực là một trường phái nổi bật trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ qua các thời kỳ.

Ngay từ khi mới giành được độc lập, mục tiêu chiến lược của toàn bộ hoạt động đối ngoại của Chính phủ Quốc đại ở Ấn Độ chính là hòa bình, độc lập, xây dựng đất nước giàu mạnh, bảo vệ sự thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, vươn lên khẳng định

vai trò quốc tế ở khu vực và trên thế giới. Vì vậy, Chính phủ Ấn Độ đã chính thức tuyên bố chính sách “chung sống hòa bình”, trên cơ sở tư tưởng “bất bạo lực” của Ashoka khi ban hành “5 nguyên tắc cơ bản” (chủ quyền, không gây hấn, không can thiệp, bình đẳng và chung sống hòa bình).

Trong thời kỳ chiến tranh lạnh, Ấn Độ đã theo đuổi chủ nghĩa lý tưởng, gương cao ngạo cờ độc lập dân tộc, chống chủ nghĩa thực dân cũ, mới, chủ nghĩa Apacthai; chủ trương làm bạn với tất cả các nước chứ không nghiêng về bất cứ phe nào trong trật tự hai cực và thi hành một nền “kinh tế hỗn hợp” để có thể nhận viện trợ từ các nước tư bản lẫn xã hội chủ nghĩa.

Sau khi chiến lạnh kết thúc, Ấn Độ tiếp tục theo đuổi chính sách đối ngoại “hòa bình, độc lập tự chủ, không liên kết”, song có điều chỉnh để đáp ứng tình hình mới. Hướng chính sách đối ngoại ở thời kỳ này nhằm phục vụ cho nhiệm vụ chiến lược phát triển kinh tế.

Bước sang thế kỷ XXI, chính sách đối ngoại của Ấn Độ vẫn là không liên kết, nhưng ngày càng mang tính thực dụng hơn. Chính phủ Ấn Độ đang đẩy mạnh chiến lược ngoại giao đa dạng, đa hướng ở cường độ cao, tạo những bước đột phá trong quan hệ quốc tế, thông qua việc tiến hành một loạt các cuộc gặp thượng đỉnh trải rộng từ châu Âu sang châu Á.

Thứ tư, kinh tế phát triển nhanh với tốc độ cao và duy trì được sự tăng trưởng.

Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Ấn Độ luôn đạt mức tăng trưởng cao và ổn định. Cùng với Trung Quốc, Ấn Độ trở thành hai quốc gia có tốc độ tăng trưởng GDP cao nhất thế giới. Ví dụ, vào năm 2005 - 2006, GDP Ấn Độ đạt 9,5%, năm 2006 - 2007 là 9,6%, và năm 2007 - 2008 là 9,3%. Dù bị ảnh hưởng bởi cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, năm 2008 - 2009, GDP của Ấn Độ sụt giảm xuống còn 6,8%. Mặc dù con số này thấp hơn so với các năm trước đó, Ấn Độ vẫn duy trì vị trí là một trong những nền kinh tế tăng trưởng nhanh nhất thế giới và trong số các quốc gia lớn, bao gồm cả các nền kinh tế đang phát triển nhanh chóng. Một năm sau khủng hoảng, Ấn Độ đã nhanh chóng phục hồi với tốc độ tăng GDP ấn tượng. Ví dụ, năm 2009 - 2010 và 2010 - 2011, tốc độ tăng GDP lần lượt đạt 8% và 8,6%.⁵³. Đáng chú ý nhất là báo

⁵³ Ministry of Finance (2011), *Government of India, Economic Survey 2010 – 2011*.

cáo của Ngân hàng Thế giới (WB) cho biết Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Ấn Độ đã vượt mốc 2.000 tỷ USD trong năm 2014, đạt 2.060 tỷ USD. Nhịp độ tăng trưởng GDP của Ấn Độ trong năm 2014 đạt 7,4%, vượt Trung Quốc trở thành nền kinh tế lớn tăng trưởng nhanh nhất thế giới

Ông Arvind Panagariya, Phó Chủ tịch Viện hoạch định chính sách quốc gia Ấn Độ (NITI Aayog) dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế của Ấn Độ sẽ đạt 8% trong tài khóa hiện nay (2015-2016) và quy mô sẽ vượt mốc 3.000 tỷ USD trong khoảng 5 năm tới. Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) nhận định Ấn Độ có thể vượt Trung Quốc về tốc độ tăng trưởng kinh tế, với mức tăng trưởng GDP 7,8% trong tài khóa 2015-2016 và 8,2% tài khóa tiếp theo⁵⁴. Còn theo báo cáo “Thực trạng và triển vọng tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2016” của Liên Hợp Quốc vừa công bố, kinh tế Ấn Độ sẽ tiếp tục giữ được tốc độ tăng trưởng kinh tế ở mức cao, dự kiến tăng 7,3% trong năm 2016 và 7,5% trong năm 2017⁵⁵. Trong một bản báo cáo mang tên “The World in 2050” (Thế giới năm 2050) của Ngân hàng HSBC (Anh) dự báo đến năm 2050, Ấn Độ có thể trở thành quốc gia có tiềm lực kinh tế thứ 3 thế giới chỉ sau Trung Quốc và Mỹ.

Thứ năm, chính sách ngoại giao của một cường quốc có trách nhiệm. Điều này thể hiện rõ trong lĩnh vực hạt nhân và các vấn đề quốc tế.

Mặc dù đã thử nghiệm vũ khí hạt nhân vào các năm 1974, 1998 và là một quốc gia không ký Hiệp ước cấm phổ biến vũ khí hạt nhân (NPT) cũng như Hiệp ước cấm thử vũ khí hạt nhân toàn diện (CTBT), nhưng Ấn Độ là một trong những quốc gia ủng hộ mạnh mẽ nhất việc giải trừ quân bị toàn cầu, đồng thời nghiêm túc thực hiện các quy định về không phổ biến hạt nhân. Học thuyết hạt nhân của Ấn Độ, coi vũ khí hạt nhân là “*mối đe dọa lớn đối với nhân loại, cũng như hòa bình và ổn định trên thế giới*”⁵⁶. Như vậy, Ấn Độ cũng giành được thiện cảm của nhiều nước khi thực tâm ủng hộ giải trừ vũ khí hạt nhân nhằm loại trừ nguy cơ hủy diệt đối với loài người.

Trong các quan hệ quốc tế, vai trò của Ấn Độ phần lớn là tích cực, tin cậy. Liên quan đến quy tắc “Trách nhiệm bảo vệ” (R2P), Ấn Độ đã lên tiếng ủng hộ cho

⁵⁴ Business Standard Reporter (2015), “India to grow at 7.8% in FY16, to outpace China: ADB”, New Delhi.

⁵⁵ Thương vụ Việt Nam tại Ấn Độ (2015), “Kinh tế Ấn Độ tăng trưởng nhanh nhất thế giới”, Bộ Công thương Việt Nam.

⁵⁶ Lời kêu gọi đáng chú ý cho việc giải trừ quân bị toàn cầu của Thủ tướng Rajiv Gandhi tại Liên Hiệp Quốc vào năm 1988.

những quy định trong quy tắc này nhằm khuyến khích và hỗ trợ các quốc gia bảo vệ người dân của mình, và thể hiện hết sức thận trọng với quy định cưỡng chế của R2P. Khi các cuộc tranh luận quốc tế này lửa trở nên quá gay gắt tại Liên hiệp quốc về quy định cưỡng chế của R2P, Đại sứ Ấn Độ đã nhấn mạnh quan điểm hòa bình trong bài phát biểu của mình với các ngôn từ phi bạo lực, được các nước đón nhận đầy thiện cảm.

1.1.3 Giao lưu và tiếp biến văn hoá

Lịch sử phát triển nhân loại cho thấy, giao lưu văn hoá có vai trò rất quan trọng đối với mỗi nền văn hoá. Giao lưu văn hoá bổ sung các giá trị văn hoá giữa các dân tộc. Giao lưu và tiếp biến văn hoá tạo ra nền tảng cho việc phát triển văn hoá, tạo điều kiện tiếp thu các giá trị văn hoá mới, nâng tầm các giá trị văn hoá, hướng đến giá trị văn hoá nhân loại. Trong Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản, C.Mác và Ph.Ăng ghen khẳng định “Những thành quả của hoạt động tinh thần của một dân tộc trở thành tài sản chung của tất cả dân tộc. Tính chất đơn phương và phiến diện dân tộc ngày càng không thể tồn tại được nữa; và từ những nền văn học dân tộc và địa phương, muôn hình muôn vẻ, đang nảy nở ra một nền văn học toàn thế giới.”⁵⁷

Sự tương tác lịch sử giữa Ấn Độ và Đông Nam Á thông qua tuyến đường biển và quan hệ thương mại đã tạo ra một liên kết văn hóa sâu sắc giữa hai khu vực. Điều này đã ảnh hưởng đến cả quan điểm tôn giáo, văn hóa và nghệ thuật của các quốc gia Đông Nam Á. Giữa Ấn Độ và Đông Nam Á có thông qua việc sử dụng các tuyến đường biển để giao lưu và trao đổi. Các tuyến đường biển trong khu vực biển Ấn Đại Dương và biển Đông đã là con đường quan trọng cho việc trao đổi hàng hóa, văn hóa, và kiến thức giữa các quốc gia. Điều này đã tạo ra một môi trường thuận lợi cho sự tương tác và giao thương giữa Ấn Độ và Đông Nam Á. Quan hệ thương mại giữa Ấn Độ và Đông Nam Á cũng đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra sự liên kết lịch sử và văn hóa sâu sắc giữa hai khu vực. Các quốc gia trong khu vực đã trao đổi hàng hóa như gia vị, vải, đá quý, và các sản phẩm nông nghiệp khác thông qua các tuyến đường thương mại. Qua quá trình này, những giá trị văn hóa và tôn giáo từ Ấn Độ đã lan truyền và ảnh hưởng đến các quốc gia Đông Nam Á, tạo ra sự kết nối văn hóa sâu sắc.

⁵⁷ C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), Toàn tập, tập 4, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội

Trong cuốn sách: "The Indianized States of Southeast Asia" của George Coedès, "India and Southeast Asia: Indian Ocean Aspects of Cultural Interaction" của M.C. Subrahmanyam hay Trong cuốn sách "The Ancient Indian Ocean World" của Michael Pearson các tác giả đều tập trung vào quá trình ảnh hưởng và lan truyền của văn hóa Ấn Độ đến các quốc gia Đông Nam Á, trong đó có đề cập đến vai trò của các tuyến đường biển trong sự trao đổi hàng hóa và giao thương. Các tuyến đường biển trong khu vực biển Ấn Đại Dương và biển Đông đã đóng vai trò quan trọng trong việc kết nối các quốc gia và vùng lãnh thổ của Ấn Độ và Đông Nam Á. Đây là những con đường giao thông quan trọng cho việc vận chuyển hàng hóa, mở rộng thương mại và trao đổi văn hóa. Nhờ các tuyến đường biển, việc trao đổi hàng hóa giữa Ấn Độ và các quốc gia Đông Nam Á trở nên thuận lợi hơn. Các mặt hàng như gia vị, đồ gốm, vải, đá quý và các sản phẩm nông nghiệp đã được vận chuyển qua biển, tạo ra một môi trường thương mại sôi động. Ngoài ra, qua các tuyến đường biển, cũng đã xảy ra trao đổi văn hóa, tôn giáo, và tri thức giữa các quốc gia, tạo nên một môi trường giao thương và giao lưu đa chiều. Vai trò của các tuyến đường biển trong quá trình tương tác văn hóa và thương mại giữa Ấn Độ và Đông Nam Á đã góp phần tạo nên một sự kết nối sâu sắc và đa mặt giữa hai khu vực này. Đây là một trong những yếu tố quan trọng đã định hình và tăng cường quan hệ giữa Ấn Độ và Đông Nam Á qua các thế kỷ. Các tuyến đường biển có vai trò quan trọng trong sự tương tác, trao đổi hàng hóa và giao thương giữa Ấn Độ và các quốc gia Đông Nam Á. Chúng thể hiện rằng các tuyến đường biển đã đóng vai trò quan trọng trong việc kết nối và thúc đẩy mối quan hệ giữa hai khu vực này. Nhờ vậy, chúng ta nhận thấy rằng ngoại giao văn hóa giữa Ấn Độ và Đông Nam Á không chỉ có tầm ảnh hưởng lịch sử và văn hóa rất sâu xa, mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng và duy trì mối quan hệ lâu dài và bền vững giữa hai khu vực.

1.2 Cơ sở thực tiễn

1.2.1 Bối cảnh thế giới

Trong những năm cuối thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI, bối cảnh khu vực và thế giới đã có những biến đổi to lớn và sâu sắc, ảnh hưởng toàn diện và mạnh mẽ đến mọi mặt đời sống xã hội của các quốc gia, trong đó có Ấn Độ. Có thể thấy tình hình thế giới vào đầu thập niên XXI đến nay có một số đặc điểm lớn như sau:

❖ *Về bối cảnh chung*

Thứ nhất, khủng bố quốc tế đã trở thành một mối đe dọa lớn đối với an ninh và ổn định của thế giới. Sau khi kết thúc Chiến tranh Lạnh, từ những năm đầu của thế kỷ 21, thế giới đã chứng kiến một cuộc chiến mới - cuộc chiến chống khủng bố do Hoa Kỳ và cộng đồng quốc tế tiến hành. Khủng bố quốc tế đã lâu nay được xem là một mối đe dọa đối với an ninh nội địa cũng như an ninh quốc tế của Hoa Kỳ. Sự kiện thảm khốc ngày 11/9 tại New York, Washington và Pennsylvania đã trở thành nguyên nhân trực tiếp khiến Hoa Kỳ tập trung mạnh mẽ vào chống khủng bố. Sau một loạt các vụ tấn công tại các nước phương Tây và Trung Đông vào năm 2015 và đầu năm 2016, khủng bố bắt đầu thể hiện những dấu hiệu mạnh mẽ về hoạt động tại Đông Nam Á. Mối đe dọa khủng bố khu vực này đang đối mặt thật không thể coi thường.

Chủ nghĩa khủng bố phát triển và lan rộng trên toàn thế giới về quy mô tổ chức và tinh xảo trong hành động. Về phạm vi hoạt động của lực lượng khủng bố không còn bó hẹp ở châu Âu, châu Mỹ, mà nó đang có xu hướng lấy châu Á làm trọng tâm. Loạt đánh bom ở thủ đô Jakarta (Indonesia) vào tháng 1/2016 đã cho thấy mối nguy của chủ nghĩa khủng bố đối với Đông Nam Á không hề nhỏ. Bên cạnh việc mở rộng, xây dựng mạng lưới trên đất liền, các tổ chức khủng bố còn có xu hướng đẩy mạnh hoạt động trên biển. Về hình thức và phương tiện khủng bố: ngoài các hình thức thông thường như nổ bom, ám sát, bắt cóc con tin, cướp phương tiện giao thông, tấn công vũ trang, những hình thức mới cũng có thể xuất hiện như đầu độc nguồn nước, nổ các đập nước, nổ các lò phản ứng hạt nhân,... Ngoài ra, không loại trừ khả năng bọn khủng bố dùng vũ khí sinh học, hóa học và vũ khí hạt nhân với mức độ tàn sát lớn và để lại hậu quả lâu dài.

Sự kiện ngày 11/9/2001, nước Mỹ bị tấn công khủng bố không chỉ là thảm họa của nhân dân Mỹ, mà còn làm cho cả thế giới bàng hoàng trước sự tàn phá của chủ nghĩa khủng bố. Khủng bố được coi là mối đe dọa thường trực của tất cả các quốc gia, vì thế, trên trận tuyến này đòi hỏi phải có sự hợp tác chặt chẽ về mọi mặt của các chính phủ. Hỗ trợ cho cuộc chiến chống khủng bố, cộng đồng quốc tế đã thông qua 12 công ước và luật quốc tế cùng nhiều nghị quyết của Liên Hợp Quốc đã thể hiện cam kết chống khủng bố của các nước thành viên. Nhiều nước trên thế giới đều đã tham

gia ký kết các hiệp ước song phương và đa phương, khu vực và liên kết khu vực để tăng cường an ninh trong đấu tranh chống khủng bố, chống buôn lậu ma túy, rửa tiền và chia sẻ thông tin về khủng bố⁵⁸. Sau hàng loạt vụ khủng bố đẫm máu tại Pháp, Thổ Nhĩ Kỳ, Đan Mạch và mới đây nhất là Bỉ, các nước thuộc liên minh châu Âu EU đã tăng cường các biện pháp an ninh trên mọi lĩnh vực. Trước tình hình này, giới chức EU đầu năm nay đã thành lập Trung tâm Chống khủng bố châu Âu để tăng cường hợp tác giữa các cơ quan tình báo của các nước thành viên và hỗ trợ họ trong cuộc chiến chống khủng bố. Vì vậy, cộng đồng quốc tế đang nỗ lực hợp tác chặt chẽ trong cuộc chiến chống khủng bố quốc tế, vì nhiều nước nhất trí nhận định rằng, cuộc chiến chống khủng bố là cuộc chiến lâu dài, là mặt trận không giới tuyến và rất khó phòng ngừa.

Thứ hai, xu thế toàn cầu hóa, quốc tế hóa và khu vực hóa được đẩy mạnh trong hai thập niên cuối thế kỷ XX và mạnh mẽ hơn nữa trong thế kỷ XXI. Đây là một xu thế ngày càng phát triển với những đặc điểm nổi bật như sau: (1) sự phát triển mạnh mẽ của thương mại thế giới làm cho nền kinh tế của các nước có quan hệ chặt chẽ và phụ thuộc lẫn nhau. Tính quốc tế hóa của nền kinh tế thế giới tăng lên; (2) Tính quốc tế hóa cao của nền kinh tế giới được thể hiện rõ trong vai trò ngày càng lớn của các công ty xuyên quốc gia. Dựa trên cuộc cách mạng khoa học – công nghệ lần thứ ba với mũi nhọn là công nghệ tin học, các công ty xuyên quốc gia được phát triển thành một hệ thống toàn cầu, tạo nền tảng cho xu thế toàn cầu hóa; (3) Quá trình khu vực hóa diễn ra mạnh mẽ trên thế giới. Ở khắp các lục địa, khu vực đều hình thành nên những tổ chức liên kết kinh tế với quy mô lớn, nhỏ khác nhau như Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), Liên minh châu Âu (EU), Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD), Khu vực Thương mại tự do Bắc Mỹ (NAFTA), Khu vực Thương mại tự do ASEAN (AFTA), Hiệp hội hợp tác khu vực Nam Á (SAARC), Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á – Thái Bình Dương (APEC),...

Trên thực tế là vào đầu thế kỷ XXI, cùng với sự phát triển nhanh chóng của quan hệ thương mại quốc tế và tác động to lớn của các công ty xuyên quốc gia, sự ra đời của các tổ chức liên kết kinh tế, thương mại, tài chính quốc tế và an ninh khu vực,

⁵⁸ Nghiêm Thị Hải Yến (2006), “Khủng bố và chống khủng bố từ sau chiến tranh lạnh đến nay”, *Tạp chí Châu Mỹ ngày nay*, số 11.

toàn cầu hóa trở thành xu hướng phát triển tất yếu của thế giới. Toàn cầu hóa là quá trình tăng lên mạnh mẽ những mối liên hệ, những ảnh hưởng tác động lẫn nhau, phụ thuộc lẫn nhau của tất cả các khu vực, các quốc gia, các dân tộc trên thế giới. Toàn cầu hóa tạo ra cơ hội hợp tác, khai thác nguồn vốn, tiếp cận khoa học – công nghệ, phát triển lực lượng sản xuất, làm chuyển biến cơ cấu kinh tế, đưa lại tăng trưởng cao,... Đồng thời ở mỗi quốc gia, toàn cầu hóa cũng tạo ra môi trường cạnh tranh quyết liệt; đào sâu sự phân hóa giàu – nghèo; nguy cơ đánh mất bản sắc dân tộc; an ninh quốc gia dễ bị xâm phạm,... Ngoài ra, cơ chế liên kết kinh tế tài chính và toàn cầu hóa tuy không phải là nguyên nhân trực tiếp nhưng cũng góp phần làm khủng hoảng kinh tế trầm trọng hơn.

Thứ ba, cuộc cách mạng khoa học và công nghệ phát triển mạnh mẽ. Vào cuối thế kỷ XX và những năm đầu thế kỷ XXI, cuộc cách mạng khoa học và công nghệ diễn ra ngày càng mạnh mẽ hơn; Khoa học và công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin và công nghệ sinh học, tiếp tục tiến bộ mạnh mẽ, trở thành một lực lượng sản xuất trực tiếp ngày càng mạnh mẽ, thúc đẩy phát triển kinh tế, nhanh chóng biến đổi cơ cấu kinh tế và biến đổi sâu sắc tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Hiện nay, khoa học và công nghệ đang đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành "kinh tế tri thức" và "xã hội thông tin", phát triển nội dung trí tuệ cao trong sản xuất, dịch vụ và quản lý ở tất cả các quốc gia. Do đó, cuộc đua phát triển kinh tế - xã hội trên thế giới ngày nay thực chất là một cuộc đua khoa học và công nghệ, cuộc đua để cải thiện chất lượng và hiệu quả lao động trên cơ sở hiện đại hóa nguồn nhân lực.

Khoa học, công nghệ và tri thức là tài sản của cả nhân loại, không thuộc riêng về bất kỳ tầng lớp hay quốc gia nào, nhưng thành tựu của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ được thống trị bởi các tập đoàn tư bản lớn và các nước tư bản phát triển. Chủ nghĩa tư bản đã sử dụng những thành tựu này để củng cố và tăng cường vị trí thống trị của mình trên thế giới.

Thứ tư, sự trỗi dậy của Trung Quốc trong thế kỷ XXI. Trung Quốc trong những thập niên gần đây được mệnh danh là “con rồng” châu Á, đang muốn vươn mình ra thế giới, trở thành một trong những nước có tầm ảnh hưởng nhất thế giới. Sự nổi lên của Trung Quốc được nhiều chuyên gia dự đoán là sẽ chấm dứt tình trạng đơn cực trong đó Mỹ là cường quốc số một đóng vai trò lãnh đạo trong hệ thống quốc tế

và Trung Quốc sẽ cùng với Ấn Độ là hai cường quốc trỗi dậy trong những năm đầu thế kỷ XXI, đưa thế kỷ này là thế kỷ của châu Á.

Về kinh tế, thế giới đang chứng kiến sự tăng trưởng kinh tế vượt bậc của Trung Quốc, một hiện tượng chưa từng thấy ở một nền kinh tế mới nổi so sánh với nhiều quốc gia cùng khu vực như Nhật Bản, Hàn Quốc, và các quốc gia phát triển Tây Âu như Pháp, Anh, Đức. Theo báo cáo của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), kinh tế Trung Quốc đã đạt mức tăng trưởng trung bình 9,6% trong suốt 10 năm liên tiếp từ 1990 đến 2010, vượt qua các quốc gia trên châu Âu. Năm 2010, Trung Quốc chính thức thay thế Nhật Bản để trở thành quốc gia đứng thứ hai thế giới về kinh tế, chỉ sau Mỹ. Vào năm 2011, Trung Quốc đã vượt qua Mỹ để trở thành quốc gia đóng góp nhiều nhất cho tăng trưởng kinh tế toàn cầu, chiếm 30% so với 17% của Mỹ (năm 2010) khi xét đến sản lượng toàn cầu. Theo đánh giá của Ngân hàng thế giới, Trung Quốc là nước có GDP cao nhất khu vực kể từ năm 2002 và duy trì vị trí này cho tới hiện nay với tổng sản lượng khu vực là 38% (2010) và 39,4% (2011). Với mức tăng kim ngạch xuất nhập khẩu trung bình mỗi năm là 21,7%, Trung Quốc đã duy trì được nền kinh tế thương mại không lồi, là quốc gia được xếp thứ hai thế giới về nhập khẩu và đứng thứ nhất về xuất khẩu hàng hóa.⁵⁹

Về chính trị, an ninh - quân sự: với thông điệp “sức mạnh mềm” và thuyết “trỗi dậy hòa bình”, Trung Quốc luôn cố gắng trấn an dư luận quốc tế rằng sẽ không làm phương hại đến tình hình an ninh của khu vực cũng như toàn cầu; tuy nhiên, trên thực tế, sự gia tăng sức mạnh quân sự và chính trị của Trung Quốc trong những năm gần đây luôn là nỗi “ám ảnh” của rất nhiều quốc gia. Mặt khác, Trung Quốc là quốc gia sở hữu hạt nhân trên thế giới, một trong ba cường quốc hàng đầu về vũ trụ (cùng Mỹ và Nga), tiềm lực quân sự ngày càng vượt trội với chi phi ngân sách tăng cao trong những năm gần đây cũng khiến thế giới không thể không quan tâm, lo ngại. Chi tiêu quốc phòng của Trung Quốc tăng trung bình 18%/năm theo tỉ lệ được điều chỉnh theo lạm phát.

Về văn hóa: là một trong những nền văn hóa lâu đời nhất trên thế giới, văn

⁵⁹ Trần Xuân Hiệp (2015), “Sự trỗi dậy của Trung Quốc và những vấn đề đặt ra đối với khu vực Đông Nam Á trong bối cảnh hiện nay”, *Tạp chí Khoa học Đại học Quảng Nam*, số 7.

hóa Trung Quốc đã lan tỏa mạnh mẽ và tạo được dấu ấn đậm nét, những giá trị mang tính phổ quát đến thế giới bên ngoài, trong đó có khu vực Đông Nam Á trên ba phương diện: thành lập học viện Khổng Tử; thúc đẩy các hoạt động giao lưu văn hóa giữa các nước; xuất khẩu các sản phẩm văn hóa như truyền hình, phim ảnh, âm nhạc, văn học...

❖ *Về bối cảnh khu vực*

Đông Nam Á là một khu vực có tầm chiến lược quan trọng do vị trí địa hình nối tiếp, đóng vai trò như bàn đạp tiến ra nhiều khu vực khác, là giao điểm của các trục đường giao thông vận chuyển quân sự, hàng hóa, nguyên liệu và nhiên liệu từ Đông sang Tây, từ Bắc Á đến châu Đại Dương, là khu vực tập nập nhất trên thế giới. Đông Nam Á đã trở thành mắt xích then chốt, là cầu nối hai lục địa Châu Á - Châu Âu, giữa Tây Nam Á và Trung Cận Đông, Bắc Phi và Đông Bắc Á, ngoài ra, khu vực này tập trung nhiều tuyến biển quan trọng, trong đó có 4 trong số 16 eo biển chiến lược trên thế giới; đó là eo biển Malacca, Lombok, Sunda và Ombai - Wetar, trong đó eo biển Malacca (nằm giữa Malaysia và đảo Sumatra của Indonesia) là một trong năm eo biển lớn nhất thế giới, có vị trí cực kỳ quan trọng vì tất cả hàng hóa của Đông Nam Á và Đông Bắc Á phải thông qua và hàng năm hơn 40,000 tàu biển đi qua, hàng ngày vận chuyển khoảng 7 triệu thùng dầu qua eo biển này.⁶⁰

Vào đầu thế kỷ XXI, trên thế giới và trong khu vực đang diễn ra những biến đổi sâu sắc. Để thích ứng với những biến đổi đó, ASEAN đã quyết định làm sâu sắc hơn quá trình hội nhập khu vực với việc quyết định xây dựng Cộng đồng ASEAN (AC) dựa trên ba trụ cột: Cộng đồng Chính trị - An ninh (APSC); Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC) và Cộng đồng Văn hóa – Xã hội ASEAN (ASCC). AC sẽ là trung tâm của liên kết khu vực, hợp tác kinh tế, là mũi nhọn trong quá trình liên kết và hợp tác an ninh – chính trị ở Đông Nam Á cũng như phát triển song song với quá trình hội nhập kinh tế. Không chỉ cố gắng hiện thực hóa cộng đồng khu vực vào cuối năm 2015 mà Đông Nam Á còn đang giữ vững vai trò chủ đạo trong hợp tác quốc tế và tạo dựng được một cấu trúc an ninh mới ở khu vực với ASEAN làm trung tâm. ASEAN tiếp tục mở rộng và củng cố quan hệ đối thoại chiến lược với các đối tác bên ngoài, nhất là với

⁶⁰ Trần Xuân Hiệp, Trần Như Bắc (2016), “Chính sách của Mỹ đối với khu vực Đông Nam Á thập niên đầu thế kỉ XXI”.

các nước, thực thể lớn như Trung Quốc, Mỹ, Nhật Bản, Ấn Độ, EU và Nga. Điểm đáng chú ý là từ cuối thập niên đầu của thế kỷ XXI, ASEAN đã cải thiện nhanh chóng và mở rộng quan hệ đối thoại chiến lược với Mỹ. Cùng với đó, ASEAN cũng chú trọng làm sâu sắc quan hệ hơn với Trung Quốc, nhất là trong quan hệ kinh tế. Tuy nhiên, cuộc tranh chấp biển Đông vẫn đang là một tranh chấp phức tạp, khó giải quyết và chừng nào mà tranh chấp này vẫn còn tồn tại thì khu vực vẫn bị đe dọa bởi sự mất ổn định.

1.2.2 Bối cảnh Ấn Độ:

Cùng với các cuộc "Cách mạng xanh," "Cách mạng trắng," và "Cách mạng vàng" trong lĩnh vực nông nghiệp, cùng với "Cách mạng chất xám" về công nghệ thông tin và những tiến bộ trong năng lượng nguyên tử, cũng như một loạt biện pháp cải cách kinh tế toàn diện và triệt để vào năm 1991, đã đưa đất nước Ấn Độ phát triển thành một cường quốc mới trong những năm đầu thế kỷ XXI.

Về kinh tế, Ấn Độ là một quốc gia có tiềm năng hùng hậu, đang tiến hành cải cách mạnh mẽ và đạt tốc độ tăng trưởng khá cao. Trong nửa đầu thập kỷ 2000, tốc độ tăng trưởng kinh tế của Ấn Độ đã có xu hướng tăng ổn định, vượt trội hơn so với các năm trước. Trong những năm đầu của nửa sau thập kỷ 2000, thế giới đã chứng kiến tốc độ tăng trưởng ngoạn mục của Ấn Độ với mức tăng trưởng trung bình trên 9% mỗi năm (trừ năm 2008 – 2009 do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu). Mặc dù cuộc khủng hoảng tài chính thế giới năm 2008 đã gây tác động tiêu cực đến nền kinh tế của nhiều quốc gia, nhưng Ấn Độ là một trường hợp hiếm khi vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế đáng kể từ năm 2009 và vượt qua khó khăn để tiếp tục tăng trưởng.

Bảng 1.3 Tăng trưởng GDP của Ấn Độ (2000 – 2015)

Năm	GDP tính theo chi phí các yếu tố sản xuất (giá cố định 2004 – 2005 và 2011 - 2012) Đơn vị: vạn rupee	Tăng trưởng GDP
2000 – 2001	2.342.774	4,3
2001 – 2002	2.472.052	5,5
2002 – 2003	2.570.690	4
2003 – 2004	2.777.813	8,5
2004 – 2005	2.971.464	7,5
2005 – 2006	3.254.216	9,5
2006 – 2007	3.566.011	9,6
2007 – 2008	3.898.958	9,3
2008 – 2009	4.162.509	6,8
2009 – 2010	4.493.743	8,4
2010 – 2011	4.879.232	8,6
2011 – 2012	5.222.027	6,9
2012 – 2013	8.599.224	4,9
2013 – 2014	9.169.787	6,6
2014 – 2015	9.857.672	7,5

Nguồn: Tổng hợp từ indiabudget.nic.in

Về chính trị - quân sự, có thể nói chính sách đối ngoại hòa bình, độc lập và không liên kết đã một mặt giúp Ấn Độ kết hợp được sức mạnh từ bên ngoài phục vụ cho công cuộc phát triển kinh tế đồng thời giúp uy tín chính trị của đất nước ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế. Cùng với nỗ lực phát triển kinh tế, chính Phủ Ấn cũng dần tăng cường sức mạnh quân sự. Hiện nay, Ấn Độ là một trong những quốc gia có tiềm lực quân sự lớn nhất thế giới với lực lượng quân đội hơn 1 triệu người chỉ

đứng sau Trung Quốc và Mỹ. Vũ khí hạt nhân đóng vai trò quan trọng hi vọng sẽ đưa nước này lên vị trí thứ 4 vào năm 2020.

Về giáo dục, khoa học và công nghệ, Ấn Độ có hệ thống giáo dục tiên tiến ở cấp khu vực và trong một số lĩnh vực còn được xem là hàng đầu thế giới. Hàng năm, Ấn Độ nhận hơn 10.000 sinh viên quốc tế đến học tập. Với mạng lưới 251 trường đại học và trường cao đẳng, ngày nay Ấn Độ cung cấp các khóa học trong tất cả các lĩnh vực và ở mọi cấp độ, bao gồm các cơ sở đạt hạng trong thế giới như Viện Công nghệ Thông tin (IIT). Là cái nôi của nhiều "cuộc cách mạng" quan trọng trong đó khoa học và công nghệ đóng vai trò chủ chốt, Ấn Độ được coi là hàng đầu thế giới, ngang hàng với Mỹ, Nhật Bản và Cộng hòa Liên bang Đức trong một số lĩnh vực như công nghệ thông tin, công nghệ sinh học nông nghiệp và điện tử tự động hóa.

Như vậy, bối cảnh quốc tế và tình hình đất nước nêu trên đã tạo cho Ấn Độ vị thế mới với những thuận lợi và cơ hội to lớn trong việc thực hiện các chính sách, mục tiêu phát triển sức mạnh mềm trong thời kỳ chiến lược tới. Tuy nhiên, với những biến động phức tạp của tình hình thế giới và tình trạng bất ổn ở khu vực Nam Á, Đông Á đã tạo nên những khó khăn và thách thức gay gắt đối với quá trình triển khai sức mạnh mềm của Ấn Độ trong khu vực và trên toàn thế giới.

1.2.3 Vai trò của Ấn Độ trong khu vực và trên thế giới

Trong những năm đầu thế kỷ XXI, Ấn Độ từ một cường quốc ở khu vực Nam Á đã trở thành một quốc gia sức mạnh ở châu Á – Thái Bình Dương và trên toàn thế giới. Ông Strobe Talbott - Chủ tịch Viện Brookings, Mỹ nói: *“Sự tăng trưởng của Ấn Độ trong tất cả các lĩnh vực thực sự rất đáng ngạc nhiên. Hệ thống chính trị ổn định, số dân khổng lồ, một nền kinh tế phát triển nhanh. Ấn Độ đang đánh giá thấp khả năng rằng, thật ra họ, hiện tại đóng vai trò rất lớn trên thế giới, chứ không chỉ riêng trong khu vực”*⁶¹.

Với sức mạnh nổi trội trong khu vực Nam Á trên bình diện kinh tế, chính trị - ngoại giao, an ninh – quốc phòng, khoa học công nghệ....; vì vậy, trong chính sách đối ngoại của mình, Ấn Độ ưu tiên cải thiện quan hệ với các nước lớn láng giềng Nam Á với trọng tâm chính là: xây dựng hình ảnh “người xây dựng” chứ không phải “người

⁶¹ B T (2014), *“Đa cực” - Cục diện thế giới năm 2014*”

cai trị” trong khu vực; không muốn một nước nào ngoài khu vực can thiệp vào các vấn đề nội bộ ở Nam Á; sử dụng linh hoạt các công cụ, giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình. Vì vậy, Ấn Độ đã thể hiện vai trò của mình ở khu vực, mà trọng tâm là vấn đề hòa bình, ổn định và hợp tác. Xét ở một góc nào đó, đó có thể hiểu là vai trò, cũng có thể hiểu là trách nhiệm hay một sứ mạng lịch sử đặt lên vai quốc gia này. Trên thực tế, Ấn Độ cũng đã nhận thức được vai trò đó và đang cố gắng để đảm nhận trách nhiệm này. Ấn Độ thực hiện vai trò của mình ở khu vực thông qua các hoạt động tăng cường hợp tác kinh tế, thương mại; củng cố an ninh quốc phòng; kiểm chế và nêu sáng kiến cho vấn đề tranh chấp Kashmir với Pakistan; xây dựng lòng tin nội khối; xử lý hiệu quả các mối quan hệ với các nước lớn có lợi ích trong khu vực; tích cực đầu tư trong SAARC,... Các động thái đó của Ấn Độ đã góp phần quan trọng đối với hòa bình và ổn định cho khu vực, thể hiện rõ ở thái độ hợp tác giữa các nước đối với Ấn Độ cũng như đối với nhau. Như vậy, với tinh thần muốn xây dựng một hình ảnh thân thiện trong khu vực, trên nền tảng sức mạnh về nhiều mặt cộng với chính sách đối ngoại hòa bình truyền thống nhưng thực dụng hơn, kiên quyết hơn, bằng việc sử dụng linh hoạt các công cụ kinh tế, khoa học kỹ thuật, Ấn Độ đã và đang đóng vai trò to lớn đối với hòa bình và ổn định ở Nam Á.

Trong thế kỷ XXI, Ấn Độ không ngừng vươn lên cả về tiềm lực trong khu vực Nam Á lẫn vị thế quốc tế, điều này được thể hiện rõ nhất tại các tổ chức lớn nhất của thế giới. Ấn Độ là một trong bốn nước ứng cử viên sáng giá nhất cho chiếc ghế thường trực của Hội đồng Bảo an (nhóm G4)⁶², phát sinh từ đòi hỏi dân chủ hóa Liên Hợp Quốc của các nước đang phát triển. Trong Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), Ấn Độ được công nhận là một thành phần không thể thiếu trong các “cuộc họp nhóm nhỏ”⁶³ (small-group meeting) mà trước đây nước này không bao giờ được mời đến. Ấn Độ có khả năng sử dụng quyền phủ quyết để tạm ngưng các vòng đàm phán trong WTO nếu nước này cảm thấy các thỏa thuận đang mang lại bất công cho các nước đang phát triển. Mỹ và EU cũng phải thừa nhận rằng các thỏa thuận trong khuôn khổ WTO sẽ không thể thành công nếu thiếu Ấn Độ⁶⁴

⁶² Gồm Ấn Độ, Nhật Bản, Brazil và Đức.

⁶³ Cuộc họp không chính thức giữa các nước lớn trước thềm Hội nghị Bộ trưởng để thảo luận về chương trình nghị sự và bước đi của các nước.

⁶⁴ Amrita Narlikar (2008), “Power and Legitimacy: India and the World Trade Organization”, *India and Global*

Trong hai thiết chế tài chính lớn nhất thế giới là Ngân hàng Thế giới (WB) và Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Ấn Độ đã cùng các nền kinh tế mới nổi tham gia tích cực vào thúc giục hai thiết chế này cải tổ trước sự thiên vị dành cho các nước phương Tây. Ấn Độ cũng phát huy là một thành viên tích cực của BRICS – khối các cường quốc mới nổi gồm Brazil, Nga, Ấn Độ, Trung Quốc và Nam Phi. Từ khi hình thành năm 2004, kết nạp thêm châu Phi vào năm 2011, BRICS đã có những đóng góp đáng kể cho sự phát triển ổn định của thế giới, là động lực tăng trưởng kinh tế khi thế giới ngập chìm trong khủng hoảng năm 2008, góp phần phân chia lại lực lượng trong một thế giới vốn bị chi phối bởi các nước công nghiệp phương Tây trong hàng thế kỷ [43]. Trong bối cảnh các nước phát triển phải giải quyết vấn đề nợ công, thâm hụt ngân sách, “vách đá tài chính”, thì các nền kinh tế mới nổi của BRICS, với tài nguyên phong phú, dân số đông và lợi thế thị trường lớn, đã nắm bắt thời cơ, tăng cường vị thế trên trường quốc tế. Với sự linh hoạt của nhóm nước đang phát triển mà Ấn Độ là một ví dụ điển hình, nguồn lực của thế giới đang dịch chuyển từ lục địa già sang khu vực năng động và thích ứng với thời cuộc hơn.

Tóm lại, ở thế kỷ XXI, Ấn Độ ngày càng đóng vai trò quan trọng trên bản đồ kinh tế, chính trị thế giới nói chung và an ninh khu vực Nam Á nói riêng. Vai trò của Ấn Độ trong việc tăng cường hòa bình và ổn định ở khu vực Nam Á là không thể phủ nhận. Ngoài ra, Ấn Độ cũng đóng vai trò quan trọng trong các vấn đề toàn cầu thông qua các cơ chế hợp tác song phương và đa phương, cũng như tham gia các sáng kiến khu vực. Hiện nay, Ấn Độ có tiếng nói ngày càng lớn trên diễn đàn quốc tế.

1.3 Cơ sở lịch sử

Quá trình thực hiện ngoại giao văn hoá của Ấn Độ đối với Đông Nam Á được chia thành các giai đoạn: trước năm 2014 và sau 2014 (khi Thủ tướng Modi cầm quyền)

Giai đoạn từ thời kỳ cổ đại đến thế kỷ thứ 7:

Trong giai đoạn này, ngoại giao văn hóa Ấn Độ chủ yếu được thể hiện thông qua các tuyên truyền tôn giáo. Ấn Độ đã chuyển giao triết lý Phật giáo và Hindu sang các quốc gia khác ở châu Á như Trung Quốc, Nhật Bản và Campuchia. Điều này đã tạo ra

một sự lan tỏa văn hóa và truyền thống tôn giáo chung trong khu vực. Ấn Độ đã có những đóng góp quan trọng cho ngoại giao văn hóa thế giới.

Đầu tiên là với tôn giáo Hindu và Buddhism, Ấn Độ đã lan truyền các giá trị và triết lý của chúng đến các quốc gia khác như Trung Quốc và Đông Nam Á thông qua việc tăng cường quan hệ văn hóa, tôn giáo và trao đổi thương mại. Ngoài ra, Ấn Độ cũng đã phát triển nhiều trường phái triết học và khoa học, như trường phái Yoga và Ayurveda, để truyền bá đến các quốc gia khác. Những trường phái này không chỉ có ý nghĩa trong việc duy trì sức khỏe và sự cân bằng của cơ thể, mà còn là một phương tiện để tạo ra mối quan hệ văn hóa và trao đổi giữa các quốc gia.

Trong thời kỳ này, Ấn Độ cũng đã tạo ra những tác phẩm văn học và nghệ thuật tuyệt đẹp như tác phẩm thơ Ramayana và Mahabharata, những tác phẩm này không chỉ giữ được giá trị lịch sử, văn hóa mà còn có tầm ảnh hưởng lớn đến các quốc gia khác trong khu vực. Các quan hệ ngoại giao của Ấn Độ trong thời kỳ này cũng được củng cố thông qua việc kết hôn giữa các gia đình hoàng gia và triều đình của các quốc gia khác, đặc biệt là với các quốc gia trong khu vực Đông Nam Á. Các hoàng gia Ấn Độ đã tạo ra các liên kết đối tác và chính trị với các quốc gia khác thông qua các hoạt động ngoại giao và thương mại.

Tổng thể, giai đoạn từ thời kỳ cổ đại đến thế kỷ 7 đã đánh dấu sự xuất hiện của Ấn Độ trên sân khấu ngoại giao văn hóa thế giới. Ấn Độ đã tạo ra nhiều đóng góp quan trọng về tôn giáo, triết học, khoa học, văn học và nghệ thuật, đồng thời tăng cường quan hệ đối tác và trao đổi văn hóa với các quốc gia khác.

Giai đoạn từ thế kỷ thứ 7 đến thế kỷ thứ 15:

Trong giai đoạn này, Ấn Độ đã thiết lập các mối quan hệ thương mại với các quốc gia ở châu Á và Trung Đông, đặc biệt là quan hệ với Đế chế Champa và Đại Việt. Đồng thời, Ấn Độ cũng đã trở thành một nơi thu hút các nhà thám hiểm và nhà bác học từ các quốc gia khác, như Trung Quốc và Ả Rập.

Trong thời kỳ này, Ấn Độ đã đón nhận ảnh hưởng của các nền văn minh khác, đặc biệt là nền văn minh Hồi giáo. Các nhà thần học Hồi giáo đến Ấn Độ và đã tìm cách thích nghi và phát triển các tôn giáo của họ trong môi trường Ấn Độ. Với sự phát triển của Hồi giáo, Ấn Độ đã có mối quan hệ đối tác văn hóa với các quốc gia Hồi giáo khác trong khu vực và trên thế giới. Ngoài ra, Ấn Độ cũng đã phát triển nhiều trường

phái triết học, tôn giáo và khoa học mới như Jainism, Sikhism và bhakti movement. Các trường phái này không chỉ có tầm ảnh hưởng đến các quốc gia trong khu vực mà còn có ảnh hưởng đến toàn cầu, đặc biệt là ở các cộng đồng Ấn Độ hải ngoại.

Cũng trong thời kỳ này, Ấn Độ đã trở thành một trung tâm học thuật và văn hóa. Các trường đại học, thư viện và trung tâm nghiên cứu đã được thành lập và thu hút các học giả và nghệ sĩ từ khắp nơi trên thế giới. Những người này đã đến Ấn Độ để nghiên cứu các tác phẩm văn học, khoa học, triết học và tôn giáo, tạo ra mối liên kết đối tác và trao đổi văn hóa giữa Ấn Độ và các quốc gia khác. Thời kỳ này cũng là thời kỳ của các đế chế Ấn Độ, như đế chế Chalukya, đế chế Pallava, đế chế Chola và đế chế Vijayanagara. Các đế chế này đã xây dựng các kiến trúc văn hóa, tôn giáo và chính trị đáng kinh ngạc, tạo ra một di sản văn hóa độc đáo và có tầm ảnh hưởng lớn đến các quốc gia khác trong khu vực.

Tổng thể, giai đoạn từ thế kỷ thứ 7 đến thế kỷ thứ 15 đánh dấu sự phát triển mạnh mẽ của Ấn Độ trong lĩnh vực ngoại giao văn hóa. Đây là thời kỳ mà Ấn Độ đã phát triển một số tôn giáo mới, như Jainism, Sikhism và bhakti movement, cũng như tiếp nhận và tương tác với các tôn giáo và nền văn minh khác như Hồi giáo. Ngoài ra, Ấn Độ cũng trở thành trung tâm học thuật và văn hóa, thu hút các học giả và nghệ sĩ từ khắp nơi trên thế giới đến để tìm hiểu và nghiên cứu về văn hóa, khoa học, triết học và tôn giáo của Ấn Độ. Giai đoạn này cũng là thời kỳ của các đế chế Ấn Độ, như đế chế Chalukya, đế chế Pallava, đế chế Chola và đế chế Vijayanagara, các đế chế này đã xây dựng các kiến trúc văn hóa, tôn giáo và chính trị đáng kinh ngạc, tạo ra một di sản văn hóa độc đáo và có tầm ảnh hưởng lớn đến các quốc gia khác trong khu vực. Các đế chế này đã có mối quan hệ thương mại, văn hóa và chính trị với các quốc gia khác trong khu vực và thế giới.

Ngoài ra, Ấn Độ cũng đã đóng góp quan trọng trong lĩnh vực nghệ thuật, văn học và triết học. Trong lĩnh vực văn học, Ấn Độ đã phát triển các tác phẩm văn học kinh điển như Ramayana, Mahabharata và Bhagavad Gita, các tác phẩm này đã được dịch sang nhiều ngôn ngữ và có ảnh hưởng lớn đến nền văn học và triết học thế giới. Trong lĩnh vực nghệ thuật, Ấn Độ đã phát triển các trường phái nghệ thuật độc đáo như Trường phái Khajuraho và Trường phái Hoysala, tạo ra các kiến trúc và tác phẩm nghệ thuật đẹp mắt và độc đáo.

Giai đoạn từ thế kỷ thứ 16 đến thế kỷ thứ 18:

Trong giai đoạn này, ngoại giao văn hóa Ấn Độ đã phát triển thông qua các quan hệ với các quốc gia châu Âu, đặc biệt là với Bồ Đào Nha, Hà Lan và Anh. Các thương nhân châu Âu đã đến Ấn Độ để thương lượng với các nhà buôn địa phương và cũng đã mang lại những sản phẩm và ý tưởng mới cho Ấn Độ. Đây được coi là thời kỳ đặc biệt quan trọng trong lịch sử ngoại giao văn hóa của Ấn Độ, với sự xuất hiện và phát triển của các triều đại Ấn Độ, đặc biệt là triều đại Mughal. Triều đại Mughal bắt đầu từ năm 1526 và kéo dài đến cuối thế kỷ thứ 18, đã đánh dấu sự phát triển mạnh mẽ của ngoại giao văn hóa Ấn Độ, với sự hòa trộn và chuyển giao văn hóa giữa Ấn Độ và các quốc gia khác như Iran, Trung Quốc và các quốc gia châu Âu. Sự thống trị của các vị đại quân tướng Mughal như Akbar và Shah Jahan đã đóng góp rất nhiều cho sự phát triển của ngoại giao văn hóa Ấn Độ trong giai đoạn này. Akbar đã mở rộng đế chế Mughal và đưa nó trở thành một đế chế văn hóa, kết hợp nhiều giá trị văn hóa và triết lý từ Ấn Độ, Iran và Trung Quốc. Shah Jahan đã xây dựng Taj Mahal, một tòa lâu đài tuyệt đẹp được coi là biểu tượng của ngoại giao văn hóa Ấn Độ.

Ngoài việc truyền bá giá trị văn hóa và triết lý, ngoại giao văn hóa Ấn Độ trong giai đoạn này còn tập trung vào các hoạt động thương mại và hành hương. Các tuyến đường thương mại và tuyến đường hành hương đã kết nối Ấn Độ với các quốc gia khác như Iran, Trung Quốc và các quốc gia châu Âu, và giúp truyền bá các giá trị văn hóa của Ấn Độ. Qua nghiên cứu, nhận thấy rằng triều đại Mughal đã đưa ra nhiều đóng góp quan trọng cho văn hóa của Ấn Độ, bao gồm các nghệ thuật như kiến trúc, hội họa và điêu khắc. Văn hóa Mughal được phản ánh trong các tác phẩm nghệ thuật như Taj Mahal, các tòa lâu đài và các khu vườn đẹp, các tác phẩm hội họa và điêu khắc. Ngoài ra, triều đại Mughal cũng đóng góp quan trọng cho sự phát triển của văn học và thần thoại Ấn Độ, với các tác phẩm như Ramayana và Mahabharata được viết lại dưới thời Mughal.

Giai đoạn từ thế kỷ thứ 19 đến thế kỷ thứ 21:

Trong giai đoạn này, ngoại giao văn hóa Ấn Độ đã trở nên phức tạp và đa dạng hơn. Ấn Độ đã thiết lập quan hệ ngoại giao với các quốc gia trên toàn thế giới, bao gồm các quốc gia ở châu Âu, châu Mỹ và châu Á. Ấn Độ đã sử dụng ngoại giao văn hóa để quảng bá hình ảnh đất nước, tăng cường quan hệ đối tác và hợp tác với các

quốc gia khác. Ngoại giao văn hóa Ấn Độ trong giai đoạn này cũng tập trung vào việc xây dựng các trung tâm văn hóa và truyền thông trên toàn cầu, như Trung tâm Văn hóa Ấn Độ tại New York và London.

Trong suốt thế kỷ 19 và 20, ngoại giao văn hóa của Ấn Độ đã trải qua những thay đổi đáng kể do ảnh hưởng của chủ nghĩa thuộc địa, phong trào độc lập, toàn cầu hóa và sự tiến bộ về công nghệ. Ấn Độ đã bị thuộc địa bởi Đế quốc Anh từ giữa thế kỷ 18 đến khi giành độc lập vào năm 1947. Trong giai đoạn này, chính phủ Anh kiểm soát nhiều khía cạnh của văn hóa Ấn Độ, bao gồm giáo dục, tôn giáo và nghệ thuật. Tuy nhiên, di sản văn hóa của Ấn Độ vẫn rất mạnh mẽ và nhiều học giả và nghệ sĩ Ấn Độ tiếp tục khuyến khích văn hóa Ấn Độ thông qua các phương tiện khác nhau. Phong trào độc lập Ấn Độ bắt đầu vào cuối thế kỷ 19 và đạt đến cao trào với sự độc lập của Ấn Độ vào năm 1947, đã là một bước ngoặt quan trọng trong ngoại giao văn hóa Ấn Độ. Những nhà lãnh đạo Ấn Độ, như Mahatma Gandhi, nhấn mạnh tầm quan trọng của di sản văn hóa Ấn Độ và sử dụng nó như một công cụ để khuyến khích độc lập và nhận thức văn hóa của Ấn Độ. Sự tham gia ngày càng tăng của Ấn Độ vào nền kinh tế và chính trị quốc tế vào thế kỷ 21 đã dẫn đến một sự tập trung lại về ngoại giao văn hóa. Ấn Độ đã khuyến khích di sản văn hóa của mình, bao gồm yoga, ayurveda và âm thực Ấn Độ, như một cách để tăng cường quyền lực mềm và khuyến khích sự hiểu biết và hợp tác quốc tế. Sự bùng nổ của phương tiện truyền thông số và các trang mạng xã hội trong thế kỷ 21 đã mở ra những cơ hội mới để quảng bá di sản văn hóa của Ấn Độ trên toàn thế giới.

Với sự phát triển của công nghệ, các nghệ sĩ và nhà sản xuất phim Ấn Độ đã có thể quảng bá các sản phẩm của họ trên thị trường quốc tế, làm tăng sự phổ biến của văn hóa Ấn Độ trên toàn cầu. Với việc trở thành một trong những nền kinh tế phát triển nhanh nhất thế giới, Ấn Độ đã tìm kiếm các đối tác quốc tế để hợp tác trong lĩnh vực văn hóa. Những nỗ lực này đã dẫn đến các chương trình trao đổi văn hóa giữa Ấn Độ và các nước khác, như hợp tác văn hóa giữa Ấn Độ và Trung Quốc, Nhật Bản và Mỹ. Bảo tồn di sản văn hóa: Sự bảo tồn và phát triển di sản văn hóa của Ấn Độ là một trong những mục tiêu chính trong ngoại giao văn hóa của nước này. Chính phủ và các tổ chức tư nhân đã đưa ra các chương trình để bảo vệ các di sản văn hóa, bao gồm các di sản thế giới của UNESCO như Taj Mahal và các di tích khác.

Ngoại giao văn hóa của Ấn Độ đã trải qua nhiều thay đổi và phát triển trong suốt thế kỷ 19 và 20, từ thời kỳ thuộc địa đến sự phát triển về công nghệ và toàn cầu hóa trong thế kỷ 21. Tuy nhiên, di sản văn hóa của Ấn Độ vẫn rất mạnh mẽ và được khuyến khích và bảo vệ bởi chính phủ và các tổ chức tư nhân. Ngoài ra, Ấn Độ cũng sử dụng ngoại giao văn hóa để thúc đẩy du lịch và phát triển kinh tế. Những nỗ lực này đã tạo ra một sự phong phú và đa dạng về ngoại giao văn hóa của Ấn Độ trong thế kỷ 21

Tiểu kết

Trên cơ sở những nghiên cứu và phân tích trong chương 1, ngoại giao văn hoá đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng và phát triển quan hệ quốc tế. Với sự gia tăng của sự toàn cầu hóa và tăng cường quan hệ đa chiều giữa các quốc gia, ngoại giao văn hoá trở thành một yếu tố quan trọng để các quốc gia tăng cường tầm ảnh hưởng và thúc đẩy lợi ích chung. Trong bối cảnh này, Ấn Độ đã nhận ra tiềm năng của ngoại giao văn hoá trong việc tăng cường quan hệ với Đông Nam Á và đã triển khai các chính sách và hoạt động nhằm xây dựng mối quan hệ chặt chẽ hơn với khu vực này. Từ đó, đi vào nghiên cứu vào vai trò đặc biệt của Ấn Độ trong quan hệ với Đông Nam Á. Ấn Độ là một quốc gia có sự đa dạng văn hoá phong phú và giàu truyền thống. Với sự tăng trưởng kinh tế và vị thế quốc tế ngày càng tăng, Ấn Độ đã chơi một vai trò ngày càng quan trọng trong khu vực Đông Nam Á. Qua nỗ lực tăng cường ngoại giao văn hoá, Ấn Độ đã thể hiện khả năng tương tác và hòa nhập với các nền văn hóa đa dạng của Đông Nam Á, từ đó tạo ra một sự kết nối sâu sắc và thân thiện giữa các quốc gia. Về thách thức, sự khác biệt văn hóa và ngôn ngữ, cũng như sự cạnh tranh trong khu vực, có thể gây khó khăn trong việc xây dựng mối quan hệ văn hoá mạnh mẽ. Tuy nhiên, điều này cũng đồng nghĩa với cơ hội để tìm hiểu, học hỏi và giao lưu với các quốc gia Đông Nam Á, từ đó xây dựng một môi trường hợp tác và phát triển chung.

Chương 2. NỘI DUNG VÀ QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI NGOẠI GIAO VĂN HOÁ CỦA ẤN ĐỘ ĐỐI VỚI ĐÔNG NAM Á THỜI KỲ THỦ TƯỚNG MODI

2.1. Chính sách ngoại giao văn hóa của Ấn Độ thời kỳ thủ tướng Modi

Ngoại giao văn hóa giúp Ấn Độ xây dựng và thể hiện hình ảnh, danh tiếng và giá trị văn hóa của mình trên sân khấu quốc tế. Đây là một phương tiện quan trọng để tạo dựng một hình ảnh tích cực về quốc gia và tăng cường uy tín và đáng tin cậy của Ấn Độ trong cộng đồng quốc tế. Ấn Độ tổ chức triển lãm, buổi biểu diễn, hội thảo và festival văn hóa để giới thiệu và quảng bá văn hóa Ấn Độ, từ đó thu hút sự quan tâm và giao lưu với các quốc gia khác. Ở sự kiện diễn viên Aamir Khan và chương trình truyền hình "Satyamev Jayate". Diễn viên nổi tiếng Aamir Khan đã trở thành Đại sứ Ngoại giao Văn hóa của Ấn Độ. Anh đã sử dụng vai trò này để truyền đi những thông điệp tích cực về xã hội và văn hóa Ấn Độ thông qua chương trình truyền hình "Satyamev Jayate". Chương trình này đã tạo ra sự chú ý lớn và có tầm ảnh hưởng rộng, không chỉ trong nước mà còn trên toàn cầu. Nó đã giúp tăng cường hình ảnh tích cực về Ấn Độ và các giá trị văn hóa của nước này trên sân khấu quốc tế. (Nguồn: "Aamir Khan: Cultural Ambassador of India", The Indian Express, ngày 5 tháng 3 năm 2016).

Ở Festival Diwali tại Liên hiệp quốc, Ấn Độ đã sử dụng ngoại giao văn hóa để tổ chức sự kiện này, lễ hội ánh sáng truyền thống của Ấn Độ, tại Liên hiệp quốc vào năm 2017. Đây là lần đầu tiên lễ hội này được tổ chức tại trụ sở của Liên hiệp quốc ở New York. Sự kiện này đã thu hút sự quan tâm của cộng đồng quốc tế và truyền tải hình ảnh tích cực về Ấn Độ và văn hóa của nước này. Đây là một ví dụ rõ ràng về cách ngoại giao văn hóa có thể tạo ra sự nhìn nhận tích cực về Ấn Độ trên sân khấu quốc tế. (Nguồn: "Diwali Celebrations at UN", The Indian Express, ngày 19 tháng 10 năm 2017). Hoặc vào năm 2014, Ấn Độ đã đưa ra đề xuất thành lập Ngày Quốc tế Yoga và hiện đã được Liên hiệp quốc chấp nhận. Mỗi năm vào ngày 21 tháng 6, Ngày Quốc tế Yoga được tổ chức trên toàn thế giới để tôn vinh và quảng bá yoga, một phần của di sản văn hóa của Ấn Độ, đóng góp của nước này trong lĩnh vực sức khỏe và truyền thống văn hóa.

Ngoại giao văn hóa đã tạo ra cho Ấn Độ cơ hội giao lưu văn hóa, trao đổi nhân

dân và tăng cường sự hiểu biết, lòng tin và tình cảm giữa các quốc gia. Sử dụng phương tiện truyền thông và công nghệ thông tin để tăng cường quảng bá văn hóa Ấn Độ, phát triển các kênh truyền thông và nền tảng trực tuyến để tiếp cận với khán giả quốc tế, xây dựng mối quan hệ đối tác với các quốc gia và tổ chức quốc tế, triển khai chương trình trao đổi và hợp tác trong lĩnh vực văn hóa, giáo dục và nghệ thuật. Chương trình "Namaste India" (Xin chào Ấn Độ) đã được tổ chức ở các quốc gia khác nhau nhằm tạo cơ hội cho người dân và đại diện của các quốc gia tham dự để hiểu rõ hơn về văn hóa, truyền thống và lối sống Ấn Độ.

Qua việc tổ chức các hoạt động như trình diễn nghệ thuật, triển lãm, xem truyền hình, tham gia hội thảo và trò chuyện, người dân Ấn Độ và người nước ngoài có thể giao lưu, trao đổi và tăng cường sự hiểu biết về nhau. Hội nghị Văn hóa Quốc tế Kumbh Mela là một trong những lễ hội văn hóa lớn nhất và đã được UNESCO công nhận là Di sản Văn hóa Phi vật thể của nhân loại.

Dưới thời thủ tướng Modi, Ấn Độ đã tổ chức Hội nghị Văn hóa Quốc tế Kumbh Mela, nơi các đại diện từ nhiều quốc gia tham dự để trao đổi kinh nghiệm và tăng cường sự hiểu biết về lễ hội này. Hội nghị đã tạo ra một sân chơi để các quốc gia chia sẻ văn hóa, truyền thống và kinh nghiệm của mình, từ đó tạo nên mối liên kết và tình cảm giữa các quốc gia. Hay chương trình trao đổi văn hóa và giáo dục. Ấn Độ đã tiến hành nhiều chương trình trao đổi văn hóa và giáo dục với các quốc gia khác nhằm tăng cường sự hiểu biết và lòng tin giữa các quốc gia. Ví dụ, chương trình trao đổi sinh viên như "Namaste Europe" và "Study in India" đã tạo cơ hội cho sinh viên Ấn Độ và sinh viên quốc tế để trao đổi kiến thức, kinh nghiệm và văn hóa. Điều này giúp xây dựng mối quan hệ sâu sắc và tăng cường sự hiểu biết và lòng tin giữa các quốc gia.

Ngoại giao văn hoá còn đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy kinh tế và thương mại, tạo ra cơ hội hợp tác và đầu tư giữa Ấn Độ và các đối tác quốc tế. Bỏ nhiệm các đại sứ văn hóa và đại diện văn hóa để đại diện cho Ấn Độ trong các hoạt động và sự kiện quốc tế, tăng cường sự hiện diện và tương tác văn hóa. Chương trình "Make in India" (Sản xuất tại Ấn Độ), chương trình được thúc đẩy bởi thủ tướng Modi nhằm thu hút đầu tư nước ngoài và khuyến khích việc sản xuất và đầu tư tại Ấn Độ.

Ngoại giao văn hóa đã chơi một vai trò quan trọng trong việc quảng bá chương trình này trên sân khấu quốc tế. Ấn Độ đã tổ chức các sự kiện và triển lãm ở các quốc gia khác nhằm giới thiệu tiềm năng đầu tư và hợp tác kinh tế của Ấn Độ, từ đó tạo ra cơ hội cho các doanh nghiệp quốc tế tham gia vào thị trường Ấn Độ. Hay việc diễn viên nổi tiếng Priyanka Chopra đã được bổ nhiệm là Đại sứ Thương mại của Ấn Độ. Cô đã sử dụng tầm ảnh hưởng và hình ảnh của mình để quảng bá hình ảnh và cơ hội kinh tế của Ấn Độ trên sân khấu quốc tế. Với vai trò Đại sứ Thương mại, Priyanka Chopra đã tham gia các hoạt động kinh doanh, tham gia diễn đàn kinh tế và quảng bá các sản phẩm và dịch vụ của Ấn Độ, góp phần tăng cường hợp tác thương mại và đầu tư giữa Ấn Độ và các đối tác quốc tế.

Tất cả được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng, bảo tồn và quảng bá đa dạng và phong phú của văn hóa Ấn Độ, nhằm tạo sự toàn diện và sâu sắc trong giao lưu văn hóa với các quốc gia khác. Hiểu và tôn trọng các giá trị, truyền thống và quan điểm của các quốc gia đối tác, sẵn lòng lắng nghe và tạo điều kiện cho sự giao tiếp và trao đổi ý kiến. Xây dựng cơ sở hợp tác và cộng tác với các quốc gia đối tác, tạo cơ hội hợp tác trong lĩnh vực văn hóa, giáo dục, nghệ thuật và công nghiệp sáng tạo.

Những nỗ lực của Thủ tướng Modi trong việc tăng cường ngoại giao văn hóa đã đạt được những thành tựu đáng kể, góp phần tạo dựng hình ảnh tích cực của Ấn Độ trên sân khấu quốc tế. Đưa nền văn hóa Ấn Độ gần hơn với thế giới thông qua các sự kiện, diễn đàn và chương trình trao đổi văn hóa, nâng tầm quan trọng của Ấn Độ trong khu vực Đông Nam Á cung cấp cơ hội để mở rộng quan hệ ngoại giao văn hóa.

2.2. Mục tiêu và nội dung chính trong chính sách ngoại giao văn hóa Ấn Độ

2.2.1. Mục tiêu trong chính sách ngoại giao văn hóa Ấn Độ

Mục tiêu của ngoại giao văn hóa Ấn Độ nhằm gia tăng ảnh hưởng đến quần chúng nước ngoài và sử dụng sự ảnh hưởng đó, xây dựng lâu dài, như một nguồn dự trữ về tinh thần để thu hút sự ủng hộ cho các chính sách, tận dụng các yếu tố văn hóa để ảnh hưởng đến người nước ngoài: Tạo ra một cái nhìn tích cực về người dân, văn hóa và chính sách của quốc gia; Tạo ra hợp tác mạnh mẽ hơn giữa hai quốc gia; Giúp thay đổi chính sách hoặc môi trường chính trị của quốc gia mục tiêu; Ngăn chặn, quản

lý và giảm thiểu xung đột với quốc gia mục tiêu; Ngược lại, ngoại giao văn hóa có thể giúp một quốc gia hiểu rõ hơn quốc gia nước ngoài mà nó tiếp xúc và mở rộng sự hiểu biết lẫn nhau. Ngoại giao văn hóa là một cách để tiến hành quan hệ quốc tế mà không mong đợi trả lại gì, như ngoại giao truyền thống thường hy vọng.

Các chương trình trao đổi văn hóa hoạt động như một phương tiện để tăng cường ấn tượng tốt về người nước ngoài nhằm thu hút sự hiểu biết và chấp nhận văn hóa của họ và hoà nhập tiêu chuẩn xã hội của họ vào các nền văn hóa khác. Nói chung, mục tiêu của ngoại giao văn hóa là để những người nước ngoài phát triển hiểu biết về các ý tưởng và tổ chức của quốc gia, nhằm xây dựng sự ủng hộ rộng rãi cho các mục tiêu kinh tế và chính trị. Bản chất của "ngoại giao văn hóa tiết lộ tâm hồn của một dân tộc", đôi lại nó tạo ra sự ảnh hưởng. Mặc dù thường bị bỏ qua, ngoại giao văn hóa có thể và thực sự đóng một vai trò quan trọng trong đạt được các mục tiêu an ninh quốc gia. Trong thời đại toàn cầu hóa và với xu hướng "đối thoại thay vì đối đầu" nổi bật, ngoại giao văn hóa được coi là một trong ba trụ cột chính của ngoại giao, bên cạnh ngoại giao chính trị và ngoại giao kinh tế. Ngoại giao văn hóa là một trong những yếu tố sức mạnh mềm đã được Ấn Độ sử dụng thành công trong lịch sử đấu tranh cho tự do và độc lập, và trong quá trình xây dựng và phát triển, đặc biệt là trong thời kỳ của Thủ tướng Narendra Modi.

2.2.2 Nội dung chính trong chính sách ngoại giao văn hoá Ấn Độ

Ngoại giao văn hóa là một trong những yếu tố sức mạnh mềm mà Ấn Độ đã sử dụng thành công trong lịch sử đấu tranh cho tự do và độc lập, cũng như trong quá trình xây dựng và phát triển, đặc biệt là trong thời kỳ của Thủ tướng Narendra Modi. Dưới sự lãnh đạo của Thủ tướng Narendra Modi, ngoại giao văn hóa đã đóng một vai trò quan trọng trong việc nâng cao ảnh hưởng của Ấn Độ trong khu vực và trên thế giới. Ngoại giao văn hóa của Thủ tướng Narendra Modi có những đặc điểm nổi bật. Từ một quốc gia đang cố gắng tìm đường đi đến phát triển, Ấn Độ đã trở thành một nhà lãnh đạo. Qua ngoại giao văn hóa, Ấn Độ không chỉ tuân thủ các quy tắc mà còn định lập và đề xuất chương trình trong các hội chợ quốc tế. Thủ tướng Narendra Modi đã tận dụng tốt cơ hội này để đưa Ấn Độ trở thành một quốc gia có tầm ảnh hưởng toàn cầu và góp phần thúc đẩy hòa bình và phát triển trong khu vực và trên thế giới.

Thứ nhất, lợi ích quốc gia là trên hết

Chính sách ngoại giao của Ấn Độ dưới thời Narendra Modi là do tâm điểm của tầm nhìn về quản trị của Modi - thịnh vượng của Ấn Độ. Chính sách ngoại giao của Modi bắt đầu từ nội bộ với nhiều phương pháp và thực thi quyết liệt. Là một thị trường tự do đang phát triển nhanh và dân chủ đông dân nhất thế giới, ấn tượng của Ấn Độ về công việc quốc tế là một sự thật, cũng như sự thật là nghèo đói là thách thức lớn nhất của Ấn Độ. Trong bối cảnh đó, Modi đã linh hoạt liên kết chính sách ngoại giao của Ấn Độ với sự biến đổi nội bộ. Một mặt, thu hút đầu tư nước ngoài, công nghệ và mở cửa thị trường nước ngoài cho hàng hóa của Ấn Độ, mặt khác, hướng đến sự ổn định, hòa bình và thịnh vượng trong khu vực. Ông đã tiến hành các chương trình dẫn đầu của Liên minh Dân chủ Quốc gia (NDA) như “Made in India”, Digital India, Smart Cities, Clean Ganga, Swachh Bharat (Clean India), Skill India và Startup India.

Thứ hai, ưu tiên các nước láng giềng

Đặc điểm thứ hai của chính sách ngoại giao của Modi là đề cao tầm quan trọng của các nước láng giềng của Ấn Độ. Chính sách hàng xóm của Modi đã được thực hiện mạnh mẽ trong thực tế, đẩy mạnh mối quan hệ với các nước láng giềng thông qua các hoạt động ngoại giao văn hóa. Dưới lãnh đạo của Modi, chính sách ngoại giao đã dành sự chú ý đặc biệt đến việc tăng cường quan hệ với các nước láng giềng của Ấn Độ. Thực hiện chính sách hàng xóm đưa vào tâm điểm việc mềm dẻo hóa mối quan hệ với các quốc gia khác thông qua ngoại giao văn hóa. Qua đó, Ấn Độ đã củng cố và mở rộng các liên kết với các nước láng giềng, thể hiện sự chân thành và tôn trọng lẫn nhau, góp phần tạo dựng môi trường hòa bình và hợp tác trong khu vực.

Thứ ba, vượt qua các trở ngại lịch sử

Ngoại giao văn hóa mạnh mẽ và kiên quyết của N. Modi đã vượt qua sự do dự và e ngại - những đặc điểm cố hữu trong chính sách ngoại giao của chính phủ Ấn Độ trước đây. Ông đã đối mặt với thách thức lớn khi tìm kiếm hòa bình và an ninh trong khu vực, đặc biệt là trong việc đương đầu với các tổ chức khủng bố hoạt động băng qua biên giới ở Pakistan hoặc đẩy lùi quyền ảnh hưởng của Islamabad đối với Hiệp hội Hợp tác Khu vực Nam Á. Khác với các người tiền nhiệm, N. Modi đã thể hiện một tư duy mạnh mẽ hơn trong việc đối phó với khủng bố. Ông đã quyết liệt chỉ ra tính chất bạo lực và coi khủng bố là mối đe dọa nghiêm trọng nhất kể từ Thế chiến II. Thay

vì mơ hồ và ảo tưởng, ông kiên quyết bác bỏ mọi đề xuất hòa giải, nhấn mạnh rằng không thể phân biệt khủng bố tốt hay xấu, vì tất cả đều gây hại và đe dọa hòa bình và ổn định của khu vực và thế giới. Các lần hạ cánh ngăn ngày của máy bay của N. Modi ở Lahore vào cuối năm 2015, các cuộc tấn công của quân đội Ấn Độ thông qua đường chia tạm thời với căn cứ khủng bố ở Kashmir do Pakistan chiếm đóng vào cuối tháng 9 năm 2016 và sự thúc đẩy hợp tác cận khu vực Nam Á kể từ cuối năm 2014, vv... đều là một phần trong chiến lược rộng hơn của N. Modi để khôi phục vị thế bảm sinh của Ấn Độ ở lục địa bằng cách giải quyết xung đột và mở rộng các lĩnh vực hợp tác nếu có thể, và đối mặt với các lực lượng đối nghịch nếu cần thiết.

Modi đã khéo léo xây dựng mối quan hệ cá nhân tốt với các nhà lãnh đạo thế giới, bao gồm Tổng thống Mỹ Barack Obama, Angela Merkel, Shinzo Abe, và nhiều nhà lãnh đạo khác, điều này đã tăng cường vị thế của Ấn Độ trên trường quốc tế. Sự tham gia ngày càng tăng của Ấn Độ trên phạm vi toàn cầu được thể hiện qua việc đưa ra các ý tưởng và chương trình mới, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững và hài hòa. N. Modi đã thể hiện sự cam kết chặt chẽ với việc tìm kiếm giải pháp công bằng cho thỏa thuận chống biến đổi khí hậu toàn cầu, loại bỏ đói nghèo và ủng hộ cuộc sống hòa hợp với thiên nhiên. Những nỗ lực này là điểm sáng phân biệt ông so với người tiền nhiệm của ông và đã thể hiện sự lãnh đạo mạnh mẽ và quyết tâm của ông trong việc xây dựng một Ấn Độ đóng góp tích cực cho cộng đồng quốc tế.

Thứ tư, Từ người thực thi quy định đến người định quy định

Nỗ lực quan trọng của Ấn Độ về mặt ngoại giao là nhằm thực hiện ý tưởng ngoại giao văn hóa của N. Modi là "tìm hiểu những ý tưởng chung và đặt chúng vào ngữ cảnh văn hóa truyền thống Ấn Độ". Chính sách ngoại giao độc lập của họ, gọi là Panchamrit, tập trung vào năm trụ cột: uy tín, đối thoại, sự thịnh vượng chung, an ninh khu vực và toàn cầu, cũng như các liên kết văn hóa và văn minh với ý thức thống trị. Mục tiêu cuối cùng của chính sách này là giúp Ấn Độ đạt được vị thế quyền lực toàn cầu, thể hiện sự nổi lên và tiến bộ của quốc gia, thay vì chỉ là một "người định quy định" trong cộng đồng quốc tế. Khát vọng này đã được N. Modi khẳng định trong bài phát biểu tại Đại học Hindu Bamaras: "*Trong thời đại hiện tại, có thể coi là thời đại của tri thức, vai trò và trách nhiệm của chúng ta đã tăng. Chúng ta phải xuất hiện như Guru Vishwa, không chỉ cung cấp hướng đi mới cho thế giới, mà còn bảo vệ di sản*

của chúng ta.”

Thứ năm, người Ấn Kiều

Trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ, Chính phủ Modi đặc biệt chú trọng người dân Ấn Độ ở nước ngoài và đã thực hiện các hành động thiết thực để làm sâu sắc quan hệ với người di cư Ấn Độ, chẳng hạn như tăng cường tương tác với người di cư Ấn Độ, hàn gắn mối quan hệ của họ với tổ quốc và gia tăng vị thế của họ trong nước tiếp đãi. Thông qua các cuộc họp và giao lưu thân thiện với người Việt Nam ở nước ngoài trong những chuyến thăm đất nước, Modi luôn khuyến khích họ kinh doanh an yên và củng cố mối liên hệ với Tổ quốc. Cách tiếp cận và hành vi của N. Modi đã khiến nhiều người Ấn Độ trở về mẹ quê thường xuyên, đồng thời đầu tư nhiều hơn, cũng như đóng góp nhiều hơn cho sự thịnh vượng của Ấn Độ.

Thứ sáu, Củng cố liên kết văn hóa

Ngoại giao văn hóa của Ấn Độ trong suốt thời gian thống trị gần một nhiệm kỳ của Thủ tướng N. Modi rõ ràng thể hiện tư tưởng và tầm nhìn toàn cầu của những người đưa ra chính sách và lãnh đạo thực thi chính sách. Modi đã tiến hành một số lượng không ngờ đến các chuyến thăm cấp cao và gặp gỡ các nhà lãnh đạo ngoại quốc trên năm lục địa. Bất kể nơi ông đi, ông giới thiệu, thể hiện và lan truyền các giá trị văn hóa Ấn Độ.

Ngoại giao văn hóa thời kỳ N. Modi rõ ràng trong việc thúc đẩy tích cực những giá trị truyền thống và hiện đại của Ấn Độ ra thế giới. Học giả Ted Piccone từng nói: *“Ông thể hiện rõ ràng một quan điểm thế giới tinh thần với những mối quan ngại triết học sâu sắc và coi chúng như đóng góp đặc biệt của Ấn Độ cho thế giới. Ông giới thiệu và thúc đẩy chế độ dân chủ năng động của Ấn Độ, giới thiệu đặc điểm "đoàn kết trong sự đa dạng"⁶⁵, không chỉ là một phần không thể thiếu của việc quản lý xã hội phức tạp của nó, mà còn là một con đường cần thiết cho hòa bình và sự cùng sống trong thế giới, một thế giới cho phép đất nước đạt được mức độ phát triển và thịnh vượng bền vững. “Là một đạo Hindu đích thực, N. Modi không do dự trong việc thuyết giáo những đức phẩm mà ông coi đó không phải là một tôn giáo mà chính là một lối sống bao gồm tất cả các quy tắc của sự thống nhất xã hội...”*

⁶⁵ Ted Piccone - NATIONAL ENDOWMENT FOR DEMOCRACY (ned.org)

2.3. Quá trình thực hiện ngoại giao văn hoá của Ấn Độ đối với Đông Nam Á thời kỳ thủ tướng Modi (từ năm 2014- nay)

2.3.1 Mục tiêu

Sau khi Narendra Modi nhậm chức thủ tướng Ấn Độ, ông đã điều chỉnh chính sách “hướng Đông”⁶⁶ thành “hành động hướng Đông”⁶⁷. Về mặt đối ngoại, chính sách “Hành động hướng Đông” thể hiện sự tham gia mạnh mẽ của Ấn Độ đối với các quốc gia ở Đông Á tập trung vào lĩnh vực thương mại, kết nối khu vực, văn hóa, sáng tạo và giao lưu nhân dân. Trong đó, các nhân tố văn hóa được chính quyền Modi chú trọng trong quá trình triển khai chính sách “hành động hướng Đông”. Dưới thời Modi, hai nhân tố văn hóa và chủ nghĩa thực dụng đã được kết hợp thành công trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ, đặc biệt là chính sách đối với các quốc gia ở châu Á. Nhân tố văn hóa được chính quyền Modi sử dụng như một công cụ “sức mạnh mềm” nhằm đạt được những lợi ích chiến lược của Ấn Độ trên trường quốc tế và đây được xem là một trong những sự khác biệt quan trọng đối với các chính quyền tiền nhiệm.

Bản về các mục tiêu chính sách đối ngoại của mình, ông Modi đã có bài phát biểu toàn diện nhất vào tháng Mười năm 2013 tại Chennai, và nó được phản ánh trong bản tuyên ngôn tranh cử mới nhất năm 2014 của Đảng Nhân dân Ấn Độ (BJP). Bài phát biểu của Modi tại Chennai và bản tuyên ngôn năm 2014 của BJP đều nhấn mạnh vai trò chủ động trên toàn cầu của Ấn sẽ dựa trên lợi ích quốc gia.

Bản tuyên ngôn nói: *"Chúng ta sẽ tạo ra một mạng lưới các đồng minh để củng cố thêm lợi ích của đất nước. Chúng ta sẽ tận dụng mọi nguồn lực để đạt được một vị thế lớn hơn nữa trên đấu trường quốc tế"*. Trong tuyên ngôn của mình, BJP có nói rằng *"Chúng ta cần kết hợp giữa quyền lực mềm với việc giao lưu trao đổi, cụ thể là khai thác và tập trung vào các khía cạnh về mặt tinh thần, văn hóa và triết học khi giao lưu với các nước bên ngoài. Bởi vì đã mang đến rất nhiều thứ cho thế giới nên Ấn Độ luôn luôn đóng một vai trò quan trọng trong các vấn đề thế giới. Nước chúng*

⁶⁶ Đầu những năm 1990, Ấn Độ đã đưa ra “Chính sách hướng Đông”. Phạm vi của chính sách bao gồm khu vực Đông Nam Á, ba nước Đông Bắc Á là Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc cùng với Australia và New Zealand. Chính sách này được chia làm hai giai đoạn, trong đó giai đoạn một chủ yếu tập trung tăng cường các mối quan hệ trên các lĩnh vực với Đông Nam Á. Hiện nay, Ấn Độ đang thực hiện giai đoạn hai của chính sách với việc hướng tới và tăng cường mở rộng quan hệ với các nước còn lại nhưng vẫn xem Đông Nam Á là trọng tâm.

⁶⁷ Sự thay đổi trên được đưa ra trong bản Tuyên bố chung sau cuộc gặp gỡ cấp cao giữa Thủ tướng Modi và Tổng thống Barack Obama ngày 30/9/2014.

ta luôn tin vào những gì được nói trong tiếng Phạn, rằng “*vasudhaiv một kutumbakam*” (nghĩa là thế giới này là một gia đình). Niềm tin này đã trở thành truyền thống từ ngàn xưa. Chính sự khôn ngoan và di sản cổ xưa đã giải thích cho tinh thần luôn hướng đến sự hài hòa và tính công bằng của chúng ta, và những điều ấy tạo ra sức hấp dẫn của Ấn Độ. Điều này vẫn có sức ảnh hưởng trong thời đại ngày nay – thời đại của quyền lực mềm. Thông qua các hoạt động ngoại giao chủ động, chúng ta sẽ truyền bá những truyền thống ấy và đồng thời mang đến một hình ảnh Ấn Độ như là một xã hội thương mại rất sôi động. Tổ tiên chúng ta cách đây nhiều thế kỷ đã dựa trên sự nhạy bén trong kinh doanh và tính chính trực, dựa trên những mặt hàng và sản phẩm thủ công để giao dịch với nước ngoài thông qua các tuyến đường biển. Các biểu tượng của nền văn minh cổ xưa chính là minh chứng cho sự đỉnh cao về kiến trúc và quy hoạch đô thị của nước ta. Do vậy, chúng ta sẽ hồi sinh thương hiệu Ấn Độ với sự giúp sức của sức mạnh 5T: *Tradition (Truyền thống), Talent (Tài năng), Tourism (Du lịch), Trade (Thương mại) và Technology (Công nghệ)*”. Đây chính là dấu ấn điển hình của ông Modi trong bản tuyên ngôn. Chính phủ Modi đã khai thông mối quan hệ giữa tiềm năng quyền lực mềm của Ấn Độ và chính sách đối ngoại của mình.

Đồng thời, trong bản tuyên ngôn, Thủ tướng Modi cũng cho rằng người Ấn sống và làm việc ở nước ngoài thường xuyên, người gốc Ấn và các chuyên gia định cư ở nước ngoài là một nguồn tài nguyên thể hiện được các lợi ích quốc gia cũng như các vấn đề quốc gia mang tính toàn cầu. Thực tế, ông Modi đã và đang khai thác nguồn tài nguyên này – đây là nền tảng hỗ trợ của Ấn Độ nhằm phát triển thương hiệu quốc gia. Như vậy, lần đầu tiên, nhà nước Ấn Độ đang bắt đầu sử dụng một cách có hệ thống của các nguồn tài nguyên con người và văn hóa giàu có mà trước đây đã phát triển khá độc lập với các chính sách của nhà nước.

Dưới tác động của tiến trình toàn cầu hóa và môi trường “hậu Chiến tranh lạnh”, những mục tiêu cơ bản trong hoạt động đối ngoại của các quốc gia - dân tộc từ hàng thế kỷ nay vẫn không thay đổi, nhưng đối tượng và công cụ của hoạt động đối ngoại đã có những thay đổi lớn. Những năm gần đây, Ấn Độ thiếu về “cơ bắp” ngoại giao nhưng lại được bổ sung bằng sức mạnh mềm. Chính phủ Ấn ngày càng quan tâm hơn đến những chính sách cũng như hoạt động tuyên truyền đối ngoại. Do đó, Ấn Độ ngày càng chứng tỏ mình là một người chơi với quyền lực mềm vươn ra xa toàn cầu.

2.3.2 Nội dung triển khai

Chính phủ Ấn Độ đã xác định các yếu tố sức mạnh mềm là công cụ quan trọng trong ngoại giao văn hoá. Từ đó, dưới sự lãnh đạo của Thủ tướng Modi, Ấn Độ đã triển khai một chiến lược ngoại giao văn hóa có hệ thống. Hơn nữa, Ấn Độ tự hào khi sở hữu nguồn sức mạnh mềm đa dạng và xuất sắc. Những giá trị văn hóa điển hình của Ấn Độ như tinh thần huyền bí, yoga, phim Bollywood, các bộ phim truyền hình và ẩm thực của các nước khác có khả năng thu hút và cuốn hút người khác với sức hấp dẫn của các giá trị văn hóa, cơ quan và chính sách. Nhờ điều này, Ấn Độ đã nhận được sự đồng cảm, tôn trọng và hợp tác lâu dài từ các nước khác. Do đó, Ấn Độ đã nhận thức và công nhận tầm quan trọng của ngoại giao văn hóa hay sức mạnh của nó trong chính sách ngoại giao. Các hoạt động ngoại giao văn hóa được Ấn Độ sử dụng tiêu biểu qua các nội dung sau:

2.3.2.1 Chiến lược xuất khẩu sản phẩm Bollywood

Bollywood là thuật ngữ chỉ ngành công nghiệp phim Hindi của Ấn Độ, có giá trị khoảng 3.5 tỷ USD, có trụ sở tại Mumbai, trước đây là Bombay. Tên gọi Bollywood là bắt nguồn từ sự kết hợp của Bombay, đây là tên cũ của thành phố Mumbai, và kinh đô điện ảnh của Mỹ - Hollywood. Mặc dù Ấn Độ không phải là một phần của các quốc gia phương Tây, nhưng đó là một trong số ít quốc gia đã làm cho ngành công nghiệp phim của họ được đánh giá cao trên thị trường phim toàn cầu. Do đó, Bollywood được Chính phủ Ấn Độ coi là một trong những tài sản soft power quan trọng của đất nước. Ngành công nghiệp điện ảnh Ấn Độ có một truyền thống lâu đời. Kể từ đó, ngành công nghiệp này đã ngày càng phát triển và hiện nay các bộ phim Ấn Độ đã được xuất khẩu đến các nước Đông Nam Á và châu Phi.

Lý giải vì sao phim Ấn Độ lại rất phổ biến trong thế giới phát triển là do sự kết hợp của các nhân vật có tính thực tế, cách kể chuyện thoát ly thực tế và các cảnh nhạc và nhảy múa. Từ những năm 1990, phim truyền hình đã là động lực lớn cho ngành công nghiệp phim Ấn Độ, khi nhiều kênh phim riêng biệt ra đời. Ngoài ra, sự tiến bộ trong công nghệ số và công nghệ trực tuyến đã cho phép các bộ phim Ấn Độ được chiếu thường xuyên tại nhiều quốc gia, kể từ đó, ngành công nghiệp phim đã trở thành yếu tố thống trị và định hình văn hóa phổ biến ở lục địa Ấn Độ và trong cộng đồng người di cư Nam Á. Ngày nay, phim Ấn Độ ngày càng được xem và ưa chuộng ở hơn

70 quốc gia từ Ai Cập đến Nigeria và Nga đến Thái Lan. Xuất khẩu chiếm gần một phần ba tổng thu nhập của ngành công nghiệp này. Năm 2000, ngành công nghiệp phim Ấn Độ đã chính thức được công nhận là một ngành công nghiệp bởi chính phủ Ấn Độ, cho phép Ngân hàng Phát triển Công nghiệp của Ấn Độ cung cấp các khoản vay cho nhà làm phim, đảm bảo rằng nó có thể trở thành một nguồn thu lớn cũng như một công cụ để quảng bá sức mạnh mềm của Ấn Độ.

Trong thời đại hiện đại của khoa học chính trị, văn hóa giải trí và truyền thông với trình độ phát triển toàn cầu là một trong những yếu tố quan trọng của sức mạnh mềm Ấn Độ. Mối quan hệ giữa văn hóa và ngành công nghiệp phim của Ấn Độ rất chặt chẽ. Ngành công nghiệp phim Bollywood của Ấn Độ là một chủ đề được thảo luận rất nhiều bởi thế giới, điều này chứng tỏ sự quan trọng của Ấn Độ. Có thể thấy rằng yếu tố sức mạnh mềm có tầm quan trọng tương đương trong thế giới ngoại giao, được Thủ tướng Modi đẩy mạnh công cụ ngoại giao này trong thời gian lãnh đạo.

Điện ảnh ở Ấn Độ đã có truyền thống hình thành từ lâu đời. Sau đó, ngành công nghiệp này càng phát triển theo thời gian và đến nay phim của Ấn Độ đã được xuất khẩu sang các quốc gia Đông Nam Á và châu Phi⁶⁸. Đó giải thích cho lý do vì sao phim Ấn Độ lại phổ biến ở các nước đang phát triển là sự kết hợp của các nhân vật như thực tế ngoài đời, phong cách kể chuyện khoa trương thoát ly và các phân đoạn ca khúc và vũ đạo. Sự mờ rộng chưa từng có của truyền hình trong những năm 1990 là một cú hích lớn cho ngành công nghiệp điện ảnh của đất nước Ấn Độ, khi nhiều kênh truyền hình chiếu phim chuyên dụng ra đời. Ngoài ra, những tiến bộ trong công nghệ kỹ thuật số và trực tuyến đã giúp cho các bộ phim Ấn Độ được chiếu thường xuyên ở các quốc gia, từ đó ngành công nghiệp điện ảnh đã thống trị và xác định nền văn hóa đại chúng ở tiểu lục địa Ấn Độ và trong cộng đồng người Nam Á. Ngày nay, phim Ấn Độ ngày càng được khán giả quốc tế theo dõi, chiếu ở hơn 70 quốc gia — từ Ai Cập đến Nigeria và Nga đến Thái Lan — và xuất khẩu chiếm gần một phần ba thu nhập của ngành⁶⁹. Năm 2000, ngành công nghiệp điện ảnh Ấn Độ chính thức được Chính phủ Ấn Độ trao quy chế của một ngành công nghiệp, cho phép Ngân hàng Phát triển Công nghiệp Ấn Độ cung cấp các khoản vay cho các nhà làm phim, do đó đảm

⁶⁸ Woodcock, Barnouw, & Krishnaswamy (1964)

⁶⁹ Thussu (2016) tr. 127 - 153

bào nó có thể trở thành một nguồn thu chính cũng như một công cụ để quảng bá sức mạnh mềm của Ấn Độ.

Với lợi thế môi trường phát sóng toàn cầu, hệ thống truyền hình kỹ thuật số và phân phối trực tuyến cùng với việc tư nhân hóa, Bollywood với nội dung đa dạng hấp dẫn luôn có sẵn đô phục vụ cho giả trên khắp các quốc gia trên thế giới. Mỗi năm Ấn Độ sản xuất hơn 1.000 bộ phim nói tiếng Hindi và các ngôn ngữ khác, nhiều hơn hẳn các bộ phim của Hollywood sản xuất [Mumbai, 2020].

Ở Đông Nam Á, văn hóa đại chúng Ấn Độ được khán giả tiếp thu dễ dàng hơn qua mạng lưới văn hóa và truyền thông. Nhiều bộ phim đã được quay ở ở nhiều địa điểm nổi tiếng ở khu vực này, có thể kể đến như phim Murder (2004), phim Zinda và Anthony Kaun Hai (cả hai đều phát hành năm 2006) được quay hoàn toàn ở Thái Lan. Nổi bật nhất là bộ phim Krrish (2006) về nội dung khoa học viễn tưởng đầu tiên của Ấn Độ được quay tại Singapore và nhận được hỗ trợ của Cơ quan Phát triển Truyền thông và Tổng cục Du lịch Singapore để quảng bá thành phố như một điểm đến du lịch cho tầng lớp trung lưu Ấn Độ. Singapore đã phát sóng kênh truyền hình Vasantham, một kênh truyền hình riêng biệt của Ấn Độ tiếng Tamil, Hindi và các bộ phim khu ở các khu vực Ấn Độ khác. Hơn thế nữa, Adlabs Films - Trung tâm xử lý phim ảnh lớn nhất Ấn Độ đã bắt tay với công ty Lotus Five Star Cinemas của Malaysia để vận hành một chuỗi 51 rạp chiếu phim ở Malaysia nhằm mở rộng hơn nữa phạm vi tiếp cận của phim Ấn Độ tại Malaysia.

Nhìn chung, điện ảnh Bollywood của Ấn Độ ngày càng phổ biến rộng rãi trên trên nhiều quốc gia và khu vực. Nhờ mở cửa về thị trường, nhiều bộ phim của Bollywood được phát hành trên toàn thế giới, mang lại sự thành công lớn về thương mại. Điều này đã giúp cho Ấn Độ trở thành một trong những quốc gia thu hút đầu tư nước ngoài nhiều nhất trên thế giới. Hơn nữa, bằng cách khiến người dân ở các nước biết đến phim ảnh của Ấn Độ, Bollywood đã gián tiếp giới thiệu đất nước, con người, nền văn hóa của Ấn Độ cho bạn bè thế giới, giúp nâng cao vị thế của đất nước.

Ở Indonesia, nơi ảnh hưởng văn hóa và tôn giáo của Ấn Độ có lịch sử lâu đời, các bộ phim và âm nhạc Bollywood rất phổ biến, ảnh hưởng đến âm nhạc địa

phương. Kể từ cuối những năm 1990, hình thức âm nhạc phổ biến của Indonesia đã vay mượn và sao chép các bài hát từ các bộ phim Bollywood, đặt các giai điệu Bollywood thành lời bằng ngôn ngữ chính thức của Indonesia là Bahasa

Qua mức độ phổ biến của Bollywood ở các quốc gia và khu vực cũng như việc Chính phủ Ấn Độ sử dụng Bollywood làm cầu nối và là nhân tố quan trọng trong tiến trình mở rộng quan hệ ngoại giao với các nước trên thế giới. Chính vì thế Bollywood được xem là công cụ hiệu quả của Ấn Độ bởi những tương tác mà nó mang đến cho đất nước này. Những tương tác như vậy chứa đựng một khía cạnh sức mạnh mềm mạnh mẽ, như J. S. Nye đã nhận định rằng: “sự quyến rũ luôn hiệu quả hơn sự ép buộc”⁷⁰

2.3.2.2 Chiến lược phổ biến Yoga

Chính phủ Thủ tướng Modi đã liên tục cố gắng đưa hình ảnh Ấn Độ trở thành một nhà quốc tế và cố gắng tái khẳng định thương hiệu Ấn Độ với truyền thống triết học và tôn giáo lâu đời thông qua các chính sách đối ngoại. Với mục tiêu này, nghệ thuật Yoga trở thành một phương tiện để thúc đẩy hình ảnh của một nhà lãnh đạo tinh thần toàn cầu, một Vishwa Guru hoặc một "Guru" (bậc thầy tôn giáo) của thế giới.

Vào tháng 9-2014, trong khuôn khổ Đại hội đồng Liên Hợp Quốc, với mục tiêu biến yoga thành một hiện tượng toàn cầu, Thủ tướng Modi tuyên bố rằng "yoga là món quà của Ấn Độ dành cho thế giới" và ông thành công trong việc khởi đầu chiến dịch biến ngày 21-6 hàng năm thành Ngày Quốc tế Yoga. Đồng thời, cũng vào năm 2014, Thủ tướng Modi thành lập Bộ Yoga và Y học Truyền thống với mục tiêu thúc đẩy việc quảng bá các truyền thống và văn hóa Ấn Độ ra thế giới. Cơ quan này có nhiệm vụ thúc đẩy yoga, ayurveda (y học truyền thống Hindu), thiên nhiên chữa bệnh, unani (một phương pháp chữa trị ở Trung Đông và Nam Á), Siddha (một trường phái Ấn Độ về thực hành thông qua yoga).

Ngày 21-6-2015, Ấn Độ tổ chức Ngày Quốc tế Yoga đầu tiên tại đường Rajpath ở New Delhi. Thủ tướng Modi cùng gần 36.000 người từ 152 quốc gia tham gia và thực hiện một số tư thế Yoga trong dịp này. Theo thông tin từ Ấn Độ, lễ kỷ niệm này

⁷⁰ Nye (2004), tr. 255 -270

diễn ra tại 251 thành phố của 191 quốc gia trên toàn thế giới, kể cả Việt Nam. Không chỉ có Thủ tướng Modi, mà còn các quan chức cấp cao khác của chính phủ Ấn Độ như Tổng thống Pranab Mukherjee, Bộ trưởng Ngoại giao Sushma Swaraj, Bộ trưởng Môi trường Prakash Javadekar, Bộ trưởng Nông nghiệp Harish Rawat, Thống đốc Krishan Kant Paul và nhiều vị khác cũng đã tham dự Ngày Quốc tế Yoga đầu tiên và thực hiện các hành động thiết thực nhằm góp phần làm cho yoga trở thành một dấu ấn quan trọng trong văn hóa xuất khẩu của Ấn Độ. Nhân dịp Liên Hiệp Quốc tuyên bố Ngày Quốc tế Yoga, Tổng thống Pranab Mukherjee phát biểu rằng *“Yoga là một bộ môn nghệ thuật, khoa học và triết lý sống”*⁷¹.

Tại Trụ sở Liên Hợp Quốc, Bộ trưởng Ngoại giao Ấn Độ Sushma Swaraj đã tham gia vào ngày Quốc tế Yoga đầu tiên tại New York, cùng với Tổng Thư ký Liên Hợp Quốc Ban Ki-moon, Chủ tịch Đại hội đồng Liên Hợp Quốc lần thứ 69 Sam Kutesa, nhà lãnh đạo tâm linh Ấn Độ Sri Sri Ravi Shankar và nhiều nhà ngoại giao khác. Bộ trưởng Ngoại giao Sushma Swaraj nhấn mạnh rằng: *“Quyết định thành lập ngày quốc tế Yoga của Liên Hiệp Quốc đã cho thấy sự đánh giá cao của thế giới đối với Ấn Độ cũng như đánh dấu sự gia tăng quyền lực mềm tại đất nước này”*⁷². Trong một thế giới luôn hiện hữu bởi bạo lực và xung đột như hiện nay, Ngoại trưởng Ấn Độ nhấn mạnh rằng việc luyện tập yoga chính là một liều thuốc giải độc hoàn hảo để ngăn chặn những khuynh hướng tiêu cực và đưa nhân loại đến với sự bình yên. *“Toàn bộ thế giới là một gia đình, và chúng ta có thể đoàn kết thế giới bằng yoga. Vào thời điểm khi mà các cuộc xung đột sắc tộc và bạo lực cực đoan đang đe dọa làm mất ổn định xã hội, thì yoga sẽ có thể ngăn chặn những điều xấu xa đó để đưa chúng ta tới sự hòa hợp và hòa bình”*⁷³

Ông Prakash Javadekar - Bộ trưởng Môi trường Ấn Độ khẳng định yoga chính là một phần sức mạnh mềm của Ấn Độ. Ông đã thành lập một ban điều hành yoga tại trụ sở của Viện Nghiên cứu Công nghiệp rừng. Trong bài phát biểu ngắn gọn của mình, Bộ trưởng Javadekar kêu gọi mọi người hãy yêu quý yoga và biến nó thành một thói quen hàng ngày để đạt được sức khỏe thể chất và tinh thần. Ông nói *“thủ tướng*

⁷¹ Minh Lý, Đảng Chính (2015), *“Ấn Độ hưởng ứng Ngày Quốc tế Yoga vì sức khỏe”*.

⁷² NDTV (2015), *“UN's Decision to Mark Yoga Day Shows India's Soft Power: Sushma Swaraj”*.

⁷³ NDTV (2015), *“UN's Decision to Mark Yoga Day Shows India's Soft Power: Sushma Swaraj”*.

Narendra Modi đã làm cho khoảng hai tỷ người Ấn Độ ngày hôm nay cảm thấy tự hào vì yoga đã được biết đến trên phạm vi toàn cầu với hơn 170 quốc gia ủng hộ và luyện tập yoga. Đây chính là quyền lực mềm của Ấn Độ”⁷⁴.

Trong khi đó, Bộ trưởng Nông nghiệp Harish Rawat đã khai mạc một buổi tập huấn yoga tại Parade Ground và thông báo kế hoạch để tiếp tục quảng bá yoga. Ông cũng thực hiện một số động tác yoga nhẹ nhàng để tại sự kiện này. Bộ trưởng Rawat cho biết rằng mặc dù yoga đã là một phần của cuộc sống Ấn Độ hàng nghìn năm, nhưng chỉ đến bây giờ yoga mới được chính thức chấp nhận toàn cầu thông qua Ngày Quốc tế Yoga.

Thực hành yoga từ xa xưa của người Ấn Độ đã nhận được sự ngưỡng mộ toàn cầu và trở thành nguồn sức mạnh mềm của Ấn Độ. Các nhân vật nổi tiếng đã giới thiệu yoga tại châu Âu và Mỹ như Paramhansa Yogananda, BKS Iyengar, K. Pattabhi và TKV Desikachar. Sự phát triển mạnh mẽ của các trung tâm yoga trên khắp thế giới, từ Mỹ, Úc, các quốc gia châu Âu, Nam Mỹ, Châu Phi cho đến một số nước châu Á, chứng tỏ rõ ràng sự phổ biến của yoga. Cả Hollywood và Bollywood đều có nhiều ngôi sao tập luyện yoga. Ngày nay, yoga không chỉ là một phần của chương trình giảng dạy và học tập tại Ấn Độ, mà còn ở Mỹ và châu Âu. Hiện nay, có khoảng 40 triệu người trên toàn thế giới thực hành yoga và hơn 600 trung tâm yoga hoạt động ở 40 quốc gia. Riêng tại Mỹ, có hơn 20 triệu người thực hiện yoga và số tiền mà người Mỹ chi tiêu hàng năm cho việc tập luyện này với mục tiêu tăng cường sức khỏe lên tới hơn 10 tỷ USD. Điều này cho thấy yoga đang ngày càng được ưa chuộng và trở thành một phong trào thịnh hành toàn cầu.

Do đó, không chỉ là một hình thức ngoại giao nổi bật được triển khai trong thời kỳ tiền nhiệm của Thủ tướng Modi, yoga cũng đang trở thành một hiện tượng toàn cầu về mặt thương mại, mang lại lợi ích cho Ấn Độ. Ví dụ, nhằm giúp người học có thân hình như người mẫu Tara Stiles, các đĩa DVD hướng dẫn tập yoga "Yoga Inferno" của Jillian Michaels và sách dạy yoga "Slim Calm Sexy Yoga" của các hướng dẫn viên yoga nổi tiếng đã có số lượng phát hành rất lớn trên toàn thế giới. Những sản phẩm này không chỉ giúp lan tỏa và quảng bá văn hóa yoga của Ấn Độ mà còn mang

⁷⁴ The Economic Times (2015), "Yoga is India's soft power, says Prakash Javadekar".

lại thu nhập đáng kể cho đất nước này thông qua thị trường toàn cầu.

2.3.2.3 Di sản Phật giáo

Mối quan hệ giữa Phật giáo và chính sách đối ngoại của Ấn Độ không phải là một mối quan hệ mới, mà mối quan hệ này bắt nguồn từ thời của Hoàng đế Ashoka, sau khi tôn giáo của ông được chấp nhận, người ta đã bắt đầu thực hành pháp “vijaya” hoặc tu tập theo giáo lý của Phật pháp⁷⁵. Từ đó, Ấn Độ đã nhận thức Phật giáo là công cụ sức mạnh mềm quan trọng trong chính sách đối ngoại để đạt được mục tiêu củng cố và gia tăng tầm ảnh hưởng ở khu vực. Trong một bài phát biểu của cựu Ngoại trưởng Ấn Độ Yashwant Sinha từng đề cập về sức mạnh mềm của Ấn Độ như sau: “đó là nền văn hóa, tôn giáo và triết học ưu việt, có ảnh hưởng sâu rộng và lâu đời từ thời cổ đại”⁷⁶. Vì thế, Chính phủ N. Modi đã chú trọng sử dụng chiến lược Ngoại giao Phật giáo để tăng cường mối quan hệ với các quốc gia láng giềng. Ông đã chủ trương nhấn mạnh các liên kết tâm linh và triết học thông qua Phật giáo với phần còn lại của Châu Á, trong đó ưu tiên quan hệ với các nước ở khu vực Nam Á, Đông Á và Đông Nam Á.

Chính phủ Ấn Độ luôn nỗ lực trong việc kết hợp các di sản Phật giáo để tạo cơ sở cho các hiệp hội ngoại giao, kinh tế, văn hóa và chiến lược trong chính sách đối ngoại của mình. Đầu tiên phải kể đến Chính phủ Ấn Độ đã triển khai mạnh mẽ chính sách “Láng giềng là trên hết” và “Chính sách Hướng Đông” dựa trên nền tảng tín ngưỡng nhằm làm sâu sắc thêm mối quan hệ với các quốc gia châu Á trên cơ sở Phật giáo. Năm 2017, châu Á chiếm 98,4% dân số Phật giáo của thế giới với 521.107.000 tín đồ⁷⁷. Các quốc gia có dân số Phật giáo cao nhất đều nằm ở khu vực Đông Bắc Á (Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc), Đông Nam Á (Thái Lan, Việt Nam, Myanmar, Campuchia) và Nam Á (Sri Lanka, Ấn Độ)⁷⁸. “Phật giáo vẫn luôn là một chỉnh thể triết học toàn diện, chứa đựng mọi khía cạnh của một nền văn hóa vật chất lẫn tinh thần đã dẫn dắt nhân loại qua nhiều thế kỷ. Trong nhiều thế kỷ, Phật giáo là nền tảng vững chắc cho những chuyển biến về xã hội và văn hóa ở châu Á. Nó đóng vai trò cốt

⁷⁵ Zhang (2012), tr. 9-10

⁷⁶ Chacko (2013), tr. 132

⁷⁷ Stobdan (2017)

⁷⁸ Johnson & Grim (2018), tr.28

lỗi trong bản sắc văn hóa và giữ vị trí quan trọng chưa từng có trong khắp châu Á, đặc biệt là trên phương diện kết nối về tâm linh giữa các quốc gia với ảnh hưởng lâu dài”⁷⁹ Chính vai trò cốt lõi trong bản sắc văn hóa châu Á khiến cho Phật giáo là một mảnh ghép quan trọng trong chiến lược nâng cao vị thế và tầm ảnh hưởng của Ấn Độ ở phía Đông, khẳng định rằng mình có một nền tảng giá trị chung trong suốt chiều dài lịch sử với một bộ phận lớn người dân và các quốc gia trong khu vực, từ đó tăng cường thêm tính tin cậy và thuyết phục để gia tăng sức mạnh mềm tại khu vực.

Chính sách triển khai di sản Phật giáo ở từng khu vực được Thủ tướng N. Modi nhấn mạnh bằng việc đưa Phật giáo là một những yếu tố thường xuyên trong các chuyến thăm ngoại giao của ông

Ở khu vực Đông Nam Á, Chính phủ Ấn Độ đặc biệt triển khai chiến lược Ngoại giao Phật giáo với Thái Lan bởi vì Thái Lan từng có các mối liên hệ văn hóa mạnh mẽ hơn Ấn Độ. Như Thủ tướng N. Modi đã từng khẳng định “Từ truyền thuyết thần Râm đến Trí huệ của Đức Phật, mối quan hệ của chúng ta được hình thành dựa trên di sản văn hóa chung [Pmindia, 2016]. Thực tế là quan hệ Phật giáo của hai quốc gia từng được thiết lập từ hai ngàn năm trước đây trong thời kỳ trị vì của hoàng đế Ashoka ở Magadh đã làm tăng thêm cảm xúc gắn gũi về quan hệ văn hóa của cả hai nước [MEA, 2013]. Hay như công chúa Thái Lan - Maha Chakri Sirindhorn, được biết đến là một biểu tượng của di sản văn hóa chung Ấn Độ - Thái Lan hay Ấn Độ - Đông Á, biểu hiện qua tình yêu của cô dành cho đất nước Ấn Độ cùng như những chuyến du lịch của cô đến đất nước này. Cô là một nhà giáo dục và học giả về tiếng Phạn và tiếng Pali. Công chúa là người đầu tiên được nhận giải World Sanskrit Award của ICCR [MEA, 2016].

Bên cạnh đó, ở các quốc gia khác của khu vực Đông Nam Á khác, chủ trương của Ấn Độ luôn lấy Phật giáo làm hạt nhân tạo sự liên kết, gắn bó giữa Ấn Độ và các quốc gia Phật giáo khác trong khu vực. Đơn cử như ngoài việc miễn lệ phí thị thực cho các nhà sư Thái Lan đi hành hương đến Ấn Độ mà Ấn Độ còn giúp Campuchia khôi phục đền thờ Angkor Wat cũng như đây mạnh quan hệ Phật giáo với Việt Nam...chính vì những điều này đã giúp Ấn Độ vượt qua Trung Quốc về mặt tạo ảnh

⁷⁹ Stobdan (2016)

hưởng ở khu vực Đông Nam Á [Das, 2013, tr. 171-173]. Ngoài ra ICCR thường xuyên tổ chức các hội nghị với các chủ đề Phật giáo ở Việt Nam, Thái Lan, Trung Quốc, Singapore, và Myanmar và các nước trong khu vực Đông Nam Á khác nhằm tập trung vào việc thúc đẩy các quan hệ Phật giáo ở các quốc gia này.

Dấu ấn của những nền văn hóa Ấn Độ giáo và Phật giáo vẫn còn được thể hiện rõ nét trong văn hóa của các quốc gia Đông Á, Nam Á và Đông Nam Á. Thực tế, sự lan tỏa các giá trị của nền văn hóa Ấn Độ mang sắc thái hòa bình, không có chức năng “đồng hóa”, dễ dàng hòa tan vào dòng chảy của nền văn hóa truyền thống bản địa và góp phần tạo nên nền văn hóa độc đáo riêng của những dân tộc, quốc gia tiếp xúc với nó [Pauker & van Leur, 1956, tr. 95]. Trong cuốn sách *Truyền đạt sức mạnh mềm của Ấn Độ: Đức Phật với Bollywood* (Communicating India's Soft Power: Buddha to Bollywood), Daya Kishan Thussu đã cho rằng “nền văn minh Ấn Độ đã khai sinh ra một số tôn giáo lớn trên thế giới và theo thời gian đã hòa nhập vào kết cấu xã hội của nó nhiều người khác. Khoa học, tâm linh, nghệ thuật và đức tin đã phát triển qua hàng thiên niên kỷ ở tiểu lục địa đã tìm đường đi khắp các khu vực khác, mang lại cho Ấn Độ một lượng 'sức mạnh mềm' đáng kể từ rất lâu trước khi thuật ngữ này được đặt ra [Thussu, 2016, tr. 45-63]. Như vậy có thể thấy, từ rất sớm, Ấn Độ thông qua con đường lan toa các giá trị văn hóa đã xây dựng cho mình một hình ảnh thân thiện trong nhận thức của nhiều quốc gia trên thế giới.

2.3.2.4 Phát triển loại hình du lịch về đất Phật

Đối với Ấn Độ, du lịch tâm linh với các tour hành hương thực sự đóng vai trò then chốt trong việc cân bằng lại sức mạnh ở Đông Nam Á và Đông Á. Ngoại giao liên quan đến Phật giáo hiện được coi là một công cụ thuyết phục quan trọng trong chính sách đối ngoại. Chính phủ Ấn Độ đang tăng cường hoạt động tại các di tích có liên quan đến Phật giáo, những nơi trước đây đã bị bỏ sót, và đầu tư nhiều hơn vào việc bảo tồn và thúc đẩy sức mạnh của chúng. Điều này giúp Ấn Độ thúc đẩy hình ảnh và vị thế của mình trong khu vực và trên thế giới thông qua việc quảng bá văn hóa tâm linh và di sản Phật giáo của đất nước. Sự phát triển nhanh chóng của các chuyến du lịch hành hương trong nước và nước ngoài đã thu hút sự chú ý của du khách đến những

nơi ở Bihar, Madhya Pradesh, Maharashtra và Orissa, đồng thời chứng tỏ sự nỗ lực của chính phủ Ấn Độ trong việc đưa hình ảnh một quốc gia lớn, đa sắc màu và hấp dẫn đến với mọi người trên thế giới.

2.3.2.5 Thực hiện các chuyến công du chính thức nước ngoài

Từ khoản thời gian đầu tiên của nhiệm kỳ Thủ tướng Narendra Modi, dưới sự lãnh đạo của ông chính sách "Nhìn về phía Đông" của Ấn Độ đã trở thành "Hành động về phía Đông", thể hiện sự tích cực hơn của Ấn Độ trong việc củng cố quan hệ giữa hai trung tâm phát triển trong khu vực Á châu mới nổi. Ấn Độ đã sử dụng Phật giáo để thu hút và ảnh hưởng đến các nước trong và ngoài khu vực này. Ngay sau khi nhậm chức, Thủ tướng Modi đã thực hiện chuyến công du chính thức tới hai quốc gia Phật giáo láng giềng là Bhutan và Nepal - nơi đức Phật sinh ra. Điều này được tiếp tục bằng các chuyến thăm chính thức tới Nhật Bản, Myanmar và Trung Quốc - ba quốc gia Phật giáo khác nằm ngoài khu vực truyền thống Nam Á của Ấn Độ. Trong những chuyến viếng thăm ngoại giao chính thức này, Thủ tướng Modi cũng đã thăm các đền và tu viện Phật giáo. "Trong tất cả các chuyến đi nước ngoài của tôi, tôi luôn dành một ngày để thăm một ngôi chùa Phật giáo," ông khẳng định. Trong chuyến thăm Nhật Bản vào tháng 8 năm 2014, ông đã cùng người dân và du khách cầu nguyện tại hai ngôi chùa cổ kính nổi tiếng Toji và Kinkakuji của quốc gia này. Tương tự, trong chuyến thăm Sri Lanka vào tháng 3 năm 2015, Modi đã gặp gỡ các nhà sư Phật giáo tại đền Mahabodhi ở Colombo - Sri Lanka và cầu nguyện dưới cây bồ đề thiêng liêng tại thành phố Anuradhapura. Vào tháng 5 năm 2015, trong chuyến thăm Trung Quốc kéo dài 3 ngày nhằm củng cố hợp tác kinh tế giữa hai quốc gia, Bộ trưởng Ngoại giao Ấn Độ Sushma Swaraj đã chọn Myanmar là điểm đến đầu tiên của chuyến công du nước ngoài của mình vào tháng 8 năm 2014.

Như vậy, thông qua hoạt động "ngoại giao Phật giáo", Ấn Độ hy vọng có thể kết nối với những người thuộc các khu vực ảnh hưởng truyền thống của Ấn Độ trong lịch sử: Nam Á, Đông Á và đặc biệt là Đông Nam Á. Do đó, ngoại giao Phật giáo là một công cụ hiệu quả trong việc thể hiện sức mạnh mềm của Ấn Độ trong các khu vực nêu trên. Tầm quan trọng của Phật giáo trong tài nguyên sức mạnh mềm của đất nước này được xác nhận thêm bằng diễn văn của Thủ tướng Modi: "Người ta nói rằng thế kỷ 21

sẽ là thế kỷ của châu Á và không ai tranh cãi về điều này..... Mà không có Phật, thế kỷ này sẽ không thể là thế kỷ của châu Á."⁸⁰ Thực tế, chính phủ Modi đang cố gắng thúc đẩy việc xây dựng Ấn Độ trở thành trung tâm Phật giáo thế giới và đang nỗ lực mở rộng sức mạnh mềm của Ấn Độ bằng cách sử dụng liên kết với Phật giáo trong chính sách đối ngoại cả về mặt chính trị và kinh tế.

⁸⁰ Kadir Pethiyagoda (2015), "Modi deploys his culture skills in Asia", *Brookings India*.

Tiểu kết

Ngoại giao văn hóa của Ấn Độ đề cao sử dụng sức mạnh mềm như một công cụ quan trọng và quyết tâm tận dụng nó để xây dựng vị thế một cường quốc và hình ảnh tích cực của đất nước trong khu vực Châu Á cũng như trên phạm vi toàn cầu. Việc kết hợp các nguồn lực sức mạnh mềm, từ sự hấp dẫn của ngành công nghiệp điện ảnh Bollywood đến sự truyền thống tinh túy của đạo Phật hay môn Yoga tôn vinh sự bình an, đã được đẩy mạnh trong chính sách đối ngoại Ấn Độ dưới sự lãnh đạo của Thủ tướng Narendra Modi. Chính phủ Ấn Độ quyết tâm thay đổi hình ảnh của quốc gia từ một nước không thể hoặc không muốn có khả năng chiếm vị trí "người chơi lớn" trên trường quốc tế.

Tài nguyên sức mạnh mềm của Ấn Độ đã góp phần mạnh mẽ vào ngoại giao văn hóa của quốc gia này. Sự phát triển của đạo Phật đã trở thành một liên kết quan trọng giữa thế giới và văn hóa Ấn Độ, giúp văn hóa này lan tỏa ảnh hưởng đến mọi miền của thế giới, đặc biệt là các quốc gia khu vực Đông Nam Á. Những bộ phim và tác phẩm điện ảnh Ấn Độ đã làm say đắm lòng người ở nhiều nơi trên trái đất, ghi dấu thương hiệu Bollywood trong lòng khán giả toàn cầu. Chính phủ Ấn Độ cũng khéo léo sử dụng Bollywood như một cây cầu và yếu tố quan trọng trong quá trình mở rộng quan hệ ngoại giao với các quốc gia khác. Hơn thế nữa, Yoga đã trở thành công cụ mềm thành công nhất của Ấn Độ, được công nhận bởi Liên Hợp Quốc qua Ngày Yoga Quốc tế và tổ chức các sự kiện Yoga tại hàng nghìn thành phố và quốc gia hàng năm. Những nguồn lực sức mạnh mềm này không chỉ biến Ấn Độ thành một thương hiệu thân thiện và hoà bình với thế giới và khu vực Đông Nam Á, mà còn là công cụ quan trọng trong ngoại giao văn hóa, giúp Ấn Độ thăng tiến đến vị thế một cường quốc đang nổi lên, một người chơi quan trọng thay vì chỉ là một "quan sát viên tầm thường". Có thể khẳng định rằng việc xây dựng thương hiệu ngoại giao mới thông qua việc tăng cường sức mạnh mềm của Chính phủ Ấn Độ đã đạt được thành công trong việc xây dựng một phương pháp thống nhất và chiến lược về ngoại giao văn hóa. Tuy nhiên, chính sách ngoại giao văn hóa của Ấn Độ vẫn còn hạn chế và chưa đạt được hiệu quả như mong đợi.

Chương 3. NHẬN XÉT VỀ NGOẠI GIAO VĂN HOÁ CỦA ẤN ĐỘ ĐỐI VỚI ĐÔNG NAM Á THỜI KỲ THỦ TƯỚNG MODI

3.1 Những thành tựu và thách thức

3.1.1 Thành tựu của quá trình triển khai ngoại giao văn hoá của Ấn Độ thời kỳ thủ tướng Modi

3.1.1.1 Thành tựu

Chính phủ của Thủ tướng Modi đã nâng cấp Chính sách "Hướng Đông" thành "Hành động phía Đông", thể hiện sự hiện diện mạnh mẽ của Ấn Độ với các nước Đông Á và Đông Nam Á. Trong thời gian gần đây, nhận thức về vai trò và vị trí của Ấn Độ đã được thay đổi đáng kể. Ấn Độ tham vọng trở thành một cường quốc trên thế giới, trở thành “nhà tạo dựng quy tắc” trên cục diện. Để đạt được mục tiêu này, Ấn Độ đã xây dựng và triển khai học thuyết ngoại giao của riêng mình - "Panchamrit", với năm trụ cột: (1) nhân phẩm, (2) đối thoại, (3) chia sẻ sự thịnh vượng, (4) an ninh khu vực và toàn cầu và (5) các liên kết văn hóa và văn minh bằng tư tưởng chủ đạo.

Thủ tướng Modi đã khẳng định tham vọng này tại một buổi diễn thuyết tại Đại học Bamaras Hindu: “Trong thời đại hiện nay, có thể được coi là một kỷ nguyên của kiến thức, vai trò và trách nhiệm của chúng ta đã tăng lên. Chúng ta phải nổi lên như một Guru Vishwa, không chỉ để cung cấp hướng đi mới cho thế giới, mà còn để bảo vệ di sản của chúng ta”⁸¹

Đồng thời, chính sách đối ngoại của Ấn Độ cũng mang tính cách mạng hơn so với lịch sử trước đây. Thay vì do dự và ngập ngừng, chính sách đối ngoại dưới thời Thủ tướng N. Modi đã vượt qua những rào cản lịch sử. Sự kiện máy bay của N. Modi hạ cánh trong thời gian ngắn tại Lahore cuối năm 2015, hay các cuộc đột kích của binh lính Ấn Độ qua tuyến kiểm soát tạm thời nhằm vào những căn cứ khủng bố ở vùng Kashmir do Pakistan chiếm đóng xảy ra vào cuối tháng 9 năm 2016 cũng như việc thúc đẩy hợp tác tiểu vùng Nam Á kể từ cuối năm 2014... Tất cả đều là nằm trong chiến lược rộng của N. Modi, nhằm khôi phục vị thế ưu việt của Ấn Độ. Ông đã kiên quyết giải quyết xung đột và mở rộng lĩnh vực hợp tác, đồng thời mạnh mẽ đối mặt với các lực lượng đối lập khi cần thiết.

⁸¹ Martin, 2015

Ông có khả năng xây dựng lòng tin và giảm thiểu tranh luận về chính sách này không chỉ trong người dân Ấn Độ mà còn trong các quốc gia khác. Phong cách ngoại giao của ông tập trung vào việc giải quyết vấn đề bằng cách cân nhắc một loạt các lựa chọn thay thế và đưa ra những quyết định tối ưu cho mỗi tình huống. Nhìn nhận đây là một phong cách ngoại giao hấp dẫn, ông đã thể hiện khả năng làm tan băng trong quan hệ với các đối tác. Sự khác biệt này trong cách tiếp cận được đánh giá cao và tạo sức hấp dẫn trong việc xây dựng mối quan hệ tốt với các đối tác quốc tế. Nhằm mục đích nâng cao vị thế của Ấn Độ trên đấu trường quốc tế, Thủ tướng Modi đã khéo léo tạo dựng mối quan hệ cá nhân tốt với Tổng thống Mỹ Barack Obama, các nhà lãnh đạo khác trên thế giới như Angela Merkel, Shinzo Abe... Ngoài ra, Ấn Độ còn nhận được nhiều sự ủng hộ trên phạm vi toàn cầu khi Chính phủ N. Modi đã có những ý tưởng, chương trình nghị sự mới gắn kết chặt chẽ với các mục tiêu phát triển bền vững. Ngoài ra, chiến lược ủng hộ giải pháp công bằng cho thỏa thuận về chống biến đổi khí hậu toàn cầu, loại trừ nghèo đói cùng như ủng hộ cuộc sống hòa hợp với thiên nhiên cũng là điểm sáng khác biệt của N. Modi với những người tiền nhiệm.

Hơn thế nữa, Chính sách Ngoại giao văn hóa của Ấn Độ đã giúp cho đất nước này tăng cường kết nối văn hóa với các quốc gia khác trên thế giới. Trong gần một nhiệm kỳ Thủ tướng N. Modi cầm quyền, ông đã thể hiện rõ tư tưởng, tầm nhìn toàn cầu của người hoạch định chính sách cũng như lãnh đạo thực hiện chính sách đó. Ông đã đích thân thực hiện nhiều chuyến viếng thăm, các cuộc gặp gỡ cấp cao với các nhà lãnh đạo trên khắp năm châu. Để kết nối các quốc gia bằng nền tảng văn hóa, trong các cuộc gặp gỡ viếng thăm ông luôn luôn giới thiệu, thể hiện và truyền bá các giá trị Ấn Độ.

Ngoại giao văn hóa thời Chính phủ N. Modi thể hiện rõ nét trong việc ông tích cực thúc đẩy giá trị truyền thống và hiện đại của Ấn Độ ra toàn thế giới. Tác giả Ted Piccone từng nhận định rằng: *“Ông thể hiện rõ tầm nhìn về thế giới quan tâm linh và triết học sâu sắc và coi đây là những đóng góp độc đáo của Ấn Độ cho thế giới. Ông giới thiệu, quảng bá về nền dân chủ sôi động của Ấn Độ, giới thiệu về đặc điểm “thống nhất trong đa dạng”, không chỉ là phần không thể thiếu cho việc quản lý xã hội phức tạp của mình mà còn là con đường cần thiết cho hòa bình và cùng tồn tại trên thế giới, một thế giới cho phép đất nước mình mức độ phát triển và thịnh vượng, bền vững”*.

Ted Piccone cũng cho rằng “*Là một người Hindu mộ đạo, N. Modi không ngần ngại khi giáng những đức tính mà ông coi không phải là một tôn giáo mà là một lối sống bao gồm tất cả các quy tắc gắn kết xã hội...*”⁸²

Nhằm mục đích giới thiệu, kết nối, tăng cường mối quan hệ hữu nghị giữa cá nước, Chính phủ N. Modi đã tiếp cận bằng cách đan xen giữa các giá trị văn hóa truyền thống và hiện đại. Một ví dụ điển hình như trong chuyến thăm Iran từ ngày 22 đến ngày 23 tháng 5 năm 2016, tại cuộc trưng bày lớn về quan hệ Ấn Độ - Iran, ông đã giới thiệu một bản sao của tập ban thảo viết tay Panehatantra từ thế kỷ XV (đang bảo quản tại thư viện Razu ở Rampur, bang Uttar Pradesh)⁸³ Ông cũng trực tiếp tham dự Hội thảo “Ấn Độ - Iran - hai nền văn minh vĩ đại: Hội trường và triển vọng”, trong đó các nghệ sĩ hai nước cùng ngâm thơ và biểu diễn nghệ thuật âm nhạc truyền thống.

Như vậy, qua những thành công đạt được qua chính sách ngoại giao văn hóa năng động, linh hoạt, Ấn Độ đã thể hiện rằng mình là một quốc gia đang chuyển mình mạnh mẽ cùng như định vị mình là một quốc gia có vị thế cao trong cộng đồng quốc tế.

3.1.1.2 Cơ sở để đạt được thành tựu

Thứ nhất, Ấn Độ đã lựa chọn đúng đắn khi lấy văn hóa là nền tảng sức mạnh mềm của Ấn Độ. Với lợi thế sở hữu các giá trị phổ quát xuất phát từ nền văn hóa chính trị xuất hiện từ cuộc đấu tranh giành tự do của Ấn Độ đã xác định được sức mạnh mềm của Ấn Độ trong nhiều thập kỷ sau khi giành được độc lập. Tuy nhiên, khoảng thời gian từ năm 2000 trở đi, xét theo điều kiện lịch sử và các nền văn minh thì nền văn hóa đang nổi lên là trọng tâm của việc triển khai sức mạnh của Ấn Độ. Điều này phù hợp với sự thay đổi của quan hệ chính trị quốc tế sau chiến tranh Lạnh. Sự tan rã của Liên bang Xô Viết và Chiến tranh Lạnh chấm dứt đã khiến việc kiểm soát mang tính ý thức hệ đối với các ranh giới chính trị được nới lỏng dẫn tới kết quả là các vấn đề về dân tộc, sắc tộc, văn hóa và tôn giáo trở thành những mối quan tâm mới trong các hoạt động chính trị quốc tế.

Chính phủ Ấn Độ đã thực hiện Chính sách Hành động phía Đông [Manish, 2014]. Trong chính sách này, Ấn Độ muốn nhấn mạnh rằng ý nghĩa của “sự kết nối”

⁸² Piccone, Hsu, & Sarukhan (2017)

⁸³ Tehran (2016)

với Đông Nam Á ở đây không những là sự kết nối về vật chất mà còn về văn hóa. Theo đó, Ấn Độ đã thực hiện sự kết nối bằng cách phục hồi các mối quan hệ văn hóa Phật giáo Ấn Độ và Hindu giáo cổ xưa của Ấn Độ với Đông Nam Á và làm tái hiện những giá trị đó, tiêu biểu ở các quốc gia như Thái Lan, Myanmar, Malaysia, Indonesia...

Chiến lược lấy văn hóa làm nền tảng còn thể hiện ở việc Ấn Độ đã ủng hộ việc phục hồi chủ nghĩa Châu Á về mặt văn hóa và khôi phục mối liên hệ văn hóa cổ xưa ở khu vực này. Có thể nói chủ nghĩa châu Á này khác với chủ nghĩa châu Á theo học thuyết Nehru, mà chủ nghĩa này đã được định hình từ cuộc đấu tranh chống chế độ thực dân⁸⁴ chủ nghĩa này với nội chính là đề nghị khôi phục các mối liên hệ văn hóa thời cổ đại cùng nhằm tạo ra một không gian địa chính trị Ấn Độ - Thái Bình Dương hợp nhất.

Hơn thế nữa, chiến lược phát triển khía cạnh văn hóa trong ngoại giao đã có sự thay đổi rõ rệt sau Chiến Tranh Lạnh. Trong thời kỳ do Thủ tướng N. Modi lãnh đạo đã thúc đẩy các kết nối thương mại, cơ sở hạ tầng và văn hóa giữa Ấn Độ với cộng đồng quốc tế đã tạo ra một động lực mạnh mẽ cho việc thực hiện mục tiêu chiến lược này.

Thứ hai, sức mạnh mềm của Ấn Độ có cách tiếp cận ôn hòa và hướng tới các giá trị phổ quát. Những đặc trưng văn hóa của Ấn Độ như Yoga, Triết học hay Phật giáo lại đang ngày càng mở rộng ảnh hưởng của mình trên khắp thế giới. Ấn Độ truyền bá văn hoá của mình một cách ôn hòa, như Phật giáo là một ví dụ. Trong vòng vài trăm năm, chỉ bằng những lời rao giảng, các tăng sĩ Ấn Độ đã truyền bá Phật giáo ra khắp miền Đông Á, Đông Nam Á và sau đó lan ra khắp thế giới. Thật vậy, Ấn Độ đã quảng bá các đặc trưng văn hóa của đất nước mình một cách hiệu quả bằng cách tiếp cận dựa trên sự ôn hòa và hướng đến các giá trị phổ quát mà quốc gia nào cũng biết đến. Đó cũng chính là chìa khóa giúp văn hóa Ấn Độ lan tỏa sâu rộng trên khắp thế giới hiện nay. Gần như không cần đến sự hỗ trợ từ phía Chính phủ Ấn Độ, với lợi thế khi có những ưu diễm gần như vượt trội, sức mạnh mềm đã tự động mở rộng các đặc trưng văn hóa của quốc gia Ấn Độ đến mọi miền trên thế giới. Một ví dụ điển hình của

⁸⁴ Jaffrelot (2003), tr. 35-68

ưu diêm này là các tín đồ Phật giáo ở Sri Lanka đã được Ấn Độ chấp thuận đến hành hương tại các thánh địa của Ấn Độ⁸⁵ được thuận tiện hơn mà hơn thế nữa New Delhi chỉ cần dọn đường để làm cho quá trình này diễn ra tốt đẹp hơn mà không làm bất cứ hành động nào khác.

Ở khía cạnh bản chất, chính sách đối ngoại của Ấn Độ từ khi giành độc lập cho đến nay luôn thể hiện sắc thái hòa bình⁸⁶ Đây chính là đặc điểm vượt trội giúp Ấn Độ nhận được sự ủng hộ của các quốc gia trong khu vực và trên thế giới.

Thứ ba, cộng đồng Ấn kiều của Ấn Độ đóng một vai trò quan trọng trong sự phát triển ngoại giao văn hóa của Ấn Độ. Ấn Độ được xem là quốc gia có cộng đồng kiều dân lớn nhất thế giới. Qua đó, Ấn Độ đã tập trung vào việc phát huy vai trò của cộng đồng Ấn Kiều như là một công cụ sức mạnh mềm ngay cả khi người dân không trở về Ấn Độ. Tại lễ kỷ niệm Pravasi Bharatiya Divas để vinh danh cộng đồng Ấn kiều tại nước ngoài, Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi đã phát biểu: *“Chúng tôi đang biến chảy máu chất xám thành lợi ích từ chất xám”*⁸⁷ Điều đó cho thấy, Chính quyền N. Modi rất coi trọng Ấn kiều và đã thực hiện những hành động thiết thực để thắt chặt mối quan hệ sâu rộng với cộng đồng người Ấn kiều như: gia tăng các cam kết đối với người dân sống xa quê hương, tăng cường mối quan hệ của họ ở quê hương và nâng cao vị thế của họ tại nước sở tại.

Trong các chuyến viếng thăm của Thủ tướng N. Modi đến các quốc gia có cộng đồng người Ấn Kiều tập trung đông dân cư ông luôn gặp gỡ, trao đổi thân tình, tạo nên mối quan hệ bình dị với Ấn Kiều. Như chuyến thăm của ông tới Seychelles vào tháng 3 năm 2015, hay thăm Thượng Hải, Trung Quốc vào tháng 5 năm 2015, thăm Brussel vào tháng 3 năm 2016, thăm Johannesburg tháng 7-2016 và nhiều nơi khác, Thủ tướng N. Modi luôn khuyến khích, kêu gọi Ấn kiều sở tại yên tâm làm ăn, gia tăng quan hệ với Đất Mẹ.

Ngoài ra, ông đã đích thân tham dự buổi Lễ Khánh thành Trung tâm Văn hóa Ấn kiều - India Diaspora Center) ở New Delhi (Pravasi Bharatiya Kendra) nhân dịp kỷ niệm ngày sinh Mahama Gandhi, vào ngày 2 tháng 10 năm 2016. Tại buổi lễ, Thủ

⁸⁵ Balachandran (2017)

⁸⁶ Vinod & Deshpande (2013), tr. 8

⁸⁷ Chân (2017)

tướng N. Modi đã nhấn mạnh rằng: “*Ấn Độ không chỉ nhìn nhận Ấn kiều của chúng ta về số lượng (Sankhya) mà hãy nhìn nhận về sức mạnh của họ (Shakti)*”⁸⁸

Thứ tư, Ấn Độ là một đất nước có sự hòa quyện của nhiều nền văn hóa, mang đặc tính văn hóa của thế giới. Ấn Độ là một trong những quốc gia lớn nhất và đông dân nhất trên thế giới, đồng thời là nơi sinh sống của nhiều cộng đồng khác nhau, mỗi cộng đồng đều có những ảnh hưởng văn hóa riêng biệt của riêng mình. Vì có sự pha trộn của nhiều nền văn hóa khác nhau, nên có sự khác biệt trong nghệ thuật, kiến trúc, hình thức khiêu vũ, hình thức sân khấu, âm nhạc... Sự đa dạng về văn hóa cũng chính là điểm thu hút của Ấn Độ đối với các quốc gia khác trên thế giới.

Ngoài ra, Ấn Độ còn là một đất nước có số lượng lớn các chủng tộc di cư, chủ yếu đến từ các hướng Tây và Đông. Do đó, Ấn Độ có sự đa dạng về chủng tộc với 8 nhóm dân tộc chính trong đó chủng tộc Mông Cổ và Dravidian chiếm số lượng lớn ở Ấn Độ⁸⁹. Việc phân nhóm dựa trên nhiều đặc điểm như màu da, dạng tóc, kiểu mắt hoặc mũi, v.v. Những đặc điểm này là đặc điểm riêng biệt và có tính kế thừa.

Hơn thế nữa, người ta còn biết đến Ấn Độ là một nước nhận sự ảnh hưởng của các ngôn ngữ. Ấn Độ có tới 1652 ngôn ngữ và phương ngữ, trong đó, có 22 ngôn ngữ được công nhận là tiếng Assam, tiếng Bengali, tiếng Hindi, tiếng Gujarati, tiếng Kannada Tiếng Hindi trong hệ thống chữ Devnagri được hiến pháp công nhận là ngôn ngữ chính thức của Ấn Độ. Ấn Độ có vị trí cao thứ hai thế giới số ngôn ngữ, sau Papua New Guinea⁹⁰. Bên cạnh đó, Ấn Độ là một vùng đất đa tôn giáo. Sự gắn kết của nhiều nền văn hóa và tôn giáo khác như Đạo Phật, Đạo Thiên chúa, Đạo hồi, Đạo Hindu, Cơ đốc giáo, Kỳ Na giáo và Zoroastrianism đã tạo nên một bản sắc riêng biệt của Ấn Độ mà ít có nước nào có được.

Tất cả sự đa dạng văn hoá trên đã giúp Ấn Độ thành một bức tranh đầy màu sắc và rực rỡ. Dù thuộc về các tôn giáo, tầng lớp, văn hóa, sắc tộc hay niềm tin khác nhau, người dân Ấn Độ luôn sống hạnh phúc và hòa bình dựa trên tôn trọng lẫn nhau. Đó chính là sự đoàn kết tạo nên một văn hóa chung và một lối sống chung, làm nảy sinh danh tính văn hóa của Ấn Độ. Từ đó, Ấn Độ trở thành một quốc gia có "đoàn kết trong

⁸⁸ Pardesi (2015)

⁸⁹ Pracin Jain Academy (2021)

⁹⁰ Krishnan (2019)

sự đa dạng chứ không phân hóa", tồn tại sâu sắc trong hàng nghìn năm. Điều này giúp duy trì hòa bình, hài hòa và thịnh vượng trong Ấn Độ.

3.1.2 Những thách thức đối với ngoại giao văn hoá của Ấn Độ

3.1.2.1 Thách thức

Ấn Độ là một quốc gia có nguồn lực mềm mạnh mẽ với việc truyền bá các giá trị văn hóa thông qua đạo Phật và triết học, yoga và y học cổ truyền, âm thực, nhạc và múa truyền thống, các lễ hội và nhiều loại nghệ thuật khác. Đồng thời, Ấn Độ mạnh mẽ ủng hộ các giá trị dân chủ và tự do.

Tuy nhiên, mặc dù tiềm năng sức mạnh mềm không lồ, nhiều người cho rằng Ấn Độ chưa triệt hạng hiệu quả các nguồn lực này và biến chúng thành "quyền lực" để nâng cao vị thế của mình.

Trong bảng xếp hạng "Chỉ số sức mạnh mềm toàn cầu" năm 2021 của công ty tài chính Brand Finance của Anh mới đây công bố, Ấn Độ xếp hạng thứ 36 trong top 100 quốc gia có chỉ số sức mạnh mềm cao nhất thế giới năm 2021. Vị trí này của Ấn Độ đã giảm vài bậc so với năm 2020⁹¹. Điều này đặt ra câu hỏi tại sao Ấn Độ, một quốc gia có rất nhiều nguồn lực mềm, không thể chuyển đổi các khía cạnh tài nguyên của mình lại bị lu mờ bởi những khía cạnh cứng rắn của nó?

Điều đáng ngạc nhiên nhất là trong phạm vi ảnh hưởng của ngoại giao và đối ngoại nhân dân - vốn là những phạm trù sức mạnh mềm - Ấn Độ lại lép vế so với các nước như Nhật Bản và Trung Quốc⁹². Toàn cầu hóa giáo dục là một ví dụ điển hình về ngoại giao không có hiệu quả của Ấn Độ. Theo thống kê, Ấn Độ xếp thứ 9 về số lượng sinh viên quốc tế châu Á đăng ký học trong năm học 2016-2017. Cho thấy rằng, Ấn Độ có quá ít sự trao đổi học thuật và lượng sinh viên quốc tế rất hạn chế - điều này ngăn cản sự "thụ phấn chéo" của các ý tưởng - mặc dù là một quốc gia có vô cùng sự quan tâm cao của nước ngoài.

3.1.2.2 Nguyên nhân

Mặc dù Ấn Độ là một quốc gia có tiềm năng ngoại giao văn hóa, tuy nhiên phải nhìn nhận rằng Ấn Độ là quốc gia đang phải đối mặt với một số hạn chế từ những nguyên nhân như sau:

⁹¹ Branch Finance (2021)

⁹² Lowy Institute (2020)

Thứ nhất, các chính sách liên quan đến ngoại giao văn hóa của Ấn Độ không nhất quán và sức mạnh mềm bị hạn chế. Nhiều học giả đang hoài nghi về tính hiệu quả của chiến lược ngoại giao văn hóa trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ. Mặc dù Ấn Độ đang cố gắng nỗ lực kết hợp ngoại giao văn hóa như một công cụ của sức mạnh mềm trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ, nhưng có quan điểm cho rằng dường như Ấn Độ chỉ tập trung nhiều vào “*quản lý hình ảnh quốc gia hơn là xây dựng mối quan hệ lâu dài*”. Đó cũng chính là hạn chế trong việc không nhất quán trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ. Bên cạnh đó, Mukherjee đã quy các hạn chế về sức mạnh mềm của Ấn Độ là do ba yếu tố trung tâm: (1) sức mạnh mềm của Ấn Độ bị phóng đại quá mức, (2) Ấn Độ không có đủ sức mạnh cứng để phù hợp với sức mạnh mềm của mình và (3) cuối cùng Ấn Độ không chắc chắn về loại sức mạnh mình muốn trở nên⁹³. Chính vì thế, Ấn Độ cần phải phá bỏ những khuôn sáo của chính sách ngoại giao văn hóa trong quá khứ và cải thiện các nguồn lực sức mạnh mềm trong việc thúc đẩy thể chế và phổ biến sự sống động văn hóa rộng lớn của mình ở nước ngoài.

Thứ hai, các chính sách đối ngoại dùng văn hóa như là công cụ của Ấn Độ đang đối mặt với thách thức từ các nước lớn. Kế hoạch của Ấn Độ là sử dụng các mối liên hệ cổ xưa của mình với Phật giáo để sử dụng nó như một phần của ngoại giao văn hóa nhằm tăng cường mối quan hệ với Nepal, Bhutan, Thái Lan, Myanmar bị lép vế hơn so với bởi các chính sách ngoại giao văn hóa khôn khéo của Trung Quốc⁹⁴. Ví dụ, vào tháng 12 năm 2013 Ấn Độ và Myanmar đồng tài trợ cho một hội nghị 3 ngày của các học giả Phật giáo tại Học viện Phật giáo Quốc tế Sitagu ở Yangon. Tuy nhiên, về phía Trung Quốc, Chính phủ nước này đang tài trợ cho một dự án trị giá 3 tỷ đô la để phát triển Thánh địa Lumbini ở Nepal, nơi Đức Phật được sinh ra kết hợp với một sân bay mới, kết nối đường cao tốc, khách sạn, trung tâm hội nghị, chùa chiền và Đại học Phật giáo. Cho thấy chiến lược ngoại giao văn hóa của Ấn Độ còn mờ nhạt so với Trung Quốc. Do đó, Ấn Độ cần có một kế hoạch bài bản để đánh bại và vượt qua Trung Quốc trong việc sử dụng Phật giáo như một công cụ Ngoại giao Văn hóa trên trường Quốc tế. Hơn nữa, mặc dù Bollywood được đánh giá là nền xuất khẩu văn hóa cao của Ấn Độ, tuy nhiên nhiều người cho rằng Bollywood nhỏ hơn nhiều so với ngành

⁹³ Mukherjee (2013), tr. 46- 62.

⁹⁴ Bhaumik (2013)

công nghiệp Hollywood, cả về quy mô và phạm vi ảnh hưởng.

Thứ ba, ngoại giao văn hóa của Ấn Độ bị ảnh hưởng từ những vấn đề xung đột nội bộ của Ấn Độ như đói nghèo, tôn giáo, bạo lực giới, bạo lực sắc tộc giữa các quốc gia khác. Những vấn đề nội bộ này luôn là mối quan tâm, lo lắng hàng đầu của các nhà lãnh đạo Ấn Độ vì nó ngăn cản sự lành đạo của việc phát triển một chiến lược ngoại giao văn hóa phù hợp và thống nhất. Mặc dù Ấn Độ đang nỗ lực cải thiện hình ảnh của một quốc gia có nhiều thực hành văn hóa tinh thần phong phú và triết lý quý giá thông qua Yoga, nhưng những vụ cưỡng hiếp và tội phạm liên quan đến phụ nữ đã làm cho hình ảnh này của Ấn Độ bị ảnh hưởng phần nào. Đây là những vấn đề mà Chính phủ Ấn Độ cần tính đến trong quá trình triển khai các nguồn lực sức mạnh mềm trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ.

Thứ tư, Ấn Độ đang thiếu một “hệ sinh thái” thể chế thích hợp để khai thác tiềm năng ngoại giao văn hóa và nâng cao lợi ích của mình trên phạm vi quốc tế. Cơ cấu tổ chức trong chính sách đối ngoại của Ấn Độ cần được cải thiện. Có thể nói thông qua Bộ máy ngoại giao với đội ngũ tinh hoa ưu tú của Ấn Độ nên hoạt động ngoại giao văn hóa nhanh chóng được mở rộng với quy mô toàn cầu và ngày càng tăng ở đất nước này. Tuy nhiên, vai trò đầy quyền lực của ngành ngoại giao Ấn Độ đã sản sinh ra một quá trình tạo dựng quyết định mang nặng chủ nghĩa cá nhân. Lý giải cho nguyên nhân này là vì phần lớn công việc hoạch định chiến lược trong Chính phủ diễn ra ở mức độ cá nhân. Việc Ấn Độ không có khả năng xây dựng chiến lược dài hạn từ trên xuống cho thấy rằng quốc gia này thiếu sự nhìn nhận về các tiềm năng ngoại giao văn hóa của mình một cách có hệ thống. Đồng thời, do thiếu định hướng từ trên xuống nên việc tạo dựng kế hoạch dài hạn là điều mà ngành Ngoại giao Ấn Độ đang bị khiếm khuyết để đưa ra một kế hoạch ngoại giao văn hóa phù hợp cho đất nước này.

Thứ năm, Ấn Độ đang thiếu các cơ quan phát thanh và quảng bá từ xa để tạo ảnh hưởng đến cộng đồng thế giới. Trong khi Mỹ nổi tiếng với kênh truyền hình CNN, hay Anh tự hào về kênh truyền hình BBC của mình, hay Trung Quốc được biết đến nhiều qua Đài truyền hình Trung ương (CCTV) thì Ấn Độ không có một cơ quan truyền hình chủ chốt nào, mặc dù trong lĩnh vực tư nhân thì kênh truyền hình VION TV đang nổi lên. Việc thiếu hụt cơ quan phát thanh chính thức đã hạn chế hệ thống truyền thông của khu vực và toàn cầu cùng như các chương trình quảng bá hình ảnh

của đất nước Ấn Độ được ít người biết đến.

Cuối cùng, ngoài những vấn đề kể trên, chiến lược sử dụng ngoại giao văn hóa như một công cụ của sức mạnh mềm còn bị hạn chế bởi một số phần tử cực đoan đang phá hoại chính sách ngoại giao văn hóa của Thủ tướng Narendra Modi. Họ tích cực quảng bá văn hóa không khoan dung và chính trị thù hận. Một số nhóm cực đoan Hindutva trong và ngoài nước đang tìm cách "lấy lại yoga". Điều này làm suy yếu sự chiếm hữu của New Delhi về yoga như một công cụ sức mạnh mềm. Việc đòi quyền sở hữu độc quyền sẽ chỉ dẫn đến sự đả kích đên tở từ các tổ chức nhà nước và phi nhà nước ở những nơi khác trên thế giới và nó cũng có thể gây tổn hại nghiêm trọng đến hình ảnh của Ấn Độ trên trường quốc tế⁹⁵.

3.2 Những gợi mở đối với Việt Nam

Năm 2009, Chính phủ Việt Nam đã đặc biệt chú trọng phát triển chiến lược "ngoại giao văn hóa" trong chính sách đối ngoại. Điều này thể hiện mức độ nhận thức về tầm quan trọng của ngoại giao văn hóa là một công cụ chiến lược quan trọng, cần được tích hợp chặt chẽ với cơ chế pháp chế kinh tế và chính trị của đất nước, nhằm nâng cao tầm vóc và hoài bão của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới. Chính phủ xác định rõ ràng rằng ngoại giao văn hóa là phương pháp quan trọng nhất để xây dựng Môi quan hệ Quốc tế ý nghĩa, dựa trên sự hiểu biết lẫn nhau.

Tầm quan trọng của ngoại giao văn hóa trong chính sách đối ngoại của Việt Nam được thể hiện rõ qua Quyết định số 208/QĐ-TTg ngày 14/02/2011, về "Chiến lược ngoại giao văn hóa đến năm 2020" do Bộ Ngoại giao ban hành ⁹⁶Với mục tiêu *“Đẩy mạnh hoạt động ngoại giao văn hóa nhằm làm cho thế giới hiểu biết hơn về đất nước, con người và văn hóa Việt Nam, tăng cường xây dựng lòng tin với các quốc gia trên thế giới, đưa quan hệ giữa Việt Nam với các đối tác đi vào chiều sâu, ổn định và bền vững, qua đó nâng cao vị thế đất nước trên trường quốc tế, tạo điều kiện hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội. Các hoạt động ngoại giao văn hóa cũng rất cần tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại làm phong phú và sâu sắc thêm những giá trị văn hóa truyền thống của đất nước”*

Nguyên Thủ tướng đã tuyên bố rõ ràng rằng *"Ngoại giao văn hóa, cùng với*

⁹⁵ Mohan (2014)

⁹⁶ Quyết định số 208/QĐ-TTg ngày 14/02/2011 về "Chiến lược ngoại giao văn hóa đến năm 2020"

ngoại giao kinh tế và ngoại giao chính trị, là ba trụ cột của ngoại giao hiện đại và toàn diện của Việt Nam".

Đề thúc đẩy sức mạnh của "ngoại giao văn hóa", đầu tiên, việc nghiên cứu về vấn đề lý thuyết và xây dựng chiến lược ngoại giao văn hóa phải được thực hiện một cách hệ thống. Theo hướng dẫn của Nguyên Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc về ngoại giao, nhiệm vụ chính của ngoại giao văn hóa trong tương lai cũng sẽ nằm trong sứ mệnh của toàn bộ hệ thống ngoại giao nước ta, đó là phục vụ hiệu quả cho mục tiêu phát triển của đất nước.

Để hoàn thành nhiệm vụ này, ngoại giao văn hóa sẽ tập trung vào 5 nội dung chủ yếu sau:

Thứ nhất, Việt Nam cần phát triển một kế hoạch ngoại giao văn hóa một cách cẩn thận hơn, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu ngoại giao, chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa; đồng thời tiếp tục tăng cường tích hợp ngoại giao văn hóa vào các chương trình đối ngoại cao cấp của chính phủ cũng như các bộ, ngành và địa phương. Đẩy mạnh lồng ghép các chương trình ngoại giao văn hóa trong chuyến thăm của lãnh đạo cấp cao Việt Nam tới các nước với mục tiêu quảng bá hình ảnh Việt Nam bên cạnh các mục tiêu chính trị và kinh tế.

Thứ hai, tiếp tục đưa ra các đề xuất về việc xây dựng cơ chế và chính sách, tạo môi trường thích hợp, cùng với việc đồng hành và hỗ trợ cho các bộ, ngành, địa phương và cộng đồng nhân dân thực hiện ngoại giao văn hóa. Điều này bao gồm việc xây dựng hình ảnh quốc gia và nhãn hiệu địa phương, nhằm thu hút du lịch và đầu tư, đồng thời giới thiệu sản phẩm Việt Nam tới thế giới. Thiết lập quan hệ Ngoại giao với các nước thông qua các hoạt động ngoại giao văn hóa tại chỗ như các diễn đàn, hội nghị, hội thảo quốc tế, hoặc các ngày lễ lớn hướng tới chính khách và cộng đồng các nước đang công tác và sinh sống tại Việt Nam. Ví dụ như “Lễ hội hoa anh đào Nhật Bản - Hà Nội” được tổ chức từ năm 2016 đến nay, hay “Lễ hội ẩm thực văn hóa Việt Nam - Hàn Quốc” từ năm 2017 đến nay; Liên hoan âm thực quốc tế từ 2014 đến nay; Lễ hội Ném còn ba nước Việt Nam - Lào - Trung Quốc từ năm 2014 đến nay; Ngày “Văn hóa các dân tộc Việt Nam” được tổ chức hằng năm. Mặt khác, cần tổ chức các hoạt động ngày văn hóa Việt Nam ở các quốc gia có cộng đồng người Việt Nam sinh sống

nhằm mục đích gắn kết cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài. Các Trung tâm văn hóa Việt Nam ở nước ngoài cũng là một kênh hiệu quả để giới thiệu và giao lưu văn hóa Việt Nam tại các quốc gia khác trên thế giới.

Thứ ba, tích cực và chịu trách nhiệm tham gia vào các tổ chức và diễn đàn văn hóa đa phương, nhằm tận dụng các ý tưởng, trí tuệ và nguồn lực để thúc đẩy phát triển quốc gia và củng cố vai trò và hình ảnh của Việt Nam như một thành viên đáng tin cậy trong cộng đồng quốc tế. Tham gia tích cực, có trách nhiệm và hiệu quả các tổ chức, diễn đàn đa phương, như Liên hợp quốc, Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN), Hội nghị Thượng đỉnh Á-Âu (ASEM), Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC)...kết hợp các hoạt động ngoại giao văn hóa của Việt Nam. Từ đó, thể hiện thông điệp mạnh mẽ quảng bá hình ảnh của Việt Nam trên cộng đồng quốc tế. Bên cạnh đó, có thể xem xét phát huy các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, cả hai đều cần phải được quan tâm, quảng bá, giới thiệu rộng rãi với bạn bè trên khắp thế giới nhằm thu hút khách du lịch, tạo tiềm năng cho ngành du lịch không khói, làm nên hình ảnh tươi đẹp, con người thân thiện, mến khách của Việt Nam. Tăng cường các hoạt động ngoại giao văn hóa của Việt Nam trên các diễn đàn văn hóa lớn góp phần nâng cao hình ảnh, uy tín của Việt Nam trên thế giới.

Thứ tư, tập trung vào xây dựng các chiến dịch nhằm đạt được các danh hiệu quốc tế, học hỏi và áp dụng các mô hình bảo tồn và thúc đẩy di sản văn hóa. Tăng cường tiếp thu tinh hoa văn hóa của con người, đặc biệt là các ý tưởng và sáng kiến trong lĩnh vực văn hóa, giáo dục, khoa học, thông tin và các mô hình phát triển bền vững. Điều này sẽ hỗ trợ hiệu quả cho sự phát triển xã hội - kinh tế của từng địa phương và đồng thời góp phần vào định hướng và xây dựng các chính sách quan trọng của quốc gia.

Thứ năm, chúng ta cần tăng cường nghiên cứu, dự báo và nhận biết những xu hướng quan trọng trong lĩnh vực ngoại giao văn hóa, giáo dục, khoa học và xã hội. Các xu hướng này có thể ảnh hưởng đến sự an ninh và phát triển của cả thế giới và quốc gia. Từ đó, Việt Nam có thể nắm bắt cơ hội và đối phó với những thách thức một

cách tốt nhất. Ngoài ra, chú trọng công tác rà soát, đôn đốc việc triển khai “Chiến lược Ngoại giao văn hóa đến năm 2020”⁹⁷ và việc thực hiện các thỏa thuận quốc tế về lĩnh vực văn hóa giữa Việt Nam với các nước⁹⁷

Thứ sáu, cần tăng cường giới thiệu về Việt Nam đến cộng đồng chính trị và mọi người trên thế giới. Nhờ sức mạnh của truyền thông, người dân trong nước có thể nắm bắt thông tin về biến động tình hình thế giới và phản ứng kịp thời. Đồng thời, thông qua truyền thông, bạn bè quốc tế cũng sẽ hiểu và đánh giá cao Việt Nam.

Trong xu thế số hóa hiện nay, việc sử dụng công nghệ thông tin và các mạng xã hội như Facebook, Instagram, Tiktok... đóng vai trò quan trọng trong việc quảng bá hình ảnh và văn hóa của Việt Nam trên thế giới.

Việt Nam là một đất nước thiên nhiên tuyệt đẹp, với nhiều danh lam thắng cảnh được UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên hàng đầu của nhân loại như Vịnh Hạ Long, Phong Nha - Kẻ Bàng, bãi đá Sa Pa. Ngoài ra, văn hóa Việt Nam cũng rất đa dạng và phong phú với những di sản văn hóa vật thể và phi vật thể của nhân loại như kiến trúc cổ đô Huế, Tháp Chăm, di tích đền Mỹ Sơn, nhạc cung đình Huế, không gian của gongs, múa rối nước... Điều này cần được giới thiệu và quảng bá với tận tâm, khiến thế giới hiểu và yêu thương văn hóa Việt Nam.

Việt Nam cũng cần tích cực truyền thông các giá trị truyền thống như lòng yêu nước, yêu chuộng hòa bình, tinh thần đoàn kết, biến khổ khăn thành cơ hội, sự yêu thương và lòng khoan dung trong văn hóa của con người Việt Nam. Điển hình như, chúng ta đã thành công khi biến thách thức từ đại dịch COVID-19 trở thành lợi thế để quảng bá, nâng cao hình ảnh Việt Nam. Trong ứng phó với đại dịch COVID-19, chúng ta không chỉ tiếp cận trên góc độ khoa học, y tế mà trên cả góc độ lịch sử, văn hóa bởi trong lịch sử, dân tộc ta không chỉ coi ngoại xâm mà ngay cả “đói”, “dốt” cũng là giặc. Việc xác định “COVID-19 là giặc” đã khơi dậy tinh thần dân tộc - sức mạnh mềm quốc gia. Đồng thời, chúng ta cũng đã chủ động triển khai Ngoại giao COVID, giúp đỡ các nước về khâu trang, y tế... Đây cũng chính là cách hành xử nhân văn, được hình

⁹⁷ Báo Điện tử Chính phủ (2018)

thành từ lịch sử, văn hóa của dân tộc⁹⁸

Ngoài ra, nhằm thúc đẩy ngoại giao văn hóa của Việt Nam, cần xây dựng một nhận thức sâu sắc trong cộng đồng quốc tế về một Việt Nam đổi mới và thành công. Hình ảnh về quốc gia chịu cảnh chiến tranh kéo dài sẽ được thay thế bằng một Việt Nam sôi động và phát triển vững mạnh, đóng góp bền vững và ổn định vào khu vực bằng các hoạt động ngoại giao văn hóa. Ngoài ra, Việt Nam cũng cần nỗ lực để xác lập vị thế là đối tác đáng tin cậy và có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế.

Đồng thời, cần triển khai nhiều giải pháp đồng bộ, bao gồm việc đổi mới tư duy, tầm nhìn và phong cách quản lý. Xây dựng các quy định rõ ràng, tiêu chuẩn và tiêu chí phát triển để tận dụng một cách tối ưu tài nguyên quan trọng này. Bên cạnh đó, hệ thống giáo dục và tuyên truyền cần lan tỏa ý thức bảo tồn vẻ đẹp văn hóa của dân tộc, tránh mọi hành động đánh giá và không phù hợp với bản sắc văn hóa Việt Nam. Chúng ta cùng nhau xây dựng một hình ảnh đa dạng và giàu sắc màu về Việt Nam trong lòng thế giới, khiến bạn bè quốc tế yêu mến và trân trọng văn hóa đặc biệt này.

⁹⁸ Ts. Lý Thị Hải Yến - Ts. Trần Thị Hương (2020) “*Tạp chí Cộng sản*”

Tiểu kết

Ấn Độ đã thành công trong việc xây dựng hình ảnh một quốc gia đổi mới, thành công và đa dạng văn hóa thông qua chiến lược ngoại giao văn hóa. Lợi thế của Ấn Độ là sự kết hợp của nhiều văn hóa và dân số trẻ nói tiếng Anh, giúp tạo sự ảnh hưởng và hấp dẫn với các quốc gia khác.

Tuy nhiên, ngoại giao văn hóa của Ấn Độ còn hạn chế do chiến lược không hiệu quả, thách thức từ các cường quốc, xung đột nội bộ và thiếu cơ quan chuyên trách để lan tỏa ảnh hưởng ra thế giới. Để tăng cường sức mạnh mềm, Ấn Độ cần giải quyết những hạn chế này.

Qua so sánh, Việt Nam và Ấn Độ có nhiều điểm tương đồng về văn hóa. Điều này là cơ sở quan trọng để thúc đẩy sức mạnh mềm và ngoại giao văn hóa của Việt Nam.

Trong bối cảnh hiện nay, cả hai nước Việt Nam và Ấn Độ đều tập trung vào ngoại giao văn hóa trong chính sách đối ngoại của mình. Ngoại giao văn hóa của Việt Nam hướng tới châu Á nhiều hơn, thể hiện qua gần gũi về địa lý, giá trị chung và quan tâm văn hóa, giúp thúc đẩy sự hiểu biết giữa Việt Nam và các nước láng giềng châu Á.

KẾT LUẬN

Ấn Độ là một quốc gia có đa dạng về văn hóa, ngôn ngữ và tôn giáo. Trong khu vực Châu Á – Thái Bình Dương; Ấn Độ, Trung Quốc và Hàn Quốc đang nhanh chóng trở thành những cường quốc văn hóa khu vực. Chính phủ Ấn đang tích cực xuất khẩu nội dung văn hóa của đất nước họ. Là nước sản xuất ra số lượng phim hàng năm cao nhất thế giới cũng như thường xuyên tổ chức các chương trình trao đổi văn hóa với các quốc gia trong khu vực đã tạo tiền đề quảng bá văn hóa của quốc gia này đến với thế giới. Đáng chú ý là sự đa dạng trong chính trị và tôn giáo của sức mạnh mềm Ấn Độ; vì vậy, quốc gia này đặc biệt chú trọng đến việc quảng bá đạo Phật bằng việc tổ chức các buổi hội thảo nghiên cứu về đạo Phật, các website nói về đạo Phật, xây dựng chùa chiền, trưng bày thánh vật,... Một khía cạnh quan trọng của ngoại giao văn hóa Ấn Độ là hướng tới 6,4 triệu người gốc Ấn đang sinh sống ở Đông Nam Á. Trừ các nước Đông Dương, các nước Đông Nam Á còn lại đều có số người Ấn Kiều tương đối cao. Nhiều người gốc Ấn ở đây không chỉ là những nhà đầu tư cỡ lớn mà còn là những chính khách thành đạt. Họ giữ chức vụ quan trọng ở các cơ quan thuộc chính phủ và các tổ chức phi chính phủ danh tiếng. Lực lượng này là cầu nối, là phương tiện hữu hiệu để văn hóa Ấn Độ ngày được lan rộng.

Thủ tướng Modi đã cố gắng đẩy mạnh các chương trình quảng bá văn hóa Ấn Độ như Diễn đàn Văn hóa Ấn Độ và các sự kiện quốc tế như Yoga Day 21/6 hằng năm, nhằm giới thiệu và quảng bá hình ảnh văn hóa đa dạng của Ấn Độ. Tuy nhiên, vẫn còn thách thức trong việc thúc đẩy văn hóa thông qua hợp tác kinh tế. Việc phát triển du lịch và thương mại văn hóa có thể gặp khó khăn khi các hoạt động này cần có sự đầu tư và quảng bá rộng rãi. Để vượt qua thách thức này, Ấn Độ cần phải xây dựng một chiến lược tập trung để khai thác tiềm năng du lịch và các nguồn lực văn hóa để thu hút sự quan tâm của cộng đồng quốc tế. Ấn Độ đã tăng cường các nỗ lực ngoại giao văn hóa như thúc đẩy văn hóa truyền thống, ngôn ngữ và nghệ thuật. Tuy nhiên, việc quảng bá ngoại giao văn hóa không chỉ đòi hỏi việc xây dựng một chiến lược toàn diện và bền vững. Điều này bao gồm việc tăng cường đào tạo và giáo dục văn hóa, thúc đẩy sự trao đổi nghệ thuật và diễn viên, và tạo ra các cơ hội giao lưu văn hóa đa

phương giữa Ấn Độ và các quốc gia khác.

Trong thời đại kỹ thuật số, việc xây dựng và quản lý hình ảnh của một quốc gia trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. Ấn Độ cũng phải đối mặt với thách thức này trong việc quảng bá văn hóa của mình trên các nền tảng trực tuyến và truyền thông xã hội. Để đối phó với thách thức này, Ấn Độ có thể đầu tư vào nền tảng truyền thông kỹ thuật số và sử dụng các phương tiện truyền thông mới để truyền tải và quảng bá hình ảnh văn hóa của mình. Ấn Độ có nhiều ngôn ngữ chính thức và địa phương, điều này có thể làm khó khăn trong việc thúc đẩy văn hóa và giao tiếp với quốc tế. Ấn Độ có thể đẩy mạnh việc dịch và phiên dịch các tài liệu văn hóa quan trọng, cung cấp hỗ trợ đa ngôn ngữ và xây dựng một cộng đồng ngôn ngữ chuyên nghiệp để tăng cường giao tiếp văn hóa với thế giới bên ngoài.

Như vậy, việc thúc đẩy ngoại giao văn hóa của Ấn Độ đối mặt với nhiều thách thức đa dạng. Với sự cam kết và nỗ lực liên tục, Ấn Độ có thể vượt qua những thách thức này và giới thiệu văn hóa đa dạng và phong phú của mình cho cộng đồng quốc tế. Cơ hội trong việc thúc đẩy ngoại giao văn hóa của Ấn Độ dưới thời Thủ tướng Modi đã đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao ảnh hưởng của Ấn Độ đối với khu vực và thế giới. Giao lưu văn hóa sâu đậm trong lịch sử. Cụ thể như trước khi thiết lập quan hệ ngoại giao chính thức, Ấn Độ và Việt Nam đã có sự giao lưu văn hóa - tôn giáo sâu đậm trong lịch sử. Việc nâng cấp quan hệ lên mức đối tác chiến lược toàn diện năm 2016 là kết quả của quá trình giao lưu và hợp tác lâu dài giữa hai nước. Với tầm nhìn sâu rộng trong việc thực hiện chính sách đối ngoại của Thủ tướng Modi, ông đã đặt ưu tiên cao cho chính sách đối ngoại và sử dụng ngoại giao văn hóa như một sức mạnh mềm để nâng cao vị thế của Ấn Độ. Tầm nhìn chính sách đối ngoại của ông Modi đã định hướng Ấn Độ tham gia chiến lược toàn cầu trong các lĩnh vực kinh tế, khoa học, văn hóa, chính trị và an ninh, cả ở quy mô khu vực lẫn toàn cầu.

Tựu chung, Ấn Độ có nhiều nguồn sức mạnh mềm đáng tự hào như Bollywood, Yoga, Phật giáo và triết học. Cộng đồng người Ấn hải ngoại cũng đóng góp vào sức mạnh mềm của Ấn Độ. Thủ tướng Modi đã thực hiện chiến lược ngoại giao sức mạnh mềm một cách có hệ thống. Sự phát triển kinh tế và công nghiệp giúp

Ấn Độ tăng cường sức mạnh văn hóa bởi vì Ấn Độ là một trong những nền kinh tế phát triển nhanh nhất thế giới và là một trong những cường quốc công nghiệp hàng đầu. Sự phát triển này đã cung cấp cho Ấn Độ tài chính và nguồn lực để đầu tư vào ngoại giao văn hóa và thúc đẩy hình ảnh của nước này trên thế giới. Ấn Độ đã thiết lập quan hệ đối tác với nhiều quốc gia trên thế giới thông qua việc hợp tác văn hóa. Điều này bao gồm việc tổ chức các sự kiện văn hóa, trao đổi nghệ thuật, trình diễn âm nhạc và văn hóa truyền thống. Nhờ đó, Ấn Độ đã tạo ra sự hiểu biết và tương tác tích cực với các quốc gia khác, từ đó nâng cao ảnh hưởng và tầm nhìn của Ấn Độ trên thế giới.

Ấn Độ đã tăng cường quan hệ văn hóa với Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN). Việc ký kết Hiệp định Đối tác Toàn diện ASEAN-Ấn Độ (ACIA) vào năm 2009 đã tạo ra cơ hội lớn để thúc đẩy giao lưu văn hóa và tăng cường sự hiểu biết giữa các quốc gia trong khu vực. Ấn Độ cũng thường tổ chức Tuần lễ Văn hóa Ấn Độ tại các quốc gia ASEAN và tăng cường trao đổi văn hóa giữa các nền văn hóa khác nhau. Văn hóa Ấn Độ trở thành nguồn cảm hứng toàn cầu. Với sự phát triển của truyền thông và mạng Internet, văn hóa Ấn Độ, bao gồm Bollywood, yoga, mỹ thuật, trang phục truyền thống và ẩm thực, đã trở thành nguồn cảm hứng cho nhiều người trên toàn cầu. Sự phổ biến này đã tạo ra một cầu nối văn hóa giữa Ấn Độ và các quốc gia khác, và làm tăng sự quan tâm và tò mò về văn hóa Ấn Độ trên thế giới.

Trong suốt quá trình nghiên cứu, tôi thấy rằng ngoại giao văn hoá đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng và củng cố mối quan hệ giữa Ấn Độ và các quốc gia Đông Nam Á. Chính sách ngoại giao văn hoá của Ấn Độ trong thời kỳ thủ tướng Modi đã nhắm đến nhiều mục tiêu, bao gồm tăng cường sự hiểu biết và trao đổi văn hóa, tạo điều kiện thuận lợi cho hợp tác kinh tế và chính trị, và thúc đẩy sự hòa nhập văn hoá trong khu vực. Đồng thời, xây dựng và củng cố mối quan hệ giữa Ấn Độ và Đông Nam Á. Qua các hoạt động giao lưu văn hoá, triển lãm, diễn đàn văn hóa và trao đổi sinh viên, Ấn Độ đã tạo ra một cầu nối văn hóa sâu sắc và đa dạng với Đông Nam Á. Điều này đã góp phần xây dựng lòng tin, sự thấu hiểu và sự thân thiện giữa các quốc gia và nhân dân. Chính sách ngoại giao văn hoá của Ấn Độ đã đạt được mục tiêu quan trọng trong việc tăng cường sự giao thoa và tiếp biến văn hoá giữa Ấn Độ và

Đông Nam Á. Điều này đã tạo ra một môi trường thuận lợi cho hợp tác kinh tế, chính trị và xã hội giữa hai khu vực này. Ấn Độ đã nắm bắt tầm quan trọng của văn hoá và truyền thống trong việc thúc đẩy quan hệ đa chiều, nâng cao vai trò và tầm ảnh hưởng của mình trong khu vực.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng Việt

1. Trần Trọng Toàn (2008), “*Góp thêm một số ý kiến về xây dựng chính sách ngoại giao văn hoá Việt Nam*”, Ngoại giao văn hoá vì một bản sắc Việt Nam trên trường quốc tế, Nxb Thế giới, Hà Nội
2. Nguyễn Thái Yên Hương (2011), “*Ngoại giao văn hoá Việt Nam: Lý luận và thực tiễn thời kỳ hội nhập*”, Hội thảo Khoa học Văn hoá đối ngoại trong thế giới hội nhập, Đại học Văn hoá Hà Nội
3. Nguyễn Hải Anh (2015), “*Luận án Ngoại giao văn hoá trong quan hệ quốc tế đương đại*”, Học viện Ngoại giao
4. Bành Tân Lương (2008) “*Ngoại giao văn hoá và sức mạnh mềm của Trung Quốc: Góc nhìn toàn cầu hoá*”, Nxb Giảng dạy và nghiên cứu ngoại ngữ, Bắc Kinh (Bộ Ngoại giao dịch và giới thiệu)
5. Phạm Thái Việt (2011), “*Chuyển hóa văn hóa thành sức mạnh*”, *Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế*, số 4 (87), tháng 12.
6. Bài phát biểu của Chủ tịch Hồ Cẩm Đào tại Đại hội Đại biểu Hội Liên hiệp văn học nghệ thuật Trung Quốc lần thứ VIII, Đại hội Đại biểu toàn quốc Hiệp hội nhà văn Trung Quốc lần thứ VII, ngày 10/11/2006, *Nhân dân Nhật báo ngày 11/11/2006*, tr.1, dẫn theo: “Phát huy sức mạnh quốc gia, lợi thế quốc gia trong bối cảnh quốc tế mới – một số vấn đề lý luận và kinh nghiệm thế giới”. Đề tài cấp Bộ của Viện Kinh tế và Chính trị thế giới.
7. Hoàng Khắc Nam (2011), *Quyền lực trong quan hệ quốc tế Lịch sử và vấn đề*, Nhà xuất bản Văn hóa – Thông tin.
8. Đào Minh Hồng – Lê Hồng Hiệp (chủ biên) (2013), *Sổ tay Thuật ngữ Quan hệ Quốc tế*, Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
9. Jakub Zajączkowski, Jivanta Schöttli, Manish Thapa (2014), *Án Độ trong thế giới đương đại: chính trị, kinh tế và quan hệ quốc tế*, Đinh Xuân Hà dịch,

Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

10. Jakub Zajączkowski, Jivanta SchÖttli, Manish Thapa (2014), *Ấn Độ trong thế giới đương đại: chính trị, kinh tế và quan hệ quốc tế*, Đinh Xuân Hà dịch, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

11. Jawaharlal Nehru (1990), *Phát hiện Ấn Độ*, tập I, Phạm Thủy Ba, Lê Ngọc Hoàng Túy và Nguyễn Tâm dịch, Nhà xuất bản Văn học.

12. Thương vụ Việt Nam tại Ấn Độ (2015), “*Kinh tế Ấn Độ tăng trưởng nhanh nhất thế giới*”, Bộ Công thương Việt Nam

<http://www.moit.gov.vn/vn/tin-tuc/6352/kinh-te-an-do-tang-truong-nhanh-nhat-the-gioi.aspx>

13. C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), Toàn tập, tập 4, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội

14. Nghiêm Thị Hải Yến (2006), “Khủng bố và chống khủng bố từ sau chiến tranh lạnh đến nay”, *Tạp chí Châu Mỹ ngày nay*, số 11.

15. Trần Xuân Hiệp (2015), “*Sự trỗi dậy của Trung Quốc và những vấn đề đặt ra đối với khu vực Đông Nam Á trong bối cảnh hiện nay*”, *Tạp chí Khoa học Đại học Quảng Nam*, số 7.

<http://kxhvn.duytan.edu.vn/Home/ArticleDetail/vn/103/1432/su-troi-day-cua-trung-quoc-va-nhung-van-de-dat-ra-doi-voi-khu-vuc-dong-nam-a-trong-boi-can-hien-nay-tran-xuan-hiep>

16. Trần Xuân Hiệp, Trần Như Bắc (2016), “*Chính sách của Mỹ đối với khu vực Đông Nam Á thập niên đầu thế kỉ XXI*”

<http://kxhvn.duytan.edu.vn/Home/ArticleDetail/vn/103/1418/chinh-sach-cua-my-doi-voi-khu-vuc-dong-nam-a-thap-nien-dau-the-ki-xxi-tran-xuan-hiep-tran-nhu-bac>

17. B T (2014), “*"Đa cực" - Cục diện thế giới năm 2014*”

<http://www.antv.gov.vn/tin-tuc/quoc-te/da-cuc-cuc-dien-the-gioi-nam-2014-129907.html>

18. Minh Lý, Đăng Chính (2015), “*Ấn Độ hưởng ứng Ngày Quốc tế Yoga*

vì sức khỏe”.

<http://baotintuc.vn/anh/an-do-huong-ung-ngay-quoc-te-yoga-vi-suc-khoe-20150621144218454.htm>

19. Dương Quốc Thanh (2009), “*Yếu tố văn hóa trong quan hệ quốc tế hiện đại*”, Tạp chí Nghiên cứu Quốc tế, tháng 3, số 1 (76).
20. Nguyễn Xuân Thắng, Nguyễn Mạnh Hùng (đồng chủ biên) (2011), “*Một số đặc điểm nổi bật của thế giới và khu vực những năm đầu thế kỷ XXI*”, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà Nội.
21. Thông tấn xã Việt Nam (2004), “*Ấn Độ: mục tiêu trở thành cường quốc*”, Tài liệu tham khảo, số 3.
22. Thông tấn xã Việt Nam (2004), “*Bước tiến về phía Đông của Ấn Độ ngày càng mạnh*”, Tài liệu tham khảo đặc biệt, số 117.
23. Thông tấn xã Việt Nam (2006), “*Quan hệ của Ấn Độ với các nước lớn*”, Tài liệu tham khảo đặc biệt, số 297.
24. Thông tấn xã Việt Nam (2007), “*Ấn Độ những xu hướng mới trong chính sách đối ngoại*”, Tài liệu tham khảo đặc biệt, số 5.
25. Thông tấn xã Việt Nam (2007), “*Những xu hướng lớn của thế giới trong 20 năm tới*”, Tài liệu tham khảo đặc biệt, số 79.
26. Thông tấn xã Việt Nam (2007), “*Chính sách đối ngoại của Ấn Độ trong thế kỷ XXI*”, Tài liệu tham khảo đặc biệt ngày 31 tháng 8.
27. Thông tấn xã Việt Nam (2008), “*Vai trò của Ấn Độ trong trật tự thế giới mới*”, Tài liệu tham khảo đặc biệt, số 235.

Tài liệu tiếng nước ngoài

28. UNESCO (2001), Tuyên bố toàn cầu về đa dạng văn hoá, UNESCO 2/11/2001
29. Milton Cummings (2009), *Cultural Diplomacy and the United States Government: A Survey, Cultural Diplomacy Research Series, Center for Arts and Culture, Washington D.C*

30. Juliet Sablosk (2003), *Recent Trends in Department of State Support for Cultural Diplomacy: 1993 – 2002*, The Center for Arts and Culture, Washiongton D.C
31. Institute for Cultural Diplomacy (2013), *Cultural Diplomacy Dictionary*. Germany
32. Cummings, Milton (2003) *Cultural Diplomacy and The United States Government; a Survey*, Center for Arts and Culture, USA
33. Institute for Cultural Diplomacy (2013), *Cultural Diplomacy Dictionary*. Germany
34. Joseph S. Nye (1991), *Bound to Lead: The Changing Nature of American Power*, Basic Books, New York, Reprint edition.
35. Từ điển Oxford Online: <https://en.oxfordictionaries.com/definition/diplomacy>
36. Joseph S. Nye (1999), “*Redefining the National Interest*”, *Foreign Affairs*, July/August, Vol. 78 (4).
37. Joseph S. Nye (2002), “Why Military Power Is No Longer Enough”, *The Guardian* (London), March 31. <http://www.theguardian.com/world/2002/mar/31/1>
38. Joseph S. Nye (2004), *Soft Power: The Means to Success in World Politics*, Public Affairs, New York.
39. Joseph S. Nye (2006), “Think Again: Soft Power”, *Foreign Policy*, February 23 <http://foreignpolicy.com/2006/02/23/think-again-soft-power/>
40. Joseph S. Nye (2004), *Soft Power: The Means to Success in World Politics*, Public Affairs, New York.
41. Joespj S.Nye (2002), *The paradox of American power. Why the world 's only superpower can't go it alone*, Oxford University Press, New York
42. V.R. Raghavan (2007), “*Soft Power in the Asia Pacific*”, Paper presented at a Seminar on ‘After the Unipolar Moment: Asia and Regional Global Order’. http://delhipolicygroup.com/security_monitor.htm
43. Yashwant Sinha, Sunil Khilnani (2004), “*What it Takes to be a World Power*”. <http://indiatoday.intoday.in/story/yashwant-sinha-sunil-khilnani-on-india->

power-capabilities/1/196258.html

44. The Economic Times (2008), “*Bollywood can be an important tool of diplomacy: PM*” http://articles.economictimes.indiatimes.com/2008-06-11/news/27707878_1_soft-power-film-industry-bollywood
45. The Economic Times (2007), “*India should aim to be a soft power instead of superpower*”.
46. C. Raja Mohan (2014), “*Modi’s Diplomacy: Yoga, Democracy and India’s Soft Power*”, *The Indian Express*
47. Ministry of Finance (2011), *Government of India, Economic Survey 2010 – 2011*.
48. Business Standard Reporter (2015), “*India to grow at 7.8% in FY16, to outpace China: ADB*”, New Delhi http://www.business-standard.com/article/economy-policy/indian-economy-to-grow-by-7-8-in-2015-16-adb-115032400104_1.html
49. Amrita Narlikar (2008), “*Power and Legitimacy: India and the World Trade Organization*”, *India and Global Affairs*, Inaugural Issue.
50. Bhavna Vij Aurora (2015), “*PM Narendra Modi keen on projecting India as a ‘soft power’, uses Buddha connect in foreign policy*”, *The Economic Times*.
51. Subir Bhaumik (2013), “*China and India use Buddha for regional karma*”, *Al Jazeera*. <http://www.aljazeera.com/indepth/features/2013/01/2013171148400871.html>
52. S. D. Muni (2010), “*Nalanda: a soft power project*”, *The Hindu* <http://www.thehindu.com/opinion/lead/nalanda-a-soft-power-project/article604248.ece>
53. Kadira Pethiyagoda (2015), “*Modi deploys his culture skills in Asia*”, *Brookings India*. <http://www.brookings.in/in-focus/modi-deploys-his-culture-skills-in-asia/>
54. NDTV (2015), “*UN’s Decision to Mark Yoga Day Shows India’s Soft Power: Sushma Swaraj*”. <http://www.ndtv.com/india-news/uns-decision-to-mark-yoga-day-shows-indias-soft-power-sushma-swaraj-774031>
55. The Economic Times (2015), “*Yoga is India’s soft power, says Prakash*

Javadekar". http://articles.economictimes.indiatimes.com/2015-06-21/news/63671818_1_international-yoga-day-yoga-session-asanas

56. Tansen Sen (2012), "*The Spread of Buddhism to China: A Re-examination of the Buddhist Interactions between Ancient India and China*", *China Report*, Volume 48 (11).
57. USC Center on Public Diplomacy (2014), '*Rising Soft Powers: India*', Los Angeles.
58. Avtar Singh Bhasin (2007), *India's foreign relations - 2006 documents Part I*, Geetika publishers, New Delhi.
59. Avtar Singh Bhasin (2007), *India's foreign relations - 2006 documents Part II*, Geetika publishers, New Delhi.
60. Barun Mitra (2010), dẫn lại John Lee (2010), "*Unrealised Potential: India's 'Soft Power' Ambition in Asia*", *Foreign Policy Analysis*, The Centre for Independent Studies, June 30.
61. Bhavna Vij Aurora (2015), "*PM Narendra Modi keen on projecting India as a 'soft power', uses Buddha connect in foreign policy*", *The Economic Times*.
62. Das, A. K. (2013). *Soft and hard power in India's strategy toward Southeast Asia*. *India Review*, 12(3), 165-185
63. Davé, s. (2013). *Indian accents: Brown Voice and racial performance in American television and film*. Urbana, IL: Univ, of Illinois Press.
64. David, A. R. (2007). *Beyond the silver screen*. *South Asia Research*, 27 (Y), 5-24.
65. Desai, V. (2015). *India Stretched Its Soft Power on International Yoga Day, but the Real Work Begins Now*. Quartz India.
66. Drezner, D. w. (2011). *Does Obama Have a Grand Strategy? Why We Need Doctrines in Uncertain Times*. *Foreign Affairs*, 90(4). <http://www.jstor.org/stable/23039606>
67. Egenes, T., & Reddy, K. (2002). *Eternal stories from the Upanishads*. Smriti Books.
68. FICCLKPMG. (2013). *The power of a billion - realizing the Indian Dream*.

69. Retrieved April 15, 2022, from [https://ficci.in/spdocument/20217/FICCI-KPMG-Report-13-FRAMES .pdf](https://ficci.in/spdocument/20217/FICCI-KPMG-Report-13-FRAMES.pdf)
70. Gallarotti, G. M. (2011). *Soft power: What it is, why it's important, and the conditions for its effective use*. *Journal of Political Power*, 4(1), 25-47.
71. Gallarotti, G., & Al-Filali, I. Y. (2012). Saudi Arabia's Soft Power. *International Studies*, 49(3-4), 233-261.
72. Ganguly, A. (2016). *Modi doctrine: New paradigms in India's foreign policy*. Darya Ganj, New Delhi: Wisdom Tree.
73. Gelb, L. H. (2010). *Power rules: How common sense can rescue American foreign policy*. New York: Harper Perennial.
74. Bhanu, p. (2015). *India's Cultural Diplomacy: Present Dynamics, Challenges and Future Prospects*. *International Journal of Arts, Humanities and Management Studies*, 7(9).
75. Blechman, B. M. (2004). *Soft power: The means to success in world politics*. *Political Science Quarterly*, 119(4).
76. Boesche, R. (2002). *The first great political realist: Kautilya and his Arthashastra*. Lanham: Lexington Books.
77. Buddhist channel: India. (2016). *International Buddhist conclave open session in Sarnath*. Retrieved April 14, 2022, from <https://buddhistchannel.tv/index.php?id=42%2C12974%2C0%2C0%2C1%2C0>
78. Bureau of Educational and Cultural Affairs Exchange Programs. (2021). Virtual Sports Visitor Program Connects Coaches and Administrators from Ten Countries. Retrieved April 12, 2022, from <https://exchanges.state.gov/us/spotlight/virtual-sports-visitor-program-connects-coaches-and-administrators-ten-countries>
79. Bureau, M. (2015, June 22). *Prime Minister Narendra Modi turns Rajpath into Yogpath, begins 'new era of peace'*. Retrieved April 13, 2022, from <https://www.indiatoday.in/mail-today/story/narendra-modi-world-yoga-day-rajpath-yogpath-delhi-258835-2015-06-22>

82. Pmindia. (2016). *Press statement by PM Sh. Modi during the visit of Prime* https://www.pmindia.gov.in/en/news_updates/press-statement-by-pm-sh-modi-during-the-visit-of-prime-minister-of-thailand-to-india/
83. Pracin Jain Academy. (2021, January 01). *Diversity of India*. Retrieved April 15, 2022, from <https://timesofindia.indiatimes.com/readersblog/pracin-jain-academy/diversity-of-india-28741/>
84. Press Information Bureau Government of India Ministry of Culture. (2015). *3 Buddhist Circuits identified by the Ministry of Tourism*. Retrieved April 14, 2022, from <https://pib.gov.in/newsite/PrintRelease.aspx?relid=116398>
85. PTI / Jun 11, 2008. (n.d.). *Bollywood can be an important tool of diplomacy:PM: India News - Times of India*. The Times of India. Retrieved August 22, 2022, from <https://timesofindia.indiatimes.com/india/Bollywood-can-be-an-important-tool-of-diplomacy-PM/articleshow/3120552.cms>
86. Raghavan, V. R. (2007). *Soft power in the Asia Pacific*. The Stanley Foundation.
87. Rajendram, D. (2014). *India's new Asia-Pacific strategy: Modi acts East*. Lowy Institute for International Policy. Retrieved April 12, 2022, from <https://www.lowyinstitute.org/the-interpreter/indias-new-asia-pacific-strategy-act-east>
88. Schneider, c. (2003). *Diplomacy that works 'best practices' in cultural diplomacy*. Washington: Center for arts and culture.
89. Singh, Y. (2008). *Bollywood in Southeast Asia*. Retrieved, 5(18), 2009.
90. Sorokin, p. A. (1947). *Society, culture, and personality: Their structure and Dynamics, a system of general sociology*. New York: Harper.
91. Stobdan, p. (2016). *Asia's Buddhist connectivity and India's role*. Retrieved April 12, 2022, from <https://idsa.in/issuebrief/asias-buddhist-connectivity-and-indias-role-pstobdan190216>
92. Stobdan, p. (2016). *To Deploy the Soft Power of Buddhism, India Needs to Embrace the Sangha*. The Wire.

